CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

MASTER SALE CONTRACT

Số/No.: 02/HĐNT-MB/2025/JVL-BEEFOOD

- *Căn cứ Bộ Luật Dân sự đã được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, và các văn bản hướng dẫn thi hành.*
- *Căn cứ Luật Thương mại đã được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành.*
- *Căn cứ nhu cầu và sự thoả thuận của hai bên.*

Hợp đồng này được ký kết vào ngày 24... / 02. /2025 tại Hà Nội, giữa các Bên gồm:

BÊN BÁN: CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT

Đại diện bởi: Ông **YOICHI HARUMOTO**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Trụ sở tại: số 519, Đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mã số thuế: 0109752537

Điện thoại: 0243 8626769

Tài khoản: 689610899999

Tại: Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank) – Chi nhánh Vĩnh Phúc.

(Sau đây gọi là "***Bên Bán***" hoặc "***JVL***")

Và

BÊN MUA: CÔNG TY CỔ PHẦN BEEFOOD

Đại diện bởi Ông **PHÙNG VĂN DU**

Chức vụ: Giám Đốc

Địa chỉ : Số 8 Nguyễn Văn Ngọc, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình , Thành Phố Hà Nội , Việt Nam

Mã số thuế: 0109826919

Điện thoại: 0818081988

(Sau đây gọi là "***Bên Mua***")

- *Pursuant to the Civil Code, which was passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam and took effect on January 01, 2017, and the implementation guiding documents.*
- *Pursuant to the Law on Commerce, which was passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam and took effect on January 1, 2006, and the implementation guiding documents.*
- *Based on the demand and agreements of the parties.*

This Contract is made and entered into as of this day of February 24, 2025.., in Ha Noi City, by and between:

THE SELLER: JAPAN VIETNAM LIVESTOCK COMPANY LIMITED

Representative : Mr. **YOICHI HARUMOTO**

Title: General Director

Head office: No. 519, Minh Khai Street, Vinh Tuy Ward, Hai Ba Trung District, Ha Noi City, Viet Nam.

Tax code: 0109752537

Telephone: 0243 8626769

Bank account: 689610899999

At: Vietnam Joint Stock Commercial Bank For Industry And Trade (Vietinbank) – Vinh Phuc Branch

(Hereinaffter refered to as the "***Seller***" or "***JVL***")

And

THE PURCHASER: BEEFOOD., JSC

Representative: Mr. **PHUNG VAN DU**

Position: Director

Head office: No. 8 Nguyen Van Ngoc, Cong Vi Ward, Ba Dinh District, Ha Noi City, Viet Nam

Tax code: 0109826919

Telephone: 0818081988

(Hereinafter referred to as the "***Purchaser***")

Bên Mua và Bên Bán sau đây được gọi riêng là *"Bên"* và gọi chung là *"Các Bên"*.

XÁC NHẬN VÀ XÉT RẰNG:

- Bên Bán mong muốn cung cấp sản phẩm và Bên Mua mong muốn mua từ Bên Bán các Hàng hoá được sản xuất và cung cấp bởi Bên Bán (như được định nghĩa dưới đây).
- Cho mục đích nêu trên, Các Bên mong muốn và thiết lập sự thỏa thuận bằng Hợp đồng này với các điều kiện và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI HỢP ĐỒNG

1.1. Trong thời hạn thực hiện Hợp đồng Nguyên tắc này, Bên Bán đồng ý cung cấp cho Bên B các sản phẩm thực phẩm từ **Thịt Bò** (sau đây gọi tắt là ***"Sản Phẩm"***) do Bên Bán sản xuất, kinh doanh và phân phối.

1.2. Số lượng Sản phẩm cung cấp và địa điểm giao hàng sẽ được xác nhận theo từng yêu cầu đặt hàng cụ thể theo nhu cầu của Bên Mua. Bên Bán đảm bảo Sản Phẩm cung cấp được đóng gói, phân loại và bảo quản theo đúng tiêu chuẩn và theo thông tin Bên Bán cung cấp.

1.3. Bên Bán thực hiện cung cấp Sản Phẩm đảm bảo chất lượng đáp ứng các yêu cầu sau:

- Theo mẫu chào hàng đã được Bên Mua chấp nhận;
- Đạt tiêu chuẩn theo hồ sơ công bố tiêu chuẩn chất lượng đính kèm.

1.4. Bên Bán cam kết sản phẩm cung cấp có chất lượng phù hợp, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và tiêu chuẩn nhà sản xuất theo thông tin Bên Bán cung cấp. Trường hợp Sản phẩm có yêu cầu đặc biệt về bảo quản trong suốt quá trình vận chuyển, giao hàng, lưu kho, các Bên cam kết chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị để thực hiện việc giao nhận Sản Phẩm. Bên Bán có trách nhiệm quản lý, kiểm soát chất lượng Sản Phẩm dịch vụ do Bên Bán cung cấp và thực hiện, đồng thời đảm bảo sẽ phối hợp với Bên Mua giải quyết các vấn đề phát sinh xảy ra liên quan đến Sản Phẩm trong quá trình thực hiện Hợp Đồng.

ĐIỀU 2: GIÁ – THANH TOÁN

2.1 Đơn giá Sản Phẩm (bao gồm các loại thuế, phí và lệ

The Purchaser and the Seller are hereinafter referred to as the ***"Party"*** separately and collectively as the ***"Parties"***.

CONSIERATION THAT:

- The Seller wishes to supply products and the Purchaser wishes to purchase from the Seller the Products manufactured and supplied by the Seller (as defined below).
- For the above purposes, the Parties wish and establish an agreement by this Contract with the following terms and conditions:

ARTICLE 1. SUBJECT AND SCOPE OF CONTRACT

1.1. Within the term of this Principle Contract, the Seller agrees to sell to the Purchaser due to the list of food products - **Beef** (hereinafter referred to as ***"Product"***) manufactured, traded and distributed by the Seller.

1.2. All the products will be supplied according to the detailed requirements claimed by the Seller, including the quantity, the specification, as well as the quality. Ensure the correct type and specifications as required by the Seller are stated in the order.

1.3. The Seller shall provide quality Products that meet the following requirements:

- According to the offer form accepted by the Purchaser;
- Meets standards according to the attached quality standards declaration documents.

1.4. The Seller ensures that the products delivered satisfy the required quality standards and are in accordance with legal rules and manufacturer's specifications as disclosed by the Seller. If the products require particular preservation during transportation, delivery, or storage, the Parties agree to provide the appropriate equipment to enable correct handling of the Products. The Seller is responsible for managing and controlling the quality of the Products and services provided, as well as working with the Purchaser to resolve any issues that arise in connection with the Products during the term of the Contract.

ARTICLE 2: PRICES – PAYMENT

2.1 The Product Price (including all taxes, fees, and

phí theo quy định của pháp luật hiện hành) sẽ được áp dụng theo Bảng giá chính thức do Bên Bán quyết định, được đính kèm và trở thành một phần không tách rời của Hợp đồng.

2.2 Thời hạn thanh toán: thanh toán các hóa đơn phát sinh từ ngày 1-31 hàng tháng vào ngày 10 của tháng tiếp theo.

2.3 Hạn mức tín dụng:

- Hạn mức dư nợ tối đa: **100.000.000 VNĐ**.
  (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng).
- Hạn mức tín dụng này có thể được thay đổi tuỳ theo tình hình mua Sản Phẩm và thanh toán của Bên Mua và việc thay đổi này do Bên Bán quyết định bằng văn bản gửi cho Bên Mua.
- Nếu Bên Mua không thanh toán đúng theo quy định về thời gian thanh toán nêu trên thì Bên Bán sẽ có quyền ngưng cung cấp Sản Phẩm cho đến khi nhận được tiền thanh toán của Bên Mua, đồng thời Bên Mua phải chịu các chế tài do vi phạm thời hạn thanh toán được quy định tại Hợp đồng này. Nếu Bên Mua vi phạm thời gian thanh toán, Bên Bán có quyền điều chỉnh hình thức thanh toán theo hạn mức tín dụng sang hình thức thanh toán trước khi mua hàng.

ĐIỀU 3. PHƯƠNG THỨC ĐẶT HÀNG VÀ GIAO NHẬN SẢN PHẨM

3.1. Đặt hàng:

- Khi có nhu cầu đặt mua Sản Phẩm, Bên Mua sẽ gửi đơn đặt hàng cho Bên Bán ít nhất hai (02) ngày trước ngày dự kiến giao hàng. Bên Mua sẽ thông qua nhân sự của mình để trao đổi và đặt hàng tới Bên Bán. Bên Mua hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thông tin đặt hàng được nhân sự của mình xác nhận với Bên Bán.
- Bên Bán xác nhận sẽ nhận thông tin đặt hàng và tiến hành cung cấp Sản Phẩm khi Bên Mua liên hệ với Bên Bán qua email hoặc số liên hệ sau:
  + Số điện thoại: 0945.281.823
  + Email: anh.hn@vinabeef.com;
    northhrc@vinabeef.com
- Trong trường hợp có thay đổi thông tin về nhân sự phụ trách đặt hàng, Bên Mua và Bên Bán sẽ có trách nhiệm thông báo cho nhau và cung cấp thông

charges as prescribed by current laws) shall be applied in accordance with the Official Price List determined by the Seller, which is attached hereto and forms an integral part of this Contract.

2.2 Term of payment: the invoices incurred from day 1-31 in the month shall be paid on the 10th of the following month.

2.3 Credit limit:

- Maximum credit limit: **VND 100,000,000**
  (In words: One hundred million dong.)
- This credit limit can be changed in depending on the situation of purchase and payment of Products of the Purchaser and such change shall be at the discretion of the Seller by a written notice to the Purchaser.
- If the Purchaser fails to pay in accordance with the above-mentioned term of payment, the Seller reserves the right to stop providing Products until receive the payment of the Purchaser, simultaneously, the Purchaser shall bear the sanctions for violating the payment term specified in this Contract. If the Purchaser violates the term of payment, the Seller reserves the right to adjust the payment method in this to prepayment.

ARTICLE 3. METHODS OF ORDERING AND DELIVERY OF PRODUCTS

3.1. Order Request:

- When purchasing Products, the Purchaser shall send a purchase order to the Seller at least two (02) days before the expected delivery date. The Purchaser will place orders and communicate with the Seller through the personnel in charge. The Purchaser assumes full responsibility for the accuracy of the order information confirmed by its personnel with the Seller.
- The Seller confirms to receive the order information and proceed to supply the Products upon being contacted by the Purchaser by the following contact:
  + Phone number: 0945.281.823
  + Email: anh.hn@vinabeef.com;
    northhrc@vinabeef.com
- In the event of any changes to the personnel responsible for placing orders, both the Purchaser and the Seller shall notify each other and provide the details of the new responsible personnel to ensure

tin về nhân sự phụ trách mới để xác nhận thông tin và thực hiện giao dịch.

3.2. Thời gian giao hàng từ 9h đến 17h, vào các ngày theo lịch quy định của Sở Giao thông - Vận tải cho phép lưu thông và đậu xe giao hàng của Bên Bán trên các chuyến đường liên quan đến việc vận chuyển và giao nhận Sản Phẩm. Bên Bán sẽ không giao hàng vào thứ 7, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ.

3.3. Bên Mua cam kết giá trị Sản Phẩm trong mỗi lần đặt hàng không dưới mức tối thiểu là **1.000.000 VNĐ** (*Một triệu Việt Nam Đồng*). Trong trường hợp Bên Mua không đặt đủ số lượng tối thiểu để giao hàng, Bên Bán có thể chuyển số lượng Sản Phẩm mà Bên Mua đã đặt sang đợt giao hàng kế tiếp bằng một thông báo gửi tới nhân sự phụ trách của Bên Mua.

3.4. Chi phí bốc dỡ sẽ do mỗi Bên chịu chi phí ở một đầu.

3.5. Chấp nhận chính thức đối với Sản Phẩm: Khi nhận hàng, Bên Mua phải kiểm tra số lượng, chất lượng, quy cách đóng gói và quy định về hạn sử dụng của Sản Phẩm và ký nhận ngay tại Kho Hàng của Bên Mua hoặc Địa Điểm Nhận Hàng khác được đề cập trong đơn đặt hàng đã được Bên Bán chấp nhận. Sau khi đại diện Bên Mua ký xác nhận vào phiếu giao hàng/phiếu xuất kho và Bên Mua đã nhận hàng, Bên Bán không chịu trách nhiệm về bất cứ những mất mát, thiếu hụt, hư hỏng về sau (nếu có).

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

4.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên Bán:

- Nỗ lực tối đa để cung cấp Sản phẩm đúng chất lượng do nhà sản xuất đã đăng ký/công bố với các cơ quan chức năng.
- Chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng và nhãn hiệu của Sản Phẩm đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam. Bên Bán có trách nhiệm thu hồi lại hàng trong trường hợp liên quan đến chất lượng Sản Phẩm do lỗi của nhà sản xuất, Sản Phẩm không đạt chất lượng theo kết quả kiểm nghiệm của cơ quan có thẩm quyền phát hiện và đề nghị thu hồi, ngừng lưu hành sản phẩm.
- Giao hàng đúng số lượng, chất lượng, thời hạn

proper information verification and transaction execution.

3.2. Delivery time: from 9:00 to 17:00, on the calendar days specified by the Department of Transport allowing circulation and parking of the Seller's delivery vehicle on the roads related to the transportation and delivery of the Products, not delivering on Saturday, Sunday and holidays.

3.3. The Purchaser undertakes that the quantity of the Products in each order is not less than the minimum **VND 1,000,000** *(One million Dong)*. In case that the Purchaser fails to order the minimum quantity for delivery, the Seller can transfer the quantity of the Products that Purchaser has ordered to the next delivery by a notification sent to the Purchaser's personnel.

3.4. The cost of loading and unloading Products shall be borne by each Party at one end.

3.5. Official Acceptance of Products: When receiving Products, the Purchaser must check the quantity, quality, packing specification and provisions on expiration date of Products and sign the receipt at the Warehouse of Purchaser or other Delivery Location as specified in the order confirmed by the Seller. After the representative of the Purchaser has signed the delivery note and the Purchaser has received the Products, the Seller will not be responsible for any loss, shortage or damage arising (if any).

ARTICLE 4. RIGHTS AND OBLIGATIONS

4.1. Rights and Obligations of Seller:

- To supply, at its best efforts, Products with proper quality registered/publicized by the producres to functional authorities.
- Be responsible for the origin, origin, quality and trademark of the Products in accordance with the provisions of Vietnamese law. The Seller is responsible for recovering the Products in cases related to the quality of the Products due to the manufacturer's fault, the Products do not meet the quality according to the test results of the competent agency detecting and requesting the recall or discontinuation of the product.
- Deliver Products with proper quantiy, quality, time and location as stipulated in each order.

và địa điểm được quy định trong từng đơn hàng.

- Bên Bán, bằng chi phí của mình sẽ đổi cho Bên Mua những Sản Phẩm khiếm khuyết do lỗi kỹ thuật trong quá trình sản xuất mà không thể phát hiện bằng mắt thường.
- Các quyền, trách nhiệm (nghĩa vụ) khác theo quy định của Hợp đồng và pháp luật có liên quan.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên Mua:

- Bảo quản, lưu trữ và sử dụng Sản Phẩm theo đúng hướng dẫn của Bên Bán và hướng dẫn trên bao bì sản phẩm, tài liệu đính kèm (nếu có).
- Bên Mua cam kết rằng đã hiểu rõ phương thức bảo quản, cách thức sử dụng, công dụng và thành phần của Sản Phẩm của bên Bán.
- Bên Mua cam kết việc mua Sản Phẩm của Bên Bán chỉ nhằm mục đích tiêu thụ tại các cơ sở của mình.
- Nhận được Sản Phẩm và dịch vụ theo đúng yêu cầu đặt hàng, đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm theo cam kết của Bên Bán.
- Có nghĩa vụ tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ Bên Bán trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng.
- Bên Mua có trách nhiệm xin phép của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tạo điều kiện thuận lợi cho xe giao hàng của Bên Bán đến đậu tại Địa Điểm Giao Hàng nếu Địa Điểm Giao Hàng nằm trên tuyến đường cấm đậu đỗ xe. Nếu Bên Mua không xin được giấy phép đậu đỗ xe nêu trên thì phải thông báo trước cho Bên Bán để sử dụng phương tiện giao hàng thích hợp.
- Bố trí người nhận hàng kịp thời theo đúng thời gian, địa điểm đã thỏa thuận.
- Thông báo cho Bên Bán nếu có sự thay đổi liên quan đến thông tin xuất hóa đơn VAT.
- Có trách nhiệm thanh toán tiền cho Bên Bán theo đúng quy định tại Điều 2 của Hợp Đồng này. Nếu quá hạn mà Bên Mua chưa thanh toán thì Bên Mua phải chịu lãi suất chậm thanh toán với mức 20%/năm; đồng thời Bên Bán có quyền ngừng giao hàng cho đến khi Bên Mua thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán.
- Các quyền, trách nhiệm (nghĩa vụ) khác theo quy định của Hợp đồng và pháp luật có liên quan.

- The Seller shall, by bearing all of the expenses of, exchange the defective Products caused by technical problems in production process which cannot be deteced by eyes for the Purchaser.
- Other rights, responsibilities (obligations) in accordance with the provisions of this Contract and relevant laws.

4.2. Rights and Obligations of Purchaser:

- To preserve, store and use Products in compliance with regulations of the Seller and the intruction on products packages, enclosed documents (if any).
- The Purchaser shall undertake that the Purchaser understands the method of preservation, usage, utility and ingredient of the Seller's Products.
- The Purchaser shall undertake that its purchase of the Seller's Products is for the purpose of consumption at its facilities only.
- To receive the best services provided by the Seller, ensuring quality and compliance with food safety and hygiene standards.
- The Purchaser is obligated to facilitate and support the Seller throughout the execution of the Contract.
- The Purchaser is responsible for obtaining permission from the competent state agencies to create favorable conditions for the Seller's delivery vehicle to park at the Delivery Location if the Delivery Location is on a prohibited route parking. If the Purchaser fails to obtain the above parking permit, the Seller must be notified in advance to use the appropriate delivery vehicle.
- To arrange to receive the Products on time and at proper location as agreed.
- To inform the Seller if there's any change relating to information of issuing VAT invoice.
- To be responsible for the payment to the Seller as Article 2 of this Contract. In case of any late payment, the Purchaser shall be subject to an overdue interest rate equivalent to 20% per year; simultaneously, the Seller has the right to stop delivery until the Purchaser fulfills its payment obligations.
- Other rights, responsibilities (obligations) in accordance with the provisions of this Contract and relevant laws.

ĐIỀU 5: SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

5.1. Không Bên nào được coi là vi phạm quy định Hợp đồng cùng các Thỏa thuận giao dịch liên quan và có nghĩa vụ bồi thường vì đã không thực hiện được các nghĩa vụ đã được thỏa thuận trong Hợp đồng do bị ảnh hưởng bởi các Sự Kiện Bất Khả Kháng theo quy định của pháp luật.

5.2. **"Sự Kiện Bất Khả Kháng"** có nghĩa là bất cứ biến cố hay hoàn cảnh nào bao gồm nhưng không giới hạn bởi thiên tai, bệnh dịch, hỏa hoạn, nổ, bạo loạn, chiến tranh, đình công, tranh chấp lao động, sự cấm đoán hay lệnh của Chính phủ hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc một hình thức bãi công khác mà dẫn đến tình trạng một Bên mất khả năng thực hiện công việc hay phải trì hoãn lại việc thực hiện các nghĩa vụ của mình (***"Bên Bị Ảnh Hưởng"***) theo Hợp đồng này và vượt quá tầm kiểm soát hợp lý của Bên Bị Ảnh Hưởng.

5.3. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ khi Sự Kiện Bất Khả Kháng xảy ra, Bên gặp phải Sự Kiện Bất Khả Kháng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia biết và trong mọi trường hợp phải dùng mọi nỗ lực cao nhất, phù hợp với hoàn cảnh và trong phạm vi pháp luật cho phép để loại bỏ và khắc phục những nguyên nhân của sự kiện đó một cách nhanh nhất.

5.4. Nếu có bất kỳ Sự Kiện Bất Khả Kháng nào có ảnh hưởng dẫn đến việc một Bên không thực hiện được theo Hợp đồng này, Bên còn lại sẽ hoàn toàn có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn và thông báo cho các bên còn lại trước 15 ngày mà không bị ràng buộc bởi bất cứ trách nhiệm pháp lý nào. Trong trường hợp này các Bên sẽ tiến hành lập thỏa thuận xác định các nghĩa vụ pháp lý giữa các Bên trên cơ sở Hợp đồng và tiến độ thực tế của việc giao hàng và tiến hành việc thanh lý Hợp đồng.

ĐIỀU 6: VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

6.1. Vi phạm Hợp Đồng

Bên nào không thực hiện hoặc đơn phương tạm đình chỉ/đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ Hợp Đồng trái pháp luật và trái với các quy định trong Hợp Đồng này thì phải chịu phạt 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp Đồng bị vi phạm. Bên nào vi phạm thỏa thuận gây thiệt hại cho Bên còn lại (trừ trong

ARTICLE 5: FORCE MAJEURE EVENTS

5.1. Neither Party shall be considered to be a violation of this Contract with the revelant agreements and shall be obliged to compensate for failure to perform the obligations agreed upon in the Contract due to being affected by Force Majeure Events in accordance with the laws.

5.2. **"Force Majeure Event"** means some unforeseen events or circumstance including but not limited to natural disaster, epidemic, fire, explosion, riot, war, strike, labor dispute, a prohibition or order by a Government or a competent authority or another form of strike that results in a Party's inability to perform or to delay in the performance of its obligations. (the ***"Affected Party"***) under this Contract and beyond the reasonable control of the Affected Party.

5.3. Within three (03) working days from the occurrence of the Force Majeure Event, the Party experiencing the Force Majeure Event must notify the other Party in writing and always guarantee to give the maximum effort, appropriate with the conditions and legal regulations of the business to eliminate the cause of non-conformities, in order to speedy prevent the event.

5.4. If there is any Force Majeure Event which has the effect of leading to the failure of one Party to perform under this Contract, the other Party shall have the full right to unilaterally terminate the Contract ahead of time and notify the other Party at least fifteen (15) days in advance without being bound by any legal liability. Under these circumstance the Parties shall proceed to conduct an agreement to determine the legal obligations between the Parties on the basis of the Contract and the actual progress of the delivery and liquidation of the Contract.

ARTICLE 6: TERMINATION FOR BREACH OR NONPERFORMANCE

6.1. Breach of the Contract

Either Party non-perform or failure to fails to execute or unilaterally terminate or suspend this contractual relationship at any time for any purpose that is unlawful or prohibited by this Contract terms shall be subject to a fine equal to 8% of the value of the breached obligation. Any party breaching the contract and cause damage to the other party(except

trường hợp bất khả kháng) thì bên vi phạm phải bồi thường toàn bộ các khoản thiệt hại và tổn thất trực tiếp phát sinh do vi phạm đó gây ra (nếu có).

6.2. Chấm dứt Hợp Đồng

Hợp Đồng này có thể chấm dứt trước thời hạn trong các trường hợp sau:

- Một trong các Bên rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán, có khả năng phá sản hoặc có biểu hiện trốn tránh các nghĩa vụ;
- Một Bên vi phạm Hợp Đồng và không có bất kỳ hành động cụ thể nào nhằm khắc phục việc vi phạm đó trong vòng 14 (mười bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của phía Bên kia;
- Theo sự thỏa thuận của hai Bên.

6.3. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn:

- Mỗi Bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn bằng cách gửi văn bản thông báo cho Bên còn lại trước ba mươi (30) ngày.
- Bên Bán có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn mà không cần thông báo cho Bên Mua nếu Bên Mua sử dụng Sản Phẩm không đúng mục đích được quy định trong Hợp đồng.

6.4. Việc Hợp đồng bị chấm dứt theo điều khoản này không làm chấm dứt nghĩa vụ thanh toán của Bên Mua. Trong thời gian chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp Đồng, hai Bên phải hoàn tất tất cả các nghĩa vụ công nợ và các nghĩa vụ khác của Hợp Đồng này.

ĐIỀU 7: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

7.1. Hiệu lực của Hợp đồng có thời hạn trong vòng một (01) năm kể từ ngày ký.

7.2. Hết thời hạn, nếu không có thoả thuận và thông báo gì khác giữa hai bên, thỏa thuận này sẽ được tự động gia hạn mỗi lần 01 kỳ hạn hợp đồng mới với thời hạn như cũ tại các thời điểm thỏa thuận hết hiệu lực tiếp theo. Trường hợp khi một trong các Bên thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại ý định chấm dứt gia hạn Hợp đồng ít nhất 30 ngày trước khi kết thúc thời hạn một năm.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

8.1. Bất cứ sửa đổi, bổ sung nào đối với Hợp đồng phải được lập thành Phụ lục bằng văn bản do đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký xác nhận. Các Phụ lục

in case of force majeure), shall pay compensation for all damage and losses causing to the other (if any).

6.2. Termination of the Contract

This Contract may be terminated prior to the expiry date in the following cases:

- One of the Parties falls into insolvency, facing risk of bankruptcy or is showing signals of avoiding obligations;
- One of the Parties breaches the major provions of the Contract but does not take any steps to rectify the breach within fourteen (14) working days of being given written notice from the other Party;
- By mutual agreement of the Parties.

6.3. Unilaterally terminate the Contract before the term of contract:

- Either Party reserves the right to unilaterally terminate this contractual relationship at any time by giving written notice to the other Party at least thirty (30) days in advance.
- The Seller is entitled to unilaterally terminate the contract prior to expiration without any notice to the Purchaser if the Products have not acquired from correspond to its description, meet its objectives and scope of the Contract.

6.4. Termination of the Contract under this provision does not terminate the Purchaser's payment obligation. Within thirty (30) days from the termination, the Parties shall have to settle all outstanding obligations of this Contract.

ARTICLE 7: TERM OF CONTRACT

7.1. The term of this Contract shall be one (01) year from the signing date of this Contract inclusive.

7.2. After the expiry of the term, if there is no other agreement and notice between the two parties, this Contract will be automatically renewed once 01 term of the new agreement with the same term at the time of the Contract expires. In the event either Party intent to terminate the Contract, the notice of Contract termination shall be sent by Party to others within 30 days in advance.

ARTICLE 8: GENERAL TERMS

8.1. Any amendments and supplementions of the Contract shall be made in writing with the confirmation signatures of the authorized

đính kèm, các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng (nếu có) là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

8.2. Mỗi Bên cam kết sẽ thông báo cho bên còn lại và nỗ lực giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến chất lượng, bao bì, quy được quy định trong Hợp đồng. Mỗi Bên cam kết không cung cấp bất kỳ thông tin cho bên thứ ba nào khác các vấn đề phát sinh liên quan đến chất lượng, bao bì, quy cách đóng gói của Sản Phẩm và việc thực hiện Hợp đồng nếu không có có sự đồng ý bằng văn bản của bên còn lại.

8.3. Bất kỳ tranh chấp nào giữa Các Bên liên quan đến Hợp Đồng này trước tiên phải được giải quyết trên cơ sở thương lượng hòa giải. Trường hợp các Bên không thể giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày một Bên thông báo cho Bên còn lại về tranh chấp, hoặc một thời hạn khác theo thỏa thuận giữa các Bên, một trong Các Bên sẽ đưa vụ việc đến Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo Pháp luật hiện hành. Bên thua trong vụ tranh chấp sẽ chịu các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp mà bên thắng đã chi trả, không bao gồm cả chi phí luật sư.

8.4. Nếu bất kỳ điều khoản của Hợp đồng này được bị tuyên bố là không hợp lệ, hợp pháp hoặc không thể thực thi, một phần hoặc toàn bộ, thì sự không hợp lệ, hợp pháp hoặc không thể thực thi như vậy sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ, hợp pháp hay khả năng thực thi của các điều khoản còn lại, hoặc bất kỳ phần nào của các điều khoản đó, tất cả các điều khoản như vậy sẽ vẫn có hiệu lực.

Hợp Đồng được lập thành 04 (bốn) bản bằng Tiếng Anh và Tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung tiếng Anh và tiếng Việt, phần tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

ĐẠI DIỆN BÊN MUA
ON THE BEHALF OF PURCHASER

Ông/ Mr. PHÙNG VĂN DU

representatives of the Parties. The enclosed Annexes, the amended and supplemented documents to the Contract (if any) are the integral part of the Contract.

8.2. Each Party undertakes to notify the other Party and uses its efforts to settle arising issues related to quality, package, packing specification of Products and other contents stipulated in this Contract. Each Party undertakes not to provide other third Party with any information about arising issues related to quality, package, packing specification of Products and the performance of the Contract without the written consent of the other Party.

8.3. Any disputes arising between the Parties in connection with this Contract shall first be resolved through negotiation and conciliation. If the Parties are unable to resolve the dispute through negotiation within thirty (30) days from the date one Party notifies the other Party of the dispute, or within another timeframe mutually agreed upon by the Parties, either Party may bring the matter to a competent court for resolution in accordance with applicable laws. The losing Party in the dispute shall bear all costs related to the dispute resolution incurred by the winning Party, excluding attorney fees.

8.4. If any provision of this Contract is determined to be invalid, declared unlawful or unenforceable that cannot be done in whole or in part, then this invalid or unenforceable provision will only associated with terms in such provision or portion and the remains of such provision and the enforceability of any other part of the terms and conditions under this Contract will not be affected and shall remain in full force and completedly effected.

This Contract is made into 04 (four) bilingual originals in English and Vietnamese, have the same legal value, each Party keeps 02 (two) originals for implement. In the event of any inconsistancy between two languages, Vietnamese version shall be prevailed.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN
ON THE BEHALF OF SELLER

Ông/ Mr. YOICHI HARUMOTO

PHỤ LỤC CHỐNG XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ QUY TẮC ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

(Đính kèm hợp đồng số: 02/HĐNT-MB/2025/JVL-BEEFOOD)

Phụ lục này được Các Bên xác lập nhằm đưa ra và cam kết tuân thủ các nguyên tắc về chống xung đột lợi ích và thực hiện các quy tắc đạo đức kinh doanh trong mối quan hệ giao dịch giữa Các Bên và cam kết cùng hành xử một cách minh bạch, chính trực, tuân thủ pháp luật và có trách nhiệm.

Điều 1: Quy định về chống xung đột lợi ích

Khách hàng cam kết rằng:

1.1. Không đặt vấn đề hoặc có bất kỳ hành vi cho, tặng tiền, tương đương tiền, quà hoặc cung cấp bất kỳ lợi ích nào khác, bao gồm nhưng không giới hạn: các bữa ăn, du lịch, giải trí … cho nhân viên của JVL, mà bằng một cách trực tiếp hoặc gián tiếp để ảnh hưởng đến các quyết định, việc thực hiện giao dịch hoặc tạo các lợi thế không chính đáng.

- Các bữa ăn, dịch vụ giải trí … nếu được tổ chức cho mục đích xã giao thì chỉ được thực hiện với tần suất và chi phí hợp lý.
- Trong trường hợp, Đối tác/Khách Hàng mời nhân viên của JVL tham gia sự kiện, hội nghị, tham quan, triển lãm, … thì phải thông báo chính thức đến JVL bằng văn bản.

1.2. Cam kết cung cấp thông tin cho JVL một cách đầy đủ, trung thực về các biểu hiện xung đột lợi ích theo yêu cầu từ JVL hoặc khi Khách Hàng nhận thấy dấu hiệu phát sinh:

- Khách hàng có sự vốn góp hoặc được quản lý, điều hành bởi nhân viên của JVL và/hoặc thành viên gia đình trực hệ của họ;
- Khách hàng nhận được các yêu cầu, đòi hỏi về lợi ích không chính đáng từ phía nhân viên của JVL.
- Trong các trường hợp nêu trên, Bên B phải thông báo ngay cho Bộ phận Kiểm soát nội bộ của Bên A qua email: internalcontrol@vinabeef.com

JVL cam kết rằng:

1.3. JVL và các nhân viên của mình cam kết tôn trọng nguyên tắc đối xử bình đẳng, minh bạch, không thiên vị mang tính cá nhân với các Khách hàng ở cùng điều kiện cạnh tranh. Giao dịch với Khách hàng dựa trên nguyên tắc công bằng, minh bạch và hài hòa lợi ích.

1.4. Nhân viên của JVL cam kết không thực hiện bất kỳ đòi hỏi Khách Hàng bất kỳ giá trị lợi ích nào cho bản

ANNEX TO PREVENT CONFLICT OF INTEREST PREVENTION AND CODE OF BUSINESS ETHICS

(Attached to contract no.: 02/HĐNT-MB/2025/JVL-BEEFOOD)

This Annex is established by the Parties to set forth and commit to adhering to principles on conflict of interest prevention and the implementation of business ethics guidelines in their transactions. The Parties pledge to conduct themselves with transparency, integrity, legal compliance, and responsibility.

Article 1: Conflict of Interest Provisions

The Customer commits to:

1.1 Under no circumstances will Customers propose or engage in any acts of offering, or providing any other benefits, giving, or providing money, equivalents, gifts, or any other benefits including but not limited to: meals, travel, entertainment, etc., to JVL's employees to influence decisions or transactions or gain undue advantages.

- Social activities, such as meals or entertainment, etc., if organized for social purposes, shall only be carried out with reasonable in frequency and cost.
- In the event that the Partner/Customer extends invitations to JVL's employees for events, exhibitions, or similar functions, a formal written notification must be provided to JVL.

1.2 Be obligated to furnish JVL with complete and truthful information regarding Customer identify any potential conflicts of interest upon request or identifies any indicators of such conflicts:

- Instances where the Customer has capital contributions from, or is managed or operated by, employees of JVL or their immediate family members;
- The Customer receives unreasonable benefit requests or demands from JVL's employees.
- In the instances stated above, Party B must promptly notify the Internal Control department of Party A by email at internalcontrol@vinabeef.com

JVL commits to:

1.3 Party A and its employees pledge to uphold the principles of equal, transparent, and impartial treatment of all Customers operating under the same competitive conditions, ensuring that all transactions with the Customer are conducted based on fairness, transparency, and a balance of interests.

1.4 JVL's employees commit not to solicit or demand any form of benefit from the Customer for

thân hoặc người thân của mình.

Điều 2: Quy tắc đạo đức kinh doanh

Các Bên cam kết rằng:

2.1 Tuân thủ tất cả các quy định pháp luật trong mọi hoạt động.

2.2 Cạnh tranh lành mạnh, không hối lộ, tham nhũng để hưởng những lợi thế, lợi ích không chính đáng.

2.3 Cung cấp Sản Phẩm, Dịch Vụ theo đúng tiêu chuẩn chất lượng, điều kiện an toàn theo pháp luật và công bố chất lượng sản phẩm.

2.4 Người lao động được ký kết Hợp Đồng lao động và được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật.

2.5 Không phân biệt đối xử với các nhân viên, tôn trọng nhân quyền, cam kết không thực hiện các hành vi lao động cưỡng bức, không sử dụng lao động trẻ em.

2.6 Duy trì môi trường làm việc an toàn và đảm bảo sức khỏe cho nhân viên.

2.7 Hoạt động trong sự cam kết đảm bảo về môi trường, phát triển bền vững và có trách nhiệm với các bên liên quan.

Điều 3: Quy định chung

3.1. Các Bên, cùng với các nhân viên của mình, cam kết thực hiện theo các cam kết về chống xung đột lợi ích và hành xử theo các quy tắc đạo đức kinh doanh.

3.2. Trong trường hợp một Bên vi phạm cam kết nêu tại Phụ lục này, Bên còn lại có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng và/hoặc là cơ sở để Bên còn lại xem xét duy trì mối quan hệ thương mại trong tương lai.

themselves or their relatives.

Article 2: Code of Business Ethics

The Parties mutually commit to:

2.1 Adhering to all applicable legal regulations in every aspect of their operations.

2.2 Competing fairly, and not engaging in bribery or corruption to gain undue advantages or benefits.

2.3 Providing Products and Services in accordance with quality standards, safety conditions as prescribed by law, and publicly disclosing product quality.

2.4 Ensuring that all employees are engaged under legally binding contracts and are entitled to benefits as stipulated by law.

2.5 Practicing non-discrimination towards employees, respecting human rights, and committing to not engaging in forced labor or employing child labor.

2.6 Maintaining a safe working environment and ensuring employee health.

2.7 Operating with a commitment to environmental protection, sustainable development, and responsibility to stakeholders.

Article 3: General Provisions

3.1 The Parties, along with their employees, commit to adhering to the commitments on conflict of interest prevention and acting in accordance with the business ethics guidelines.

3.2 In the event of a breach of these commitments by one Party, the other Party has the right to unilaterally terminate the Contract and/or consider this as a basis for evaluating the maintenance of the commercial relationship in the future.

JVL INFORMATION

THÔNG TIN VỀ CÔNG TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT

SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 0109752537

Đăng ký lần đầu: ngày 27 tháng 09 năm 2021

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 10 tháng 02 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: JAPAN VIETNAM LIVESTOCK COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: JV LIVESTOCK CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 519, Đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0243 266 2888* Số Fax:

Thư điện tử: *JVLcompany.info@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ : 2.900.300.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai nghìn chín trăm tỷ ba trăm triệu đồng

Tương đương 126.100.000 USD - Bằng chữ: Một trăm hai mươi sáu triệu, một trăm nghìn Đô la Mỹ

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức	Ghi chú
1	TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM – CTCP	Việt Nam	Số 519, đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.479.153.000.000	51,000	0100104443	
2	SOJITZ CORPORATION	Nhật Bản	2-1-1, Uchisaiwaicho, Chiyoda-ku, Tokyo, Nhật Bản	1.421.147.000.000	49,000	0104-01-049977	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

***** Họ, chữ đệm và tên: INOUE KOJI Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *06/02/1978* *Quốc tịch: Nhật Bản*

Hộ chiếu nước ngoài: *TS3056016*

Ngày cấp: *29/03/2019* Nơi cấp: *Bộ Ngoại Giao Nhật Bản*

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *thôn Yên Bình, Xã Tam Đảo, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/JVL-TD/2026

((Điều chỉnh theo thông báo số 2603/TB-JVL.QAC/2026 ban hành ngày 26/03/2026)

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT.**

Địa chỉ: Số 519, Đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 3266 2888

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 0109752537

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **THỊT BÒ VINABEEF**

2. Thành phần: 100% Thịt bò

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Hạn sử dụng của sản phẩm ở điều kiện bảo quản (-2°C) – 2°C sẽ tùy thuộc vào từng mã sản phẩm được liệt kê theo bảng bên dưới.
- 18 tháng kể từ ngày sản xuất đối với các sản phẩm ở điều kiện bảo quản ≤ -18°C.

Ngày sản xuất xem trên nhãn, nhãn phụ.

STT	Mã sản phẩm	Hạn sử dụng	
		Bảo quản mát (-2°C) ÷ 2°C	Bảo quản đông ≤ -18°C
1	Thịt vụn bò 75CL - Trimming 75CL	60 ngày	18 tháng
2	Thịt vụn bò - Trimming	60 ngày	18 tháng
3	Thịt bò Kiriotoshi	60 ngày	18 tháng
4	Dẻ sườn bò - Rib Finger	60 ngày	18 tháng
5	Dải thăn rồng bò - Neck Chain Meat	60 ngày	18 tháng
6	Dải thịt thăn nội bò - Tenderloin Side Strap	60 ngày	18 tháng
7	Diềm thăn trong bò - Inside Skirt	90 ngày	18 tháng
8	Diềm thăn ngoài bò - Outside Skirt	90 ngày	18 tháng
9	Dải thăn bò – Hanging tender	90 ngày	18 tháng
10	Diềm bụng bò – Flap meat	90 ngày	18 tháng
11	Thăn bụng bò - Flank Steak	90 ngày	18 tháng
12	Thăn đùi bò – Pope's Eye	90 ngày	18 tháng
13	Thăn nội bò không diềm - Tenderloin Side Strap Off	90 ngày	18 tháng
14	Đầu thăn ngoại bò - Rib Eye	90 ngày	18 tháng

15	Nắp đầu thăn bò – Lifter Meat	90 ngày	18 tháng
16	Thăn ngoại bò - Striploin	90 ngày	18 tháng
17	Thăn vai bò - Chuck Roll	90 ngày	18 tháng
18	Cổ vai bò - Chuck Eye Roll	90 ngày	18 tháng
19	Lõi vai bò - Top Blade	90 ngày	18 tháng
20	Lõi cổ bò - Chuck Tender	90 ngày	18 tháng
21	Nạc vai bò - Bolar Blade	90 ngày	18 tháng
22	Nạc cổ bò - Neck	90 ngày	18 tháng
23	Sườn non bò có xương - Short Rib BI (6-8; 6-10)	90 ngày	18 tháng
24	Nắp thịt sườn non bò – Short Rib Cap	90 ngày	18 tháng
25	Sườn cọng bò - Tomahawk	90 ngày	18 tháng
26	Đầu thăn ngoại bò có xương - Ribeye Bone-in (OP RIB)	90 ngày	18 tháng
27	Thăn lưng bò có xương - Shortloin	90 ngày	18 tháng
28	Đầu gầu bò không nắp - Point End Deckle Off	90 ngày	18 tháng
29	Đuôi gầu bò - Navel End Brisket	90 ngày	18 tháng
30	Sườn bò không xương – Rib End (Boneless)	90 ngày	18 tháng
31	Thịt sườn vai bò không xương – Chuck Short Ribs Boneless	90 ngày	18 tháng
32	Nạm bò - Flank	90 ngày	18 tháng
33	Nạc mông bò - Rump	90 ngày	18 tháng
34	Nạc mông bò không nắp - Rostbiff	90 ngày	18 tháng
35	Nắp nạc mông bò - Rump Cap (Picanha)	90 ngày	18 tháng
36	Nạc đùi bò - Topside	90 ngày	18 tháng
37	Nạc đùi bò không nắp - Topside Cap Off	90 ngày	18 tháng
38	Nắp nạc đùi bò - Topside Cap	90 ngày	18 tháng
39	Lõi mông bò - Eye Round	90 ngày	18 tháng
40	Đùi lá cờ bò - Outside Flat	90 ngày	18 tháng
41	Đùi gọ bò - Knuckle	90 ngày	18 tháng
42	Thăn lõi mông bò - Tri Tip	90 ngày	18 tháng
43	Bắp bò - Shin Shank	90 ngày	18 tháng
44	Bắp Hoa bò - Shin Shank Special Trim	90 ngày	18 tháng
45	Lõi rùa bò - Golden Coin Shin Shank	90 ngày	18 tháng
46	Đuôi bò - Tail	90 ngày	18 tháng
47	Bắp bò nhỏ - Shin Shank Half	90 ngày	18 tháng
48	Sườn canh bò - Back Ribs	90 ngày	18 tháng
49	Đầu thăn ngoại bò không diềm - Cuberoll (Rib Eye Lip off)	90 ngày	18 tháng
50	Ba chỉ bò – Navel End Brisket Special Trim	90 ngày	18 tháng
51	Gầu bò – Point End Brisket	90 ngày	18 tháng
52	Nắp gầu bò - Deckle	90 ngày	18 tháng
53	Sườn bò có xương (9-11) - Short Rib Bone-in (9-11)	90 ngày	18 tháng
54	Diềm gầu bò – Brisket Skirt	90 ngày	18 tháng
55	Nửa đầu thăn ngoại bò – Rib Eye Half	90 ngày	18 tháng
56	Thăn vai bò ST – Chuck Roll Special Trim	90 ngày	18 tháng

57	Nạm bụng bò – Thin Flank	90 ngày	18 tháng
58	Gù hoa bò - Chuck Crest (Hump)	90 ngày	18 tháng
59	Đầu thăn nội bò - Butt Tenderloin	90 ngày	18 tháng
60	Gân chữ Y bò – Hock Tendon	Không áp dụng	18 tháng
61	Gân cổ bò - Paddywack	Không áp dụng	18 tháng
62	Mỡ gầu bò – Dingo Bait	Không áp dụng	18 tháng
63	Mỡ bò (CD) - Fat (CD)	Không áp dụng	18 tháng
64	Mỡ bò (Thận) - Suet (Kidney fat)	Không áp dụng	18 tháng
65	Xương ống tủy bò – Marrow & Leg Bone	Không áp dụng	18 tháng
66	Xương ống bò - Marrow bone (Whole)	Không áp dụng	18 tháng
67	Xương ống tủy bò cắt đôi - Marrow bone (Cut)	Không áp dụng	18 tháng
68	Đầu xương ống bò - Leg bone (Pieces)	Không áp dụng	18 tháng
69	Xương bò hầm nước - Stock bone	Không áp dụng	18 tháng
70	Xương bò hỗn hợp các loại - Mixed bone	Không áp dụng	18 tháng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói: Sản phẩm được đóng gói với khối lượng tịnh: 500 g, 1 kg, 2 kg, 5 kg, hoặc quy cách khác theo nhu cầu thị trường được thể hiện rõ trên bao bì sản phẩm.
4.2. Chất liệu bao bì:
+ Bao bì trực tiếp: Sản phẩm được đóng gói hút chân không trong bao bì nhựa đa lớp hoặc được bao gói kín trong bao bì nhựa đơn lớp, tuân theo QCVN 12-1: 2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
+ Bao bì ngoài: Sản phẩm đã có bao bì trực tiếp có thể được đóng trong thùng carton tùy theo yêu cầu của khách hàng.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT TẠI TAM ĐẢO.**

Địa chỉ: Thôn Yên Bình, Xã Tam Đảo, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn Thực phẩm số: 01/2025/SNNMT-CNTYTS cấp ngày: 06/10/2025 do Giám Đốc Sở Nông Nghiệp Và Môi Trường Tỉnh Phú Thọ cấp.
Số Giấy chứng nhận HACCP Codex: VN013795 cấp ngày 31/07/2025 do tổ chức chứng nhận Bureau Veritas Certification Việt Nam cấp.

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-3: 2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Thông tư số 24/2013/TT-BYT Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm của Bộ Y tế.

- Thông tư số 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm của Bộ Y tế.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Phú Thọ, ngày 26 tháng 03 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0109752537 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

INOUE KOJI

PHỤ LỤC

DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

(Đính kèm Bản tự công bố số 04/JVL-TD/2026)

1. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT.	Chỉ tiêu	Mức công bố	Tham chiếu
1	Tổng vi sinh vật hiếu khí, cfu/g	$\leq 5x10^5$	QCVN 8-3:2012/BYT
2	E. coli, cfu/g	$\leq 5x10^2$	QCVN 8-3:2012/BYT
3	Salmonella/25 g	Không phát hiện	QCVN 8-3:2012/BYT

2. Chỉ tiêu kí sinh trùng

STT.	Chỉ tiêu	Mức công bố	Tham chiếu
1	Gạo bò (Cysticercus bovis)	Không phát hiện	TCVN 12429-2:2020 TCVN 7047-2020

3. Chỉ tiêu lý – hóa

STT.	Chỉ tiêu	Mức công bố	Tham chiếu
1	pH	Từ 5,5 đến 6,2	TCVN 7047-2020
2	Phản ứng định tính hydro sulfua (H_2S)	Âm tính	TCVN 7047-2020
3	Hàm lượng amoniac, mg/100 g	≤ 35	TCVN 7047-2020

4. Hàm lượng kim loại nặng:

STT.	Tên chỉ tiêu	Mức công bố	Tham chiếu
1	Cadimi (Cd), mg/kg	≤ 0,05	QCVN 8-2:2011/BYT
2	Chì (Pb), mg/kg	≤ 0,1	QCVN 8-2:2011/BYT

5. Dư lượng thuốc thú y:

STT.	Tên chỉ tiêu	Mức công bố	Tham chiếu
1	Clenbuterol, µg/kg	Không phát hiện	TT 24/2013/TT-BYT
2	Dexamethasone, µg/kg	≤ 1	TT 24/2013/TT-BYT
3	Ractopamine, µg/kg	Không phát hiện	TT 24/2013/TT-BYT
4	Salbutamol, µg/kg	Không phát hiện	TT 24/2013/TT-BYT
5	Spectinomycin, µg/kg	≤ 500	TT 24/2013/TT-BYT
6	Sulfadimidine, µg/kg	≤ 100	TT 24/2013/TT-BYT

6. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:

STT.	Chỉ tiêu	Mức công bố	Tham chiếu
1	Diquat, mg/kg	≤ 0,05	TT 50/2016/TT-BYT
2	Paraquat, mg/kg	≤ 0,005	TT 50/2016/TT-BYT

Đính kèm bản tự công bố: 04/JVL-TD/2026
Ngày: 26/03/2026

Mẫu nhãn bảo quản điều kiện mát

CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT
519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, TP. Hà Nội, Việt Nam

THỊT BÒ
Vinabeef

MÃ SẢN PHẨM

Thành phần: 100% thịt bò
Khối lượng tịnh: .... kg
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ (-2)°C - 2°C
Ngày sản xuất: dd/mm/yyyy
Hạn sử dụng: dd/mm/yyyy
Hướng dẫn sử dụng: Nấu chín, chế biến các món ăn tùy thích
Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng, bỏ miếng thấm nước trước khi chế biến
Sản xuất tại: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT TẠI TAM ĐẢO
Địa chỉ: Thôn Yên Bình, xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Xuất xứ: Việt Nam

Mẫu nhãn bảo quản điều kiện đông lạnh

CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT
519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, TP. Hà Nội, Việt Nam

THỊT BÒ
Vinabeef

MÃ SẢN PHẨM

Thành phần: 100% thịt bò
Khối lượng tịnh: .... kg
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ ≤ -18°C
Ngày sản xuất: dd/mm/yyyy
Hạn sử dụng: 18 tháng kể từ ngày sản xuất
Hướng dẫn sử dụng: Rã đông trước khi nấu, chế biến các món ăn tùy thích
Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm hết hạn sử dụng, không tái cấp đông sau khi đã rã đông
Sản xuất tại: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT TẠI TAM ĐẢO
Địa chỉ: Thôn Yên Bình, xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Xuất xứ: Việt Nam

M.S.D.N: 0109752537 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

INOUE KOJI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 06/JVL-TD/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT.**

Địa chỉ: Số 519, Đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 38626769

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 0109752537

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn Thực phẩm số: 02/2024/NNPTNT-VP

Ngày cấp: 25/10/2024 tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Vĩnh Phúc (cấp cho Địa chỉ cơ sở sản xuất: Thôn Yên Bình, Xã Minh Quang, Huyện Tam Đảo, Tỉnh Vĩnh Phúc).

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **THỊT BÒ FIRST-Y VINABEEF**

2. Thành phần: 100% Thịt bò

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Hạn sử dụng của sản phẩm ở điều kiện bảo quản (-2°C) ÷ 2°C sẽ tùy thuộc vào từng mã sản phẩm được liệt kê theo bảng bên dưới.
- 18 tháng kể từ ngày sản xuất đối với các sản phẩm ở điều kiện bảo quản ≤ -18°C.

  Ngày sản xuất xem trên nhãn, nhãn phụ.

STT	Mã sản phẩm	Hạn sử dụng	
		Bảo quản mát (-2°C) ÷ 2°C	Bảo quản đông ≤ -18°C
1	Thịt vụn bò 75CL - Trimming 75CL	60 ngày	18 tháng
2	Thịt vụn bò - Trimming	60 ngày	18 tháng
3	Thịt bò Kiriotoshi	60 ngày	18 tháng
4	Dẻ sườn bò - Rib Finger	60 ngày	18 tháng
5	Dải thăn rồng bò - Neck Chain Meat	60 ngày	18 tháng
6	Dải thịt thăn nội bò - Tenderloin Side Strap	60 ngày	18 tháng
7	Dải thăn bò – Hanging tender	90 ngày	18 tháng
8	Diềm bụng bò – Flap meat	90 ngày	18 tháng
9	Thăn bụng bò - Flank Steak	90 ngày	18 tháng
10	Diềm thăn trong bò - Inside Skirt	90 ngày	18 tháng

11	Diềm thăn ngoài bò - Outside Skirt	90 ngày	18 tháng
12	Thăn đùi bò – Pope's Eye	90 ngày	18 tháng
13	Thăn nội bò không diềm - Tenderloin Side Strap Off	90 ngày	18 tháng
14	Đầu thăn ngoại bò - Rib Eye	90 ngày	18 tháng
15	Nắp đầu thăn bò – Lifter Meat	90 ngày	18 tháng
16	Thăn ngoại bò - Striploin	90 ngày	18 tháng
17	Thăn vai bò - Chuck Roll	90 ngày	18 tháng
18	Cổ vai bò - Chuck Eye Roll	90 ngày	18 tháng
19	Lõi vai bò - Top Blade	90 ngày	18 tháng
20	Lõi cổ bò - Chuck Tender	90 ngày	18 tháng
21	Nạc vai bò - Bolar Blade	90 ngày	18 tháng
22	Nạc cổ bò - Neck	90 ngày	18 tháng
23	Sườn non bò có xương - Short Rib BI (6-8; 6-10)	90 ngày	18 tháng
24	Nắp thịt sườn non bò – Short Rib Cap	90 ngày	18 tháng
25	Sườn cọng bò - Tomahawk	90 ngày	18 tháng
26	Đầu thăn ngoại bò có xương - Ribeye Bone-in (OP RIB)	90 ngày	18 tháng
27	Thăn lưng bò có xương - Shortloin	90 ngày	18 tháng
28	Đầu gầu bò không nắp - Point End Deckle Off	90 ngày	18 tháng
29	Đuôi gầu bò - Navel End Brisket	90 ngày	18 tháng
30	Sườn bò không xương – Rib End (Boneless)	90 ngày	18 tháng
31	Thịt sườn vai bò không xương – Chuck Short Ribs Boneless	90 ngày	18 tháng
32	Nạm bò - Flank	90 ngày	18 tháng
33	Nạc mông bò - Rump	90 ngày	18 tháng
34	Nạc mông bò không nắp - Rostbiff	90 ngày	18 tháng
35	Nắp nạc mông bò - Rump Cap (Picanha)	90 ngày	18 tháng
36	Nạc đùi bò - Topside	90 ngày	18 tháng
37	Nạc đùi bò không nắp - Topside Cap Off	90 ngày	18 tháng
38	Nắp nạc đùi bò - Topside Cap	90 ngày	18 tháng
39	Lõi mông bò - Eye Round	90 ngày	18 tháng
40	Đùi lá cờ bò - Outside Flat	90 ngày	18 tháng
41	Đùi gọ bò - Knuckle	90 ngày	18 tháng
42	Thăn lõi mông bò - Tri Tip	90 ngày	18 tháng
43	Bắp bò - Shin Shank	90 ngày	18 tháng
44	Bắp Hoa bò - Shin Shank Special Trim	90 ngày	18 tháng
45	Lõi rùa bò - Golden Coin Shin Shank	90 ngày	18 tháng
46	Đuôi bò - Tail	90 ngày	18 tháng
47	Bắp bò nhỏ - Shin Shank Half	90 ngày	18 tháng
48	Sườn canh bò - Back Ribs	90 ngày	18 tháng
49	Đầu thăn ngoại bò không diềm - Cuberoll (Rib Eye Lip off)	90 ngày	18 tháng
50	Ba chỉ bò – Navel End Brisket Special Trim	90 ngày	18 tháng
51	Gầu bò – Point End Brisket	90 ngày	18 tháng
52	Nắp gầu bò - Deckle	90 ngày	18 tháng

53	Sườn bò có xương (9-11) - Short Rib Bone-in (9-11)	90 ngày	18 tháng
54	Diềm gầu bò – Brisket Skirt	90 ngày	18 tháng
55	Nửa đầu thăn ngoại bò – Rib Eye Half	90 ngày	18 tháng
56	Thăn vai bò ST – Chuck Roll Special Trim	90 ngày	18 tháng
57	Nạm bụng bò – Thin Flank	90 ngày	18 tháng
58	Gù hoa bò - Chuck Crest (Hump)	90 ngày	18 tháng
59	Đầu thăn nội bò - Butt Tenderloin	90 ngày	18 tháng
60	Gân chữ Y bò – Hock Tendon	Không áp dụng	18 tháng
61	Gân cổ bò - Paddywack	Không áp dụng	18 tháng
62	Mỡ gầu bò – Dingo Bait	Không áp dụng	18 tháng
63	Mỡ bò (CD) - Fat (CD)	Không áp dụng	18 tháng
64	Mỡ bò (Thận) - Suet (Kidney fat)	Không áp dụng	18 tháng
65	Xương ống tủy bò – Marrow & Leg Bone	Không áp dụng	18 tháng
66	Xương ống bò - Marrow bone (Whole)	Không áp dụng	18 tháng
67	Xương ống tủy bò cắt đôi - Marrow bone (Cut)	Không áp dụng	18 tháng
68	Đầu xương ống bò - Leg bone (Pieces)	Không áp dụng	18 tháng
69	Xương bò hầm nước - Stock bone	Không áp dụng	18 tháng
70	Xương bò hỗn hợp các loại - Mixed bone	Không áp dụng	18 tháng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói: Sản phẩm được đóng gói với khối lượng tịnh: 500 g, 1 kg, 2 kg, 5 kg, hoặc quy cách khác theo nhu cầu thị trường được thể hiện rõ trên bao bì sản phẩm.
4.2. Chất liệu bao bì:
+ Bao bì trực tiếp: Sản phẩm được đóng gói hút chân không trong bao bì nhựa đa lớp hoặc được bao gói kín trong bao bì nhựa đơn lớp, tuân theo QCVN 12-1: 2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
+ Bao bì ngoài: Sản phẩm đã có bao bì trực tiếp có thể được đóng trong thùng carton tùy theo yêu cầu của khách hàng.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-3: 2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- Thông tư số 24/2013/TT-BYT Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm của Bộ Y tế.

- Thông tư số 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm của Bộ Y tế.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Phú Thọ, ngày 10 tháng 03 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 0109752532 C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

INOUE KOJI

PHỤ LỤC

DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

(Đính kèm Bản tự công bố số 06/JVL-TD/2026)

1. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT.	Chỉ tiêu	Mức công bố	Tham chiếu
1	Tổng vi sinh vật hiếu khí, cfu/g	$\leq 5x10^5$	QCVN 8-3:2012/BYT
2	E. coli, cfu/g	$\leq 5x10^2$	QCVN 8-3:2012/BYT
3	Salmonella/25 g	Không phát hiện	QCVN 8-3:2012/BYT

2. Chỉ tiêu kí sinh trùng

STT.	Chỉ tiêu	Mức công bố	Tham chiếu
1	Gạo bò (Cysticercus bovis)	Không phát hiện	TCVN 12429-2:2020 TCVN 7047-2020

3. Chỉ tiêu lý – hóa

STT.	Chỉ tiêu	Mức công bố	Tham chiếu
1	pH	Từ 5,5 đến 6,2	TCVN 7047-2020
2	Phản ứng định tính hydro sulfua (H_2S)	Âm tính	TCVN 7047-2020
3	Hàm lượng amoniac, mg/100 g	≤ 35	TCVN 7047-2020

4. Hàm lượng kim loại nặng:

STT.	Tên chỉ tiêu	Mức công bố	Tham chiếu
1	Cadimi (Cd), mg/kg	$\leq 0,05$	QCVN 8-2:2011/BYT
2	Chì (Pb), mg/kg	$\leq 0,1$	QCVN 8-2:2011/BYT

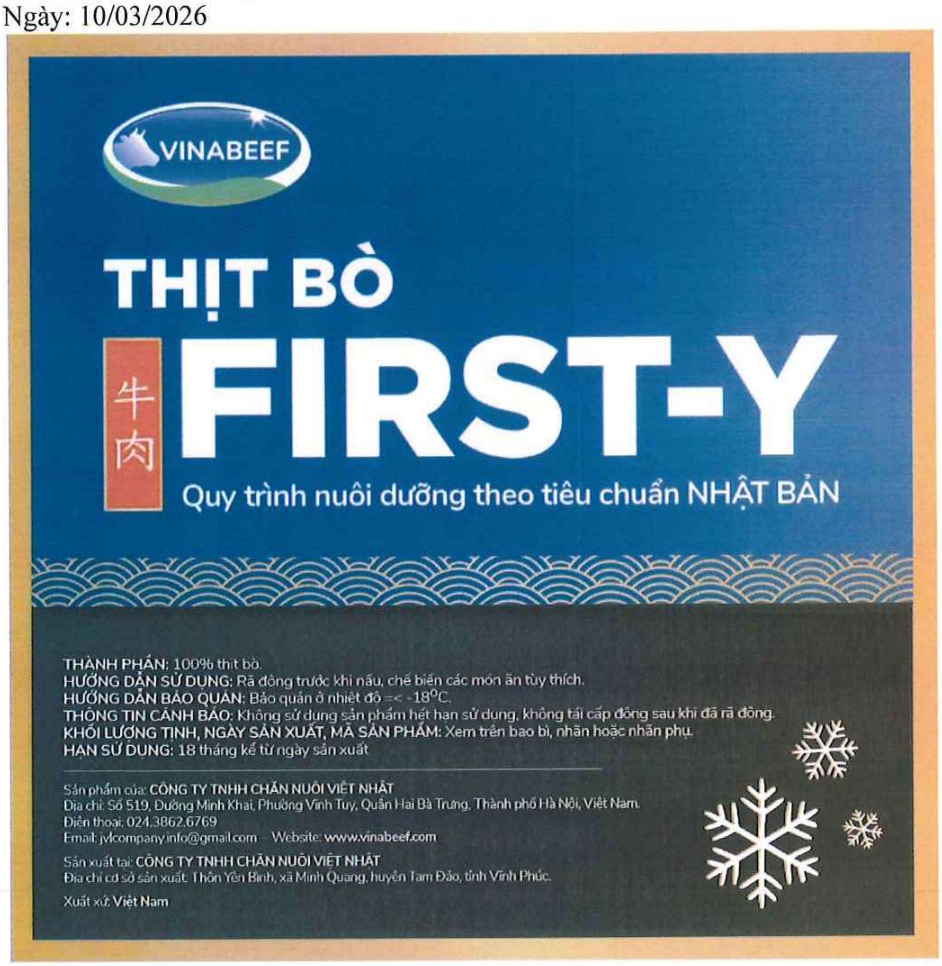
5. Dư lượng thuốc thú y:

STT.	Tên chỉ tiêu	Mức công bố	Tham chiếu
1	Clenbuterol, µg/kg	Không phát hiện	TT 24/2013/TT-BYT
2	Dexamethasone, µg/kg	≤ 1	TT 24/2013/TT-BYT
3	Ractopamine, µg/kg	Không phát hiện	TT 24/2013/TT-BYT
4	Salbutamol, µg/kg	Không phát hiện	TT 24/2013/TT-BYT
5	Spectinomycin, µg/kg	≤ 500	TT 24/2013/TT-BYT
6	Sulfadimidine, µg/kg	≤ 100	TT 24/2013/TT-BYT

6. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:

STT.	Chỉ tiêu	Mức công bố	Tham chiếu
1	Diquat, mg/kg	$\leq 0,05$	TT 50/2016/TT-BYT
2	Paraquat, mg/kg	$\leq 0,005$	TT 50/2016/TT-BYT

Đính kèm bản tự công bố: 06/JVL-TD/2026
Ngày: 10/03/2026

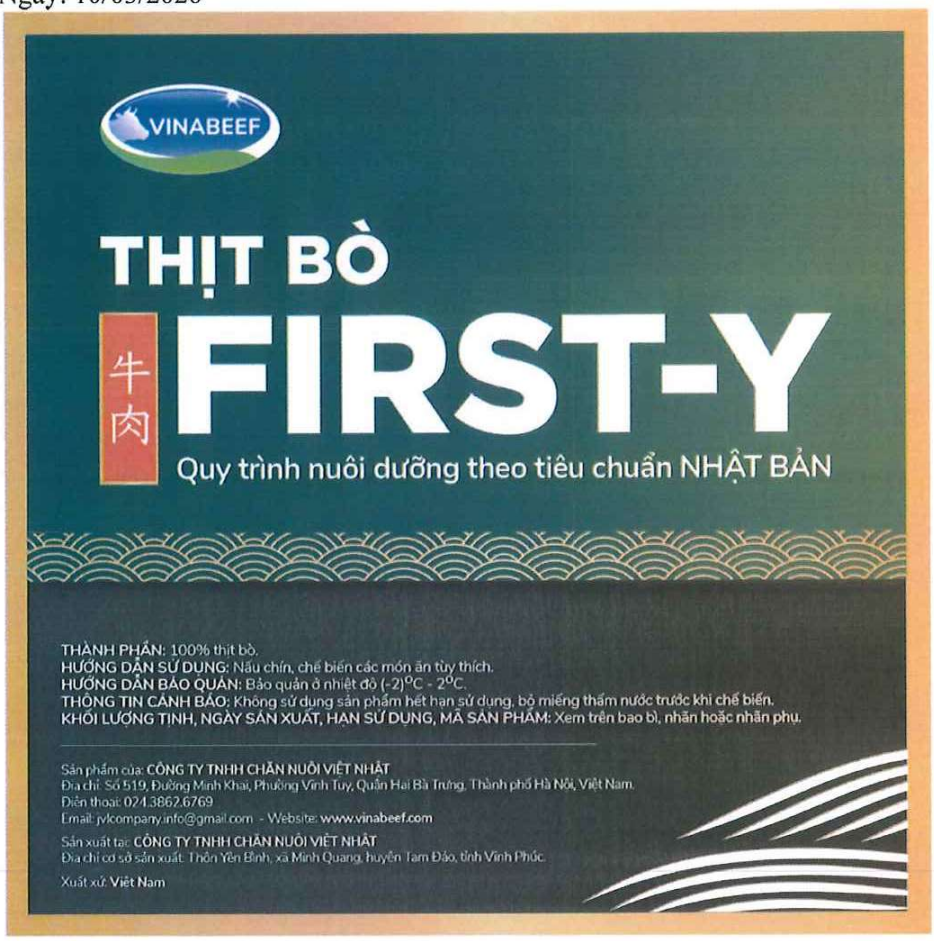


Mã sản phẩm:	
Mã code:	
Ngày sản xuất:	
Hạn sử dụng:	
Điều kiện bảo quản:	
Lô sản xuất:	
Khối lượng tịnh:	**kg**

M.S.D.N: 0109752537 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT
THÀNH PHỐ HÀ

INOUE KOJI

Đính kèm bản tự công bố: 06/JVL-TD/2026
Ngày: 10/03/2026



Mã sản phẩm:	
Mã code:	
Ngày sản xuất:	
Hạn sử dụng:	
Điều kiện bảo quản:	
Lô sản xuất:	
Khối lượng tịnh:	**kg**

M.S.D.N: 0109752537 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

INOUE KOJI

CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y
TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN VÀ
XÉT NGHIỆM THÚ Y TRUNG ƯƠNG I
Số: 15977/CĐXN1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2025

S257119

PHIẾU TRẢ LỜI KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

(Kết quả chỉ có giá trị với mẫu xét nghiệm)

Kính gửi: Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật

I.Thông tin chung:

- Loài vật được lấy mẫu : Bò
- Số lượng mẫu : 01 mẫu
- Loại bệnh phẩm : Thịt
- Hình thức mẫu/KHM : Thịt bò FIRST - Y VINABEEF
- Ngày lấy mẫu : 02/12/2025
- Ngày nhận mẫu : 02/12/2025
- Nơi gửi mẫu : Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật
- Nơi lấy mẫu : Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật, Số 519, đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy,, TP: Hà Nội
- Tình trạng bệnh phẩm : Đạt yêu cầu xét nghiệm

II. Chỉ tiêu, phương pháp và kết quả xét nghiệm:

- Thời gian xét nghiệm: 02/12/2025 - 03/12/2025

TT	Chỉ tiêu XN	Phương pháp XN	Số mẫu XN	Kết quả
1	Ấu trùng gạo bò (Taenia saginata cysticercus)	Cắt lát	01	Âm tính 01/01 mẫu

III. Kết luận:

- Ấu trùng gạo bò (Taenia saginata cysticercus) : Âm tính 01/01 mẫu./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu TH.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN VÀ XÉT NGHIỆM THÚ Y TRUNG ƯƠNG I
CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

Phùng Minh Phong

Trụ sở chính: Thôn Tân Trung Chùa, xã Nội Bài, Hà Nội. Tel: 08.666.50.669
Văn phòng giao dịch: Số 28, Ngõ 78, Giải Phóng, Đống Đa, Hà Nội. Tel: 08.666.50.166
Hotline trả kết quả: 08.6665.0255. Email: benhlykysinhtrung@gmail.com

ANALYTICAL REPORT

JAPAN VIETNAM LIVESTOCK CO., LTD (JVL)
No. 519, Minh Khai Street, Vinh Tuy Ward, Hai Ba Trung District
Hanoi, VIETNAM
Your purchase order reference: VUU72510300307-HN

Sample Code : 743-2025-00211909

Eol code : 005-32410-583648
Client Reference: MẪU 2
Sample described as: THỊT BÒ FIRST-Y VINABEEF
Conditioning: Samples are contained in sealed plastic bags
Sample temperature : 0.3 °C
Sample reception date: 31/10/2025 **Client due date :** 13/11/2025
Analysis Time : 31/10/2025 - 13/11/2025

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
1	VW020 VW (a) *Salmonella spp.*	/25 g	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Not Detected
2	VW019 VW (a) *Escherichia coli*	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Not detected (LOD=10)
3	VW012 VW (a) Aerobic Plate Count	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	Not detected (LOD=10)
4	VD839 VD (a) Amonia (NH_3)	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-5858 (Ref. TCVN 3706:1990)	12.4
5	VD77N VD Qualitative Hydrogen Sulfide	mg/ kg	TCVN 3699:1990	Negative (LOD=2)
6	VD855 VD (a) Cadmium (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.01)
7	VD861 VD (a) Lead (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.017)
8	VD2FN VD (a) Dexamethasone	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11852 (Ref. Waters application note-720005887 EN; CLG MRM 1.08)	Not detected (LOD=0.03)
9	VD2FM VD (a) Clenbuterol	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11852 (Ref. Waters application note-720005887 EN; CLG MRM 1.08)	Not detected (LOD=0.01)
10	VD2G0 VD (a) Ractopamine	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11852 (Ref. Waters application note-720005887 EN; CLG MRM 1.08)	Not detected (LOD=1)
11	VD2G1 VD Salbutamol	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11852 (Ref. Waters application note-720005887 EN; CLG MRM 1.08)	Not detected (LOD=2)
12	VD3AK VD (a) Diquat	mg/ kg	QuPPe-AO-Method (Version 3.2); QuPPe-PO-Method (Version 12.2)	Not detected (LOD=0.003)
13	VD3AI VD (a) Paraquat	mg/ kg	QuPPe-AO-Method (Version 3.2); QuPPe-PO-Method (Version 12.2)	Not detected (LOD=0.003)
14	VW043 VW (a) pH (10%)		TCVN 4835:2002 (ISO 2917:1999)	6.04

ANALYTICAL REPORT

Sample Code : 743-2025-00211909

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
15	VD4WF VD (a) **Spectinomycin**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11845 (2020) (Ref. ROC BIOTECH INC Catalog No.ROC10059: Spectinomycin ELISA test kit)	**Not detected (LOD=5)**
16	VD37S VD **Sulfadimidine**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11852 (Ref. Waters application note-720005887 EN; CLG MRM 1.08)	**Not detected (LOD=5)**

LOD: Limit Of Detection.

SIGNATURE

Trần Thị Mỹ Dung
Business Unit Manager Northern Branch

CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG

Lý Hoàng Hải
Managing Director

Report electronically validated by Trần Thị Mỹ Dung 24/11/2025, and electronically approved by Lý Hoàng Hải 24/11/2025.

EXPLANATORY NOTE

Samples are normally kept for 7 days after issuing the test report (sample retention does not apply to microbiological and perishable samples). The sample retention may be longer depending on the contract agreed with the client or requirement of authorities.
Once the sample retention time expires, Eurofins Sac Ky Hai Dang is not responsible for client complaints about test results.
This result report is issued based on the agreed requirements between Eurofins Sac Ky Hai Dang and client; and, in accordance with "general terms and conditions of service", published at www.eurofins.vn/en/eurofins-network-in-vietnam/eurofins-sac-ky-hai-dang/general-terms-conditions-of-services-supply/.
Any unauthorized copy, alteration, forgery or falsification of content or appearance of this document is illegal and violators may be prosecuted to the law.
All test methods begin with characters EVN; A39; N79; EHC are internal methods developped by Eurofins Sac Ky Hai Dang.
All test methods (AOAC, internal method,...) which did not state the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Test codes begin with "VD", "VE", "VW" and do not have "EXT" attached are performed at Eurofins Sac Ky Hai Dang.
(a): under accredition of ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.



VINABEEF

SLAUGHTERHOUSE

HỒ SƠ CƠ SỞ GIẾT MỔ

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH PHÚ THỌ
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH

Mã số chi nhánh: 0109752537-002

Đăng ký lần đầu, ngày 16 tháng 10 năm 2024

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 08 tháng 04 năm 2026

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT TẠI TAM ĐẢO

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài: BRANCH OF JAPAN VIETNAM LIVESTOCK COMPANY LIMITED IN TAM DAO

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Thôn Yên Bình, Xã Tam Đảo, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại: *02438626769* Số Fax:

Thư điện tử: Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ, chữ đệm và tên: RYUKI SAKURAI Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *18/01/1976* Quốc tịch: *Nhật Bản*

Số Hộ chiếu, Hộ chiếu nước ngoài, giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài: TR9795585

Ngày cấp: *05/01/2018* Nơi cấp: *Bộ Ngoại Giao Nhật Bản*

Địa chỉ liên lạc: *thôn Yên Bình, Xã Tam Đảo, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT

Mã số doanh nghiệp: 0109752537

Địa chỉ trụ sở chính: Số 519, Đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH PHÚ THỌ
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Tô Thị Hoàng Yến

BUREAU VERITAS

Bureau Veritas Certification

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT TẠI TAM ĐẢO

THÔN YÊN BÌNH, XÃ TAM ĐẢO, TỈNH PHÚ THỌ, VIỆT NAM

Bureau Veritas Certification chứng nhận Hệ Thống Quản Lý của tổ chức nói trên đã được đánh giá và được công nhận phù hợp với những yêu cầu của tiêu chuẩn hệ thống quản lý sau đây

HACCP CODEX (CXC 1-1969), Rev 2022

Phạm vi chứng nhận

Giết mổ, ủ mát thân thịt, cắt và pha lóc, chế biến (xay, cắt, thái), làm sạch nội tạng bò. Sản phẩm được đóng gói với túi nhựa; đóng gói biến đổi khí với khay nhựa và màng nhựa

Danh mục sản phẩm: C0 - Sơ chế các sản phẩm từ động vật
CI - Chế biến các sản phẩm dễ hư hỏng có nguồn gốc từ động vật

Ngày chứng nhận ban đầu:	**31-07-2025**
Ngày hết hạn chu kỳ trước:	**NA**
Ngày đánh giá chứng nhận / tái chứng nhận:	**11-06-2025**
Ngày bắt đầu chu kỳ chứng nhận / tái chứng nhận:	**31-07-2025**
Dựa trên sự vận hành thỏa mãn liên tục của Hệ Thống Quản lý của tổ chức, Giấy Chứng Nhận có hiệu lực đến ngày:	**30-07-2028**

Số giấy chứng nhận: **VN013795** Phiên bản: **1** Ngày cấp: **31-07-2025**

BUREAU OF ACCREDITATION VIETNAM
VICAS 002 - FSMS

Nguyễn Thái Thảo Vy
Giám đốc Chứng nhận

Tổ chức chứng nhận: Bureau Veritas Certification Việt Nam

Địa chỉ: 36-38 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Cầu Kiệu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Thông tin chi tiết hơn về phạm vi chứng nhận và hoạt động của giấy chứng nhận này, và việc áp dụng các yêu cầu về hệ thống quản lý, vui lòng liên hệ số: +84 28 3812 2246

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATION

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH PHÚ THỌ
DIRECTOR OF DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT
PHU THO PROVINCE

CHỨNG NHẬN/*CERTIFICATE*

Cơ sở/Establishment: **Chi nhánh Công ty TNHH chăn nuôi Việt Nhật tại Tam Đảo.**
Mã số đăng ký kinh doanh/Approval number: 0109752537-002.
Địa chỉ/Address: Thôn Yên Bình, xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại/Tel: 02438626769 Fax:.....

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để kinh doanh sản phẩm:
Has been found to be in compliance with food safety regulations
for following products:

1. Giết mổ gia súc.
2. Sơ chế, chế biến đóng gói và bảo quản các sản phẩm từ quá trình giết mổ gia súc.
3. Chế biến thịt bò tiêm và thịt bò xúc xắc.

Số cấp/Number: 01 /2025/SNNMT-CNTYTS.
Có hiệu lực đến ngày 06 tháng 10 năm 2028.
Valid until (06 /10/2028).

Phú Thọ, ngày 06 tháng 10 năm 2025
Phu Tho, 06/10/2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH PHÚ THỌ

Bùi Duy Linh

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT VĨNH PHÚC
CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/CCCN&TY-GCNVSTY

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 10 năm 2024

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y
CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

Căn cứ Luật thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT Quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 Về việc quy định vị trí, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Văn bản số 187a/2024/VLC-CV ngày 16/10/2024 của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam-CTCP về đề nghị điều chỉnh tên chủ cơ sở tại hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh thú y và Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

Căn cứ Biên bản kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y ngày 17/10/2024 của Đoàn kiểm tra Chi cục Chăn nuôi và Thú y Vĩnh Phúc thành lập tại Quyết định số 217/QĐ-CCCN&TY ngày 16/10/2024.

CHỨNG NHẬN:

Tên cơ sở: **Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật**

Địa chỉ: Thôn Yên Bình, xã Minh Quang, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ kinh doanh: Thôn Yên Bình, xã Minh Quang, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

Điện thoại: 024 38626769. Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0109752537 cấp ngày 27/9/2021; Đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 26/07/2024 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực hoạt động: Giết mổ gia súc (Bò).

Cơ sở đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y để: Hoạt động giết mổ Bò.

Giấy chứng nhận vệ sinh thú y có giá trị đến ngày 25/10/2027

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT VĨNH PHÚC
CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

Nguyễn Hiệp Khôi

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: D29 - NV17 ô số 5, Khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn, phường Dương Nội, TP Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimcerts 306
VLAT 1.0559 ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: **01487/2026/PKQ/26.800**

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Trung tâm Nước sạch nông thôn và Quan trắc bảo vệ Môi trường tỉnh Phú Thọ
Địa chỉ	Số 8, đường Nguyễn Tất Thành, phường Vĩnh Yên, tỉnh Phú Thọ
Loại mẫu	Nước sinh hoạt
Ngày nhận mẫu	25/03/2026
Thời gian thử nghiệm	25/03/2026 - 03/04/2026

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả				QCVN 01-1:2024/BYT
				260325.NSH.033	260325.NSH.034	260325.NSH.035	260325.NSH.036	
1	*Coliform tổng số*(+)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	-	-	< 1
2	*E.Coli*(+)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	-	-	<1
3	Màu sắc(+)	TCU	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	-	-	15
4	Mùi(+)	Cảm quan	HD.QT.08-01-W89	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	-	-	Không có mùi lạ
5	pH(+)	-	TCVN 6492:2011	7,3	7,2	-	-	6 ÷ 8,5
6	Độ đục(+)	NTU	SMEWW 2130B:2023	KPH (LOD=0,2)	KPH (LOD=0,2)	-	-	2
7	Asen (As)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	<0,0020	<0,0020	-	-	0,01
8	Clo dư tự do(+)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,43	0,32	-	-	0,2 ÷ 1
9	Permanganat(+)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (LOD=0,2)	KPH (LOD=0,2)	-	-	2

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 05 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

10	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)(+)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	-	-	1
11	*Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)*(+)	CFU/ 100mL	TCVN 8881:2011	-	-	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	< 1
12	*Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)*(+)	CFU/ 100mL	SMEWW 9213B : 2023	-	-	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	< 1
13	Antimon (Sb)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	-	-	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	0,02
14	Bari (Ba)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	-	-	0,0704	0,0726	1,3
15	Bor (B) tính chung cho cả Borat và axit Boric(+)	mg/L	TCVN 6635:2000	-	-	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	2,4
16	Cadimi (Cd)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	-	-	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	0,003
17	Chì (Plumbum) (Pb)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	-	-	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	0,01
18	Clorua (Chloride) (Cl^-)(+)	mg/L	TCVN 6194:1996	-	-	13,1	13,3	250
19	Chromi (Cr)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	-	-	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	0,05
20	Đồng (Cuprum) (Cu)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	-	-	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	1
21	Độ cứng tính theo $CaCO_3$(+)	mg/L	TCVN 6224:1996	-	-	72,8	73,4	300
22	Florua (Fluoride) (F^-)(+)	mg/L	SMEWW 4500-F-.B&D:2023	-	-	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	1,5
23	Kẽm (Zincum) (Zn)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	-	-	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	2
24	Mangan (Mn)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	-	-	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	0,1
25	Natri (Na)(+)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	-	-	16,4	13,7	200
26	Nhôm (Aluminium) (Al)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	-	-	0,0533	0,0529	0,2
27	Niken (Ni)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	-	-	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	0,07

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 05 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

28	Nitrat (NO_3^- tính theo N)(+)	mg/L	TCVN 6180:1996	-	-	0,21	0,23	11
29	Nitrit (NO_2^- tính theo N)(+)	mg/L	TCVN 6178:1996	-	-	KPH (LOD=0,006)	KPH (LOD=0,006)	0,9
30	Sắt (Ferrum) (Fe)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	-	-	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	0,3
31	Seleni (Se)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	-	-	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	0,04
32	Sulfat (Sulfate) (SO_4^{2-})(+)	mg/L	SMEWW 4500-SO42-.E:2023	-	-	<4,5	<4,5	250
33	Sunfua (Sulfide) (S^{2-})(+)	mg/L	TCVN 6637:2000	-	-	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	0,05
34	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(+)	mg/L	US EPA Method 6020B	-	-	KPH (LOD=0,0002)	KPH (LOD=0,0002)	0,001
35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(+)	mg/L	SMEWW 2540C:2023	-	-	152	153	1.000
36	Xyanua (Cyanide) (CN^-)(+)	mg/L	TCVN 6181:1996	-	-	KPH (LOD=0,002)	KPH (LOD=0,002)	0,05
37	1,1,1 - Trichloroethane ($C_2H_3Cl_3$)(+)	µg/L	US EPA 8260D	-	-	KPH (LOD=0,2)	KPH (LOD=0,2)	2.000
38	1,2 - Dichloroethane ($C_2H_4Cl_2$)(+)	µg/L	US EPA 8260D	-	-	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	30
39	1,2 - Dichloroethene ($C_2H_2Cl_2$)(+)	µg/L	US EPA 8260D	-	-	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	50
40	Carbon tetrachloride (CCl_4)(+)	µg/L	US EPA 8260D	-	-	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	2
41	Dichloromethane (CH_2Cl_2)(+)	µg/L	US EPA 8260D	-	-	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	20
42	Tetrachloroethene (C_2Cl_4)(+)	µg/L	US EPA 8260D	-	-	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	40
43	Trichloroethene (C_2HCl_3)(+)	µg/L	US EPA 8260D	-	-	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	8
44	Vinyl chloride (C_2H_3Cl)(+)	µg/L	US EPA 8260D	-	-	KPH (LOD=0,08)	KPH (LOD=0,08)	0,3

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 05 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

45	Benzene (C_6H_6)$^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	-	-	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	10
46	Ethylbenzene (C_8H_{10})$^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	-	-	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	300
47	Pentachlorophenol (C_6HCl_5O)$^{(+)}$	µg/ L	US EPA Method 8270D	-	-	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	9
48	Styrene (C_8H_8)$^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	-	-	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	20
49	Toluene (C_7H_8)$^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	-	-	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	700
50	Xylene (C_8H_{10})$^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	-	-	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	500
51	1,2-Dichlorobenzene ($C_6H_4Cl_2$)$^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	-	-	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	1.000
52	Monochlorobenzene (C_6H_5Cl)$^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	-	-	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	300
53	Tổng Trichlorobenzene ($C_6H_3Cl_3$)$^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	-	-	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	20
54	Acrylamide (C_3H_5NO)$^{(+)}$	µg/L	US EPA Method 8032A	-	-	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	0,5
55	Epichlorohydrin (C_3H_5ClO)$^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	-	-	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	0,4
56	Hexachlorobutadiene (C_4Cl_6)$^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	-	-	KPH (LOD=0,07)	KPH (LOD=0,07)	0,6
57	1,2 - Dibromo - 3 Chloropropane ($C_3H_5Br_2Cl$)$^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	-	-	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	1
58	1,2 - Dichloropropane ($C_3H_6Cl_2$)$^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	-	-	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40
59	1,3 - Dichloropropene ($C_3H_4Cl_2$)$^{(+)}$	µg/L	US EPA 8260D	-	-	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	20
60	2,4 - D ($C_8H_6Cl_2O_3$)$^{(+)}$	µg/L	US EPA Method 555	-	-	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	30

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 05 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

61	2,4 - DB ($C_{10}H_{10}Cl_2O_3$)(+)	µg/L	US EPA Method 555	-	-	KPH (LOD=2)	KPH (LOD=2)	90
62	Alachlor ($C_{14}H_{20}ClNO_2$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	-	-	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	20
63	Aldicarb ($C_7H_{14}N_2O_2S$)(+)	µg/L	US EPA Method 531.2	-	-	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	10
64	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	-	-	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	100
65	Carbofuran ($C_{12}H_{15}NO_3$)(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	-	-	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	5
66	Chlorpyrifos ($C_9H_{11}Cl_3NO_3PS$)(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	-	-	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	30
67	Chlordane ($C_{10}H_6Cl_8$)(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	-	-	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	0,2
68	Chlorotoluron ($C_{10}H_{13}ClN_2O$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	-	-	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	30
69	Cyanazine ($C_9H_{13}ClN_6$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	-	-	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	0,6
70	DDT ($C_{14}H_9Cl_5$) và các dẫn xuất(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	-	-	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	1
71	Dichlorprop ($C_9H_8Cl_2O_3$)(+)	µg/L	US EPA Method 555	-	-	KPH (LOD=2)	KPH (LOD=2)	100
72	Fenoprop ($C_9H_7Cl_3O_3$)(+)	µg/L	US EPA Method 515.4	-	-	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	9
73	Hydroxyatrazine ($C_8H_{15}N_5O$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	-	-	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	200
74	Isoproturon ($C_{12}H_{18}N_2O$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	-	-	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	9
75	MCPA ($C_9H_9ClO_3$)(+)	µg/L	US EPA Method 555	-	-	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	2
76	Mecoprop ($C_{10}H_{11}ClO_3$)(+)	µg/L	US EPA Method 555	-	-	KPH (LOD=2)	KPH (LOD=2)	10
77	Methoxychlor ($C_{16}H_{15}Cl_3O_2$)(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	-	-	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	20
78	Molinate ($C_9H_{17}NOS$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	-	-	KPH	KPH	6

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 05 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

						(LOD=0,01)	(LOD=0,01)	
79	Pendimethalin ($C_{13}H_{19}N_3O_4$)(+)	µg/L	US EPA Method 8091	-	-	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	20
80	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	-	-	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	20
81	Propanil ($C_9H_9Cl_2NO$)(+)	µg/L	US EPA Method 532	-	-	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	20
82	Simazine ($C_7H_{12}ClN_5$)(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	-	-	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	2
83	Trifluralin ($C_{13}H_{16}F_3N_3O_4$)(+)	µg/L	US EPA Method 551.1	-	-	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	20
84	2,4,6 - Trichlorophenol ($C_6H_2Cl_3OH$)(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	-	-	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	200
85	Bromat (BrO_3^-)(+)	µg/L	TCVN 9243:2012	-	-	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	10
86	Bromodichloromethane ($CHBrCl_2$)(+)	µg/L	US EPA 8260D	-	-	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	60
87	Formaldehyde (CH_2O)(+)	µg/L	US EPA Method 556	-	-	KPH (LOD=10)	KPH (LOD=10)	500
88	Monochloramine (NH_2Cl)(+)	µg/L	SMEWW 4500-CL.G:2023	-	-	KPH (LOD=30)	KPH (LOD=30)	3.000
89	Bromoform ($CHBr_3$)(+)	µg/L	US EPA 8260D	-	-	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	100
90	Chloroform ($CHCl_3$)(+)	µg/L	US EPA 8260D	-	-	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	300
91	Dibromochloromethane ($CHBr_2Cl$)(+)	µg/L	US EPA 8260D	-	-	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	100
92	Dibromoacetonitrile (C_2HBr_2N)(+)	µg/L	US EPA Method 551.1	-	-	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	70
93	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N)(+)	µg/L	US EPA Method 551.1	-	-	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	20
94	Trichloroaxetonitril (C_2Cl_3N)(+)	µg/L	US EPA Method 551.1	-	-	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	1

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 05 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

95	Acid monochloroacetic ($C_2H_3ClO_2$)(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	-	-	KPH (LOD=2)	KPH (LOD=2)	20
96	Acid dichloroacetic ($C_2H_2Cl_2O_2$)(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	-	-	KPH (LOD=2)	KPH (LOD=2)	50
97	Acid trichloroacetic ($C_2HCl_3O_2$)(+)	µg/L	US EPA Method 552.2	-	-	KPH (LOD=2)	KPH (LOD=2)	200
98	Tổng hoạt độ phóng xạ α(+)	Bq/L	TCVN 6053:2021	-	-	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	0,1
99	Tổng hoạt độ phóng xạ β(+)	Bq/L	TCVN 6219:2021	-	-	KPH (LOD=0,2)	KPH (LOD=0,2)	1

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- 260325.NSH.033: Nước sạch PWT-A.1 (T3): Bể chứa nước sạch khu A (CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT tại xã Bình Tuyền và xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ);
- 260325.NSH.034: Nước sạch PWT-A.2 (T3): Vòi nước sử dụng khu A (CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT tại xã Bình Tuyền và xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ);
- 260325.NSH.035: Nước sạch PWT-B.1 (T3): Bể chứa nước sạch khu A (CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT tại xã Bình Tuyền và xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ);
- 260325.NSH.036: Nước sạch PWT-B.2 (T3): Vòi nước sử dụng khu A (CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT tại xã Bình Tuyền và xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ);
- Mẫu do khách hàng gửi đến.

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2026

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ -SINH	QA/QC	KT. VIỆN TRƯỞNG PHÓ VIỆN TRƯỞNG
KS. Trần Thị Thu Huế	ThS. Phạm Thị Hoa	TS. Bùi Đức Trung

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 05 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT TẠI TAM ĐẢO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Số: 2708/2025/XNTH-JVL

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12;

Căn cứ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 2512 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định tại Quyết định 381/QĐ-QLCL ngày 12/9/2014 của Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành tài liệu tập huấn kiến thức và bộ câu hỏi đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.

Chi nhánh Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật tại Tam Đảo xác nhận các ông/bà thuộc: Tên tổ chức: Chi nhánh Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật tại Tam Đảo, địa chỉ: Thôn Yên Bình, Xã Minh Quang, tỉnh Phú Thọ.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109752537-002, cấp lần 2 ngày 12/08/2025, nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại: 024 38626769 Fax:.....

(có tên trong danh sách kèm theo Giấy này) có kiến thức cơ bản về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

Giấy này có giá trị hết ngày 27 tháng 08 năm 2028.

Phú Thọ, ngày 27 tháng 08 năm 2025

CHỦ CƠ SỞ XÁC NHẬN

(ký tên, đóngdấu)

M.S.D.N: 0109752537-002 - C.T.T.N.H.H
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT TẠI TAM ĐẢO
TỈNH VĨNH PHÚC

INOUE KOJI

CTCP BỆNH VIỆN QUỐC TẾ VĨNH PHÚC
BỆNH VIỆN VĨNH PHÚC VPI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 30 tháng 06 năm 2026

DANH SÁCH KSK ĐỊNH KỲ NHÀ MÁY VÀ TRANG TRẠI TAM ĐẢO 2026

STT	Mã NV	Họ và tên	Giới tính	Chức danh	Phòng ban	Phân loại	Kết luận
1	J23022	Kimata Naoki	Nam	Trưởng phòng Sản xuất	*Phòng Kế hoạch*	II	Đủ sức khỏe làm việc
2	V22023	Lê Nguyễn Đạt	Nam	Trưởng chuyền Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
3	V22029	Hoàng Văn Sơn	Nam	Giám sát Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
4	V22044	Nguyễn Kim Nguyên	Nam	Trưởng chuyền Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
5	J22051	Kuwahara Shogo	Nam	Trưởng phòng Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	I	Đủ sức khỏe làm việc
6	V23071	Phùng Đức Tuyền	Nam	Chuyên viên cao cấp Đào tạo Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
7	V23078	Nguyễn Xuân Quang	Nam	Phó phòng Kiểm soát Chất lượng	*Phòng Kiểm soát & Đảm bảo chất lượng*	II	Đủ sức khỏe làm việc
8	V23081	Nguyễn Cao Cường	Nam	Chuyên viên cao cấp Đào tạo Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	I	Đủ sức khỏe làm việc
9	V24097	Hà Minh Quân	Nam	Trưởng chuyền Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	I	Đủ sức khỏe làm việc
10	V24099	Nguyễn Thị Ngọ	Nữ	Nhân viên Sản xuất	*Phòng Chế biến*	III	Đủ sức khỏe làm việc
11	V24113	Lê Thị Thanh Thảo	Nữ	Điều phối viên Sản xuất	*Phòng Chế biến*	II	Đủ sức khỏe làm việc
12	V24117	Trần Trung Hiếu	Nam	Trưởng nhóm Vận hành & Bảo trì	*Phòng Kỹ thuật*	III	Đủ sức khỏe làm việc
13	V24118	Nguyễn Văn Chung	Nam	Phó phòng Sản xuất	*Phòng Chế biến*	II	Đủ sức khỏe làm việc
14	V24116	Đỗ Thị Minh Thu	Nữ	Chuyên viên Kế hoạch	*Phòng Kế hoạch*	III	Đủ sức khỏe làm việc
15	V24120	Lương Văn Tiến	Nam	Kĩ thuật viên Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
16	V24121	Trần Đình Thọ	Nam	Kĩ thuật viên Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
17	V24128	Lưu Như Lãm	Nam	Kỹ thuật viên Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
18	V24130	Trần Thị Hường	Nữ	Chuyên viên Sức khỏe - An toàn - Môi trường	*Phòng Kỹ thuật*	III	Đủ sức khỏe làm việc
19	V24132	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	Chuyên viên Hành chính	*Phòng Hành chính*	II	Đủ sức khỏe làm việc
20	V24133	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	Chuyên viên Mua hàng Sản xuất	*Phòng Mua hàng Sản xuất*	III	Đủ sức khỏe làm việc
21	V24135	Phạm Thị Ngọc Anh	Nữ	Trưởng nhóm Kế hoạch Sản xuất	*Phòng Kế hoạch*	II	Đủ sức khỏe làm việc
22	V24140	Nguyễn Văn Nhật	Nam	Kỹ thuật viên Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	I	Đủ sức khỏe làm việc
23	V24143	Mai Thị Huệ	Nữ	Chuyên viên Kiểm soát Quy trình Sản xuất	*Phòng Kiểm soát & Đảm bảo chất lượng*	III	Đủ sức khỏe làm việc
24	J24147	Hasegawa Yu	Nam	Giám đốc hỗ trợ (phụ trách kế hoạch cung ứng sản phẩm)	*Phòng Chế biến*	II	Đủ sức khỏe làm việc
25	V24155	Trần Văn Công	Nam	Nhân viên Bảo trì	*Phòng Kỹ thuật*	III	Đủ sức khỏe làm việc
26	V24165	Hoàng Đức Thiện	Nam	Trưởng nhóm Xử lý Nước thải	*Phòng Kỹ thuật*	II	Đủ sức khỏe làm việc
27	V24166	Nguyễn Thị Vân	Nữ	Nhân viên Sản xuất	*Phòng Chế biến*	III	Đủ sức khỏe làm việc
28	V24170	Nguyễn Thành Long	Nam	Nhân viên Vận hành và Bảo trì	*Phòng Kỹ thuật*	III	Đủ sức khỏe làm việc
29	V24172	Viên Thị Hoan	Nữ	Nhân viên Quản lý Hệ thống	*Phòng Kế hoạch*	II	Đủ sức khỏe làm việc
30	V24174	Phạm Quang Phong	Nam	Trưởng nhóm Quản lý Kho	*Phòng Kế hoạch*	III	Đủ sức khỏe làm việc
31	V24175	Nguyễn Văn Luận	Nam	Tổ trưởng Quản lý Kho	*Phòng Kế hoạch*	IV	Đủ sức khỏe làm việc
32	V24178	Tạ Mạnh Hùng	Nam	Phó phòng Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	I	Đủ sức khỏe làm việc
33	V24182	Tạ Văn Xuân	Nam	Nhân viên Kiểm soát Quy trình Sản xuất	*Phòng Kiểm soát & Đảm bảo chất lượng*	II	Đủ sức khỏe làm việc
34	V24183	Tô Văn Sơn	Nam	Chuyên viên Vận hành và Bảo trì	*Phòng Kỹ thuật*	II	Đủ sức khỏe làm việc

35	V24188	Phùng Thị Kim Huệ	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
36	V24189	Nguyễn Thị Hường	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
37	V24190	Bùi Thị Hồng Oanh	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
38	V24191	Chu Thị Bảy	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
39	V24194	Trương Thị Loan	Nữ	Tổ trưởng Sản xuất	*Phòng Chế biến*	II	Đủ sức khỏe làm việc
40	V24195	Lưu Thị Tư	Nữ	Tổ trưởng Sản xuất	*Phòng Chế biến*	III	Đủ sức khỏe làm việc
41	V24202	Lâm Thị Hiền	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
42	V24203	Phạm Hồng Hoạt	Nam	Chuyên viên CNTT	*Phòng Hành chính*	III	Đủ sức khỏe làm việc
43	V24204	Nguyễn Diệu Tâm	Nữ	Chuyên viên Mua hàng sản xuất	*Phòng Mua hàng Sản xuất*	II	Đủ sức khỏe làm việc
44	V24205	Hoàng Thị Tuyết	Nữ	Chuyên viên Kế hoạch	*Phòng Kế hoạch*	II	Đủ sức khỏe làm việc
45	V24208	Lưu Văn Sơn	Nam	Tổ trưởng Quản lý Kho	*Phòng Kế hoạch*	II	Đủ sức khỏe làm việc
46	V24209	Nguyễn Thị Vân	Nữ	Tổ trưởng Sản xuất	*Phòng Chế biến*	II	Đủ sức khỏe làm việc
47	V24210	Cao Thị Vân Anh	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
48	V25214	Nguyễn Thị Kim Hòa	Nữ	Chuyên viên Kiểm soát Quy trình Sản xuất	*Phòng Kiểm soát & Đảm bảo chất lượng*	III	Đủ sức khỏe làm việc
49	V25216	Đinh Thị Lý	Nữ	Phó Giám đốc Nhà máy		V	Đủ sức khỏe làm việc
50	V25218	Tô Văn Việt	Nam	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
51	V25220	Hoàng Thị Hoài	Nữ	Tổ trưởng Quản lý Kho	*Phòng Kế hoạch*	II	Đủ sức khỏe làm việc
52	V25229	Trương Thị Liên	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
53	V25232	Nguyễn Thị Thoa	Nữ	Điều phối viên Sản xuất	*Phòng Chế biến*	III	Đủ sức khỏe làm việc
54	V25236	Nguyễn Đức Kiên	Nam	Nhân viên xử lý nước thải	*Phòng Kỹ thuật*	II	Đủ sức khỏe làm việc
55	V25237	Nguyễn Việt Dương	Nam	Chuyên viên Cơ điện	*Phòng Kỹ thuật*	III	Đủ sức khỏe làm việc
56	V25238	Chu Văn Chương	Nam	Nhân viên vận hành xe nâng	*Phòng Kế hoạch*	III	Đủ sức khỏe làm việc
57	V25239	Phan Minh Trí	Nam	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
58	V25241	Nguyễn Thị Kim Hồng	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
59	V25243	Vũ Văn Liên	Nam	Trưởng phòng CNTT	*Phòng Hệ thống CNTT*	III	Đủ sức khỏe làm việc
60	V25247	Khổng Văn Dũng	Nam	Chuyên viên Vận hành và Bảo trì	*Phòng Kỹ thuật*	III	Đủ sức khỏe làm việc
61	V25252	Nguyễn Văn Hoàng	Nam	Trưởng chuyền Sản xuất	*Phòng Chế biến*	I	Đủ sức khỏe làm việc
62	V25253	Dương Văn Hảo	Nam	Chuyên viên Vận hành và Bảo trì	*Phòng Kỹ thuật*	III	Đủ sức khỏe làm việc
63	V25254	Quảng Xuân Sơn	Nam	Tổ trưởng Kiểm soát Quy trình Sản xuất	*Phòng Kiểm soát & Đảm bảo chất lượng*	III	Đủ sức khỏe làm việc
64	V25255	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	Nhân viên Tổng hợp Dữ liệu Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
65	V25259	Trần Thị Thanh Hà	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Chế biến*	II	Đủ sức khỏe làm việc
66	V25260	Bùi Mộng Ước	Nữ	Chuyên viên xử lý nước thải và cơ điện	*Phòng Kỹ thuật*	III	Đủ sức khỏe làm việc
67	V25261	Nguyễn Trọng Thành	Nam	Kỹ thuật viên Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	I	Đủ sức khỏe làm việc
68	V25263	Dương Thị Hồng Nhung	Nữ	Tổ trưởng Phòng thí nghiệm	*Phòng Kiểm soát & Đảm bảo chất lượng*	III	Đủ sức khỏe làm việc
69	V25269	Hoàng Văn Tượng	Nam	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
70	V25271	Phàn Thị Thiên	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	IV	Đủ sức khỏe làm việc
71	V25273	Lâm Thị Thu	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Chế biến*	II	Đủ sức khỏe làm việc
72	V25274	Lê Bích Diệp	Nữ	Chuyên viên Quản lý Kho	*Phòng Kế hoạch*	II	Đủ sức khỏe làm việc
73	V25283	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
74	V25284	Nguyễn Thị Tuyến	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc

75	V25285	Nguyễn Thị Hân	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
76	V25286	Vũ Thị Phương Linh	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
77	V25287	Nguyễn Văn Ngọ	Nam	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
78	V25288	Ma Thị Thùy Linh	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
79	V25292	Lâm Tiến Cường	Nam	Nhân viên Vận hành Xe nâng	*Phòng Kế hoạch*	III	Đủ sức khỏe làm việc
80	V25298	Lưu Thị Huệ	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Chế biến*	II	Đủ sức khỏe làm việc
81	V25302	Phạm Thị Hân	Nữ	Công nhân sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
82	V25307	Phan Thị Thủy	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Chế biến*	III	Đủ sức khỏe làm việc
83	V25310	Lưu Thị Bảy	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Chế biến*	III	Đủ sức khỏe làm việc
84	V25316	Bùi Thị Ngọc Tuyết	Nữ	Công nhân sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
85	V25317	Phùng Trọng Thủy	Nam	Trưởng nhóm mua hàng	*Phòng Mua hàng Sản xuất*	II	Đủ sức khỏe làm việc
86	V25318	Lê Thị Hằng	Nữ	Công nhân sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
87	V25320	Nguyễn Phú Khánh	Nam	Nhân viên quản lý kho	*Phòng Kế hoạch*	III	Đủ sức khỏe làm việc
88	V25322	Nguyễn Chí Cường	Nam	Nhân viên Kiểm soát Quy trình Sản xuất	*Phòng Kiểm soát & Đảm bảo chất lượng*	II	Đủ sức khỏe làm việc
89	V25326	Lê Thị Thảo	Nữ	Công nhân sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
90	V25330	Nguyễn Thị Minh Anh	Nữ	Chuyên viên nhân sự tổng hợp	*Phòng Nhân sự*	II	Đủ sức khỏe làm việc
91	V25332	Trần Quốc Toản	Nam	Chuyên viên IT	*Phòng Hệ thống CNTT*	II	Đủ sức khỏe làm việc
92	V25333	Trần Thị Canh	Nữ	Công nhân sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
93	V25335	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	Trưởng phòng Hành chính Sản xuất	*Phòng Hành chính Sản xuất*	III	Đủ sức khỏe làm việc
94	V25336	Nguyễn Minh Hiếu	Nam	Chuyên viên Thú y	*Phòng Kiểm soát & Đảm bảo chất lượng*	III	Đủ sức khỏe làm việc
95	V25337	Tạ Thị Loan	Nữ	Công nhân sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
96	V25339	Đinh Khắc Sỹ	Nam	Công nhân sản xuất	*Phòng Sơ chế*	I	Đủ sức khỏe làm việc
97	V25340	Hoàng Văn Lâm	Nam	Nhân viên quản lý kho	*Phòng Kế hoạch*	III	Đủ sức khỏe làm việc
98	V25341	Nguyễn Thị An	Nữ	Nhân viên quản lý kho	*Phòng Kế hoạch*	III	Đủ sức khỏe làm việc
99	V25344	Dương Xuân Hồng	Nam	Nhân viên quản lý kho	*Phòng Kế hoạch*	II	Đủ sức khỏe làm việc
100	V25345	Hoàng Thị Thảo	Nữ	Nhân viên quản lý kho	*Phòng Kế hoạch*	III	Đủ sức khỏe làm việc
101	V25347	Bùi Thị Oanh	Nữ	Nhân viên quản lý kho	*Phòng Kế hoạch*	III	Đủ sức khỏe làm việc
102	V25348	Hoàng Hồng Sơn	Nam	Nhân viên quản lý kho	*Phòng Kế hoạch*	II	Đủ sức khỏe làm việc
103	V25350	Lê Thị Thuyên	Nữ	Nhân viên quản lý kho	*Phòng Kế hoạch*	II	Đủ sức khỏe làm việc
104	V25351	Triệu Hải Quân	Nam	Chuyên viên Y tế	*Phòng Hành chính*	III	Đủ sức khỏe làm việc
105	V25354	Nguyễn Thị Hoa Mỹ	Nữ	Nhân viên Quản lý Hệ thống	*Phòng Kế hoạch*	II	Đủ sức khỏe làm việc
106	V25359	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	Phó phòng Mua hàng	*Phòng Mua hàng Sản xuất*	III	Đủ sức khỏe làm việc
107	V25362	Chu Thái Nguyên	Nam	Công nhân sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
108	V25366	Vũ Thị Thu Hương	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Chế biến*	I	Đủ sức khỏe làm việc
109	V25368	Nguyễn Duy Khiển	Nam	Nhân viên Bảo trì và Vận hành	*Phòng Kỹ thuật*	II	Đủ sức khỏe làm việc
110	V25378	Kiều Thị Thanh	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
111	V25379	Nguyễn Thị Dự	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
112	V25380	Lê Tuấn Anh	Nam	Nhân viên quản lý kho	*Phòng Kế hoạch*	II	Đủ sức khỏe làm việc
113	V25383	Phí Thị Ngọc Lan	Nữ	Chuyên viên Kế hoạch	*Phòng Kế hoạch*	II	Đủ sức khỏe làm việc
114	V25384	Vũ Ngọc Quang	Nam	Chuyên viên Sức khỏe - An toàn - Môi trường	*Phòng Kỹ thuật*	III	Đủ sức khỏe làm việc

115	V25392	Nguyễn Diệu Phương Linh	Nữ	Nhân viên phòng thí nghiệm	*Phòng Kiểm soát & Đảm bảo chất lượng*	III	Đủ sức khỏe làm việc
116	V25394	Vương Đức Lanh	Nam	Trưởng phòng Kỹ thuật	*Phòng Kỹ thuật*	III	Đủ sức khỏe làm việc
117	V25395	Trần Văn Khanh	Nam	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
118	V25396	Hà Thanh Lâm	Nam	Nhân viên Kiểm soát Quy trình Sản xuất	*Phòng Kiểm soát & Đảm bảo chất lượng*	I	Đủ sức khỏe làm việc
119	V25397	Nguyễn Văn Chương	Nam	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
120	V25398	Nguyễn Thị Miên	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
121	V25399	Nguyễn Kim Kế	Nam	Điều phối viên Sản xuất	*Phòng Chế biến*	I	Đủ sức khỏe làm việc
122	V25401	Vũ Thị Bích Nguyệt	Nữ	Điều phối viên Sản xuất	*Phòng Chế biến*	II	Đủ sức khỏe làm việc
123	V25402	Nguyễn Quốc Toản	Nam	Nhân viên vận hành xe nâng	*Phòng Kế hoạch*	I	Đủ sức khỏe làm việc
124	V25405	Vi Thị Lệ Thúy	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	IV	Đủ sức khỏe làm việc
125	V25407	Lê Thị Chuyên	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
126	V25409	Hoàng Thị Yến	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
127	V25410	Vũ Thị Thắng	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
128	V25411	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
129	V25416	Tạ Đức Toản	Nam	Nhân viên Kiểm soát Quy trình Sản xuất	*Phòng Kiểm soát & Đảm bảo chất lượng*	III	Đủ sức khỏe làm việc
130	V25417	Nguyễn Quang Duy	Nam	Nhân viên Kiểm soát Quy trình Sản xuất	*Phòng Kiểm soát & Đảm bảo chất lượng*	II	Đủ sức khỏe làm việc
131	V25419	Phạm Tiến Dũng	Nam	Chuyên viên quản lý hệ thống	*Phòng Kế hoạch*	III	Đủ sức khỏe làm việc
132	V25420	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	Nhân viên vận hành xe nâng	*Phòng Kế hoạch*	III	Đủ sức khỏe làm việc
133	V25421	Lê Thị Ích	Nữ	Công nhân sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
134	V25423	Vũ Thế Tài	Nam	Công nhân sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
135	V25424	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	Công nhân sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
136	V25427	Nguyễn Văn Minh	Nam	Trưởng nhóm kế hoạch bảo trì dự phòng	*Phòng Kỹ thuật*	II	Đủ sức khỏe làm việc
137	J25428	Hanawa Tatsuya	Nam	Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Hỗ trợ Khối Sản xuất		II	Đủ sức khỏe làm việc
138	V25431	Nguyễn Văn Phong	Nam	Công nhân sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
139	V25432	Trần Bá Trinh	Nam	Công nhân sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
140	V25434	Nguyễn Xuân Đông	Nam	Phó phòng Đảm bảo Chất lượng	*Phòng Kiểm soát & Đảm bảo chất lượng*	II	Đủ sức khỏe làm việc
141	V25435	Phó Văn Kiên	Nam	Công nhân sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
142	V25439	Hoàng Văn Hùng	Nam	Công nhân sản xuất	*Phòng Sơ chế*	IV	Đủ sức khỏe làm việc
143	V26448	Nguyễn Thị Lan	Nữ	Công nhân sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
144	V26449	Nguyễn Thị Thỏa	Nữ	Công nhân sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
145	V26450	Lưu Thị Dung	Nữ	Công nhân sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
146	V26453	Hoàng Thị Rổ	Nữ	Công nhân sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
147	V26454	Sái Thị Cúc	Nữ	Công nhân sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
148	V26459	Đỗ Thị Hợp	Nữ	Công nhân sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
149	V26460	Chu Thái Phi	Nam	Nhân viên Bảo trì và Vận hành	*Phòng Kỹ thuật*	II	Đủ sức khỏe làm việc
150	V26461	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	Công nhân sản xuất	*Phòng Chế biến*	II	Đủ sức khỏe làm việc
151	V26462	Lê Thị Bảy	Nữ	Công nhân sản xuất	*Phòng Chế biến*	III	Đủ sức khỏe làm việc
152	V26465	Vũ Thị Huệ	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
153	V26466	Nguyễn Thị Minh	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc

154	V26467	Nguyễn Thị Hữu	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
155	V26468	Nguyễn Duy Đăng	Nam	Nhân viên Hành chính Sản xuất	*Phòng Hành chính Sản xuất*	III	Đủ sức khỏe làm việc
156	V26472	Lê Thị Thanh	Nữ	Chuyên viên Hành chính Sản xuất	*Phòng Hành chính Sản xuất*	III	Đủ sức khỏe làm việc
157	V26474	Lưu Văn Thanh	Nam	Nhân viên Bảo trì và Vận hành	*Phòng Kỹ thuật*	II	Đủ sức khỏe làm việc
158	V26476	Nguyễn Phú Thành	Nam	Nhân viên quản lý kho	*Phòng Kế hoạch*	II	Đủ sức khỏe làm việc
159	V26477	Trần Văn Thi	Nam	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
160	V26478	Lưu Thị Hương	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Chế biến*	III	Đủ sức khỏe làm việc
161	V26479	Dương Thị Quỳnh Trang	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Chế biến*	III	Đủ sức khỏe làm việc
162	V26480	Nguyễn Văn Tú	Nam	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
163	V26482	Nguyễn Minh Công	Nam	Chuyên viên mua hàng	*Phòng Mua hàng Sản xuất*	I	Đủ sức khỏe làm việc
164	V26489	Đinh Văn Sáng	Nam	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
165	V26490	Trịnh Văn Thu	Nam	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
166	V26493	Hà Văn Tân	Nam	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
167	V26496	Lê Thị Quyên	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
168	V26498	Nguyễn Khắc Tình	Nam	Nhân viên Bảo trì và Vận hành	*Phòng Kỹ thuật*	II	Đủ sức khỏe làm việc
169	V26500	Nguyễn Trà My	Nữ	Chuyên viên Hành chính Sản xuất	*Phòng Hành chính Sản xuất*	II	Đủ sức khỏe làm việc
170	V26501	Phó Văn Chiến	Nam	Nhân viên quản lý kho	*Phòng Kế hoạch*	III	Đủ sức khỏe làm việc
171	V26502	Trịnh Thị Oanh	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
172	J26505	Ryuki Sakurai	Nam	Giám đốc Điều hành Khối Sản xuất kiêm Giám đốc Chi nhánh Tam Đảo		III	Đủ sức khỏe làm việc
173	V26506	Vũ Tiến Thành	Nam	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
174	V26507	Trần Thị Hồng Nhung	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
175	V26508	Quế Thị Tám	Nữ	Công nhân Sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
176	V26511	Nguyễn Văn Định	Nam	Công nhân sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
177	V26515	Hoàng Thị Tư	Nữ	Công nhân sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
178	V26516	Dương Thị Tuyết Mai	Nữ	Công nhân sản xuất	*Phòng Chế biến*	III	Đủ sức khỏe làm việc
179	V26517	Lê Thị Thành	Nữ	Công nhân sản xuất	*Phòng Sơ chế*	II	Đủ sức khỏe làm việc
180	V26518	Lý Thị Lý	Nữ	Công nhân sản xuất	*Phòng Sơ chế*	III	Đủ sức khỏe làm việc
181	JVM001	Nguyễn Thị Lý	Nữ	Tổ trưởng tổ thành phẩm		III	Đủ sức khỏe làm việc
182	JVM002	Hờ A Tao	Nam	Tổ trưởng tổ chế biến		III	Đủ sức khỏe làm việc
183	JVM005	Trần Quang Việt	Nam	Công nhân sản xuất		III	Đủ sức khỏe làm việc
184	JVM006	Cao Thị Nhung	Nữ	Chuyên viên tổng hợp dữ liệu sản xuất		III	Đủ sức khỏe làm việc
185	JVM007	Nguyễn Văn Quý	Nam	Nhân viên sản xuất		III	Đủ sức khỏe làm việc
186	JVM008	Nguyễn Thị Hà	Nữ	Công nhân sản xuất		III	Đủ sức khỏe làm việc
187	JVM009	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Nữ	Tổ trưởng sản xuất		II	Đủ sức khỏe làm việc
188	JVM010	Đỗ Thị Thu Hà	Nữ	Công nhân sản xuất		III	Đủ sức khỏe làm việc
189	JVM011	Trịnh Thu Hà	Nữ	Công nhân sản xuất		III	Đủ sức khỏe làm việc
190	V22020	Bùi Thị Kim Cúc	Nữ	Trưởng ban Điều phối Trang trại		III	Đủ sức khỏe làm việc
191	J22021	Kobayashi Reona	Nam	Giám đốc Hỗ trợ Khối Nông nghiệp (lĩnh vực chăn nuôi thú y)		I	Đủ sức khỏe làm việc
192	V22032	Trần Văn Luân	Nam	Chuyên viên Chăn nuôi & Thú y Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	II	Đủ sức khỏe làm việc

193	V22037	Phạm Quốc Huy	Nam	Tổ trưởng Chăn nuôi & Thú y Trang trại	*Phòng Chăn nuôi & Thú y*	I	Đủ sức khỏe làm việc
194	V22039	Mai Tuấn Anh	Nam	Tổ trưởng Chăn nuôi & Thú y Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	III	Đủ sức khỏe làm việc
195	V24159	Vũ Chí Công	Nam	Nhân viên Thú y Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	II	Đủ sức khỏe làm việc
196	V24168	Nguyễn Hồng Phúc	Nam	Trưởng ban Chăn nuôi & Thú y Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	III	Đủ sức khỏe làm việc
197	V25268	Lê Văn Dũng	Nam	Trưởng ban Vận hành Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	II	Đủ sức khỏe làm việc
198	V25270	Đặng Thị Thúy Nga	Nữ	Nhân viên Kiểm soát chất lượng Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	I	Đủ sức khỏe làm việc
199	V25279	Hoàng Văn Trình	Nam	Lái máy Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	I	Đủ sức khỏe làm việc
200	V25280	Lưu Văn Hiếu	Nam	Lái máy Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	II	Đủ sức khỏe làm việc
201	V25281	Chu Văn Hải	Nam	Lái máy Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	II	Đủ sức khỏe làm việc
202	V25293	Lưu Quang Mạnh	Nam	Chuyên viên Cơ điện Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	II	Đủ sức khỏe làm việc
203	V25304	Nguyễn Thị Nga	Nữ	Nhân viên Hành chính Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	III	Đủ sức khỏe làm việc
204	V25312	Lê Văn Quyền	Nam	Lái máy Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	III	Đủ sức khỏe làm việc
205	V25325	Nguyễn Văn Được	Nam	Lái máy Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	III	Đủ sức khỏe làm việc
206	V25329	Nguyễn Quang Dinh	Nam	Nhân viên Chăn nuôi Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	III	Đủ sức khỏe làm việc
207	V25343	Chu Ngọc Vinh	Nam	Lái máy Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	II	Đủ sức khỏe làm việc
208	V25346	Nguyễn Trọng Linh	Nam	Chuyên viên Cơ điện Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	II	Đủ sức khỏe làm việc
209	V25361	Lại Văn Hồng	Nam	Lái máy Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	II	Đủ sức khỏe làm việc
210	V25363	Phạm Thị Thanh Thảo	Nữ	Nhân viên Kiểm soát Dữ liệu Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	II	Đủ sức khỏe làm việc
211	V25364	Lê Thị Thắm	Nữ	Nhân viên Chăn nuôi Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	II	Đủ sức khỏe làm việc
212	V25365	Lưu Thị Lợi	Nữ	Nhân viên Chăn nuôi Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	III	Đủ sức khỏe làm việc
213	V25373	Bùi Minh Mẫn	Nam	Lái máy Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	II	Đủ sức khỏe làm việc
214	V25388	Đỗ Trọng Xuân	Nam	Nhân viên Thú y Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	II	Đủ sức khỏe làm việc
215	V25414	Nguyễn Văn Bảy	Nam	Nhân viên Chăn nuôi Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	III	Đủ sức khỏe làm việc
216	V26446	Lưu Văn Năm	Nam	Lái máy Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	II	Đủ sức khỏe làm việc
217	V26447	Hoàng Văn Hợp	Nam	Lái máy Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	III	Đủ sức khỏe làm việc
218	V26455	Nguyễn Văn Nguyệt	Nam	Lái máy Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	III	Đủ sức khỏe làm việc
219	V26475	Lưu Thị Hồng	Nữ	Nhân viên Chăn nuôi Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	II	Đủ sức khỏe làm việc
220	V26487	Nguyễn Thị Loan	Nữ	Nhân viên Kiểm soát Dữ liệu Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	III	Đủ sức khỏe làm việc
221	V26503	Dương Thị Thu	Nữ	Nhân viên Chăn nuôi Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	II	Đủ sức khỏe làm việc
222	V26519	Nguyễn Xuân Đoàn	Nam	Nhân viên Chăn nuôi Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	II	Đủ sức khỏe làm việc
223	V26520	Nguyễn Văn Tĩnh	Nam	Nhân viên lái máy Trang trại	*Trang trại Tam Đảo*	III	Đủ sức khỏe làm việc
224	V26528	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	Nữ	Nhân viên Thủ kho Trang trại		III	Đủ sức khỏe làm việc

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu VT

GIÁM ĐỐC

M.S.C.N:2500581412-001-C.T.C.P
BỆNH VIỆN VĨNH PHÚC VPI
P.VĨNH PHÚC - T.PHÚ THỌ

GIÁM ĐỐC

Lý Thị Hạnh

THE CATTLE BREEDING PROFILE
HỒ SƠ GIỐNG BÒ

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI

Số: 52/001/2020/ĐKCN

Tên cơ sở chăn nuôi: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV BÒ SỮA VIỆT NAM - TRANG TRẠI BÒ SỮA BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ trụ sở: thôn Nam Tượng 3, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định

Số điện thoại: 0256 2472 158; 0256 3637 206; Số Fax: 0256 3637 206

Địa chỉ trang trại: thôn Nam Tượng 3, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định

Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số: 7844646782, ngày cấp: 24/11/2016
Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định

Được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện chăn nuôi

Gia súc: Bò sữa; Số lượng: 2000 con

Bình Định, ngày 16 tháng 11 năm 2020

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Đào Văn Hùng

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI

Số: 68/004/2020/ĐKCN

Tên cơ sở chăn nuôi: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BÒ SỮA VIỆT NAM
TRANG TRẠI BÒ SỮA VINAMILK ĐÀ LẠT

Địa chỉ trụ sở: Thôn Lạc Trường, xã Tu Tra, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Số điện thoại: 0263.3641289 Số Fax: 0263.3641289.

Địa chỉ trang trại: Thôn Lạc Trường, xã Tu Tra, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 5000268824-005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 06 tháng 4 năm 2012, thay đổi lần thứ 7 ngày 11 tháng 6 năm 2020.

ĐƯỢC CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI

Gia súc: Bò sữa Số lượng: 1.600 con.

Lâm Đồng, ngày ..07. tháng..9..năm 2020

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Nguyễn Văn Châu

Theo Quyết định số: 493./QĐ-SNN
Ngày.....07....tháng..9...năm 2020

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT
Số: 493/QĐ-SNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 7 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn cho Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Bò sữa Việt Nam - Trang trại bò sữa Vinamilk Đà Lạt

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành Luật Chăn nuôi;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn cho Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Bò sữa Việt Nam - Trang trại bò sữa Vinamilk Đà Lạt (*Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện chăn nuôi kèm theo)*.

Điều 2. Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Bò sữa Việt Nam - Trang trại bò sữa Vinamilk Đà Lạt có trách nhiệm duy trì điều kiện chăn nuôi và thực hiện các biện pháp về phòng chống dịch bệnh động vật tại cơ sở theo quy định.

Điều 3. Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản; Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Bò sữa Việt Nam - Trang trại bò sữa Vinamilk Đà Lạt và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Giám đốc Sở;
- UBND huyện Đơn Dương;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CNTYTS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH LÂM ĐỒNG

Nguyễn Văn Châu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI

Số: 42 / 006 / 2021 /ĐKCN

Tên cơ sở chăn nuôi: CN Công ty TNHH MTV Bò sữa VN - TT Bò sữa Hà Tĩnh

Địa chỉ trụ sở: Xã Sơn Lễ, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ trang trại: Xã Sơn Lễ, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

Số điện thoại: 0239.655.8666 Số Fax:

Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập:

Số 5000268824-007 ĐK lần đầu 21/10/2013, T.Đ lần 2 ngày 27/5/2021

Được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện chăn nuôi.

Gia súc: Bò sữa Số lượng: 2.000 con;

Gia cầm: — Số lượng: ;

Vật nuôi khác: — Số lượng: ;

Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 10 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP&PT NÔNG THÔN
TỈNH HÀ TĨNH

Nguyễn Tuấn Thanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI

UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI

Số: 40/001/2020/ĐKCN

Tên cơ sở chăn nuôi: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BÒ SỮA VIỆTNAM - TRANG TRẠI BÒ SỮA NGHỆ AN

Địa chỉ trụ sở: xóm Đông Thành, xã Đông Hiếu, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An

Số điện thoai: 0238. 2211 208

Địa chỉ trang trại: xóm Đông Thành, xã Đông Hiếu, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An

Số điện thoại: 0238. 2211 208

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 5000268824-003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 05/03/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25/07/2017.

ĐƯỢC CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI

Giả súc: Bò sữa số lượng: 3.000 con (Ba nghìn con)

Nghệ An, ngày 09 tháng 12 năm 2020

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH NGHỆ AN

Nguyễn Văn Đệ

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TỈNH THANH HOÁ
CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI

Số: 38/002/2022/ĐKCN

.....

Tên cơ sở chăn nuôi: CHI NHÁNH CÔNG TY MỘT THÀNH VIÊN BÒ SỮA VIỆT NAM – TRANG TRẠI BÒ SỮA NHƯ THANH.

Địa chỉ trang trại: Thôn Phú Quang, xã Phú Nhuận, huyện Như Thanh tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại: 0237.8762222

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5000268824-009; nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh , Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá; Đăng ký thay đổi lần 6, ngày 17 tháng 8 năm 2017.

Được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện chăn nuôi.

Gia súc: Bò sữa Số lượng: 2.000 con.

Thanh Hoá, ngày 18 tháng 5 năm 2022
CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y THANH HÓA

Đặng Văn Hiệp

Scanned with CamScanner

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI
Số: 51/001/2021/ĐKCN

Tên cơ sở chăn nuôi:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BÒ SỮA VIỆT NAM - TRANG TRẠI BÒ SỮA VINAMILK QUẢNG NGÃI

Địa chỉ trụ sở: Thôn Phước Hòa, xã Đức Phú. Huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Số điện thoại: 028.5415.5555. Email: tdnhat@vinamilk.com.vn

Địa chỉ trang trại: Thôn Phước Hòa, xã Đức Phú. Huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Số điện thoại: 028.5415.5555. Email: tdnhat@vinamilk.com.vn

Giấy đăng ký kinh doanh: Số 5000268824-012, ngày 01/10/2020 của Phòng đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

ĐƯỢC CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI

Gia súc: Bò sữa Số lượng: 4.000 con

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 12 năm 2021
GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Hồ Trọng Phương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT

CỤC THÚ Y VIỆT NAM
DEPARTMENT OF ANIMAL HEALTH OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
CERTIFICATE OF DISEASE FREE STATUS FOR ESTABLISHMENT/ZONE

CHỨNG NHẬN
THIS IS TO CERTIFY THAT

Cơ sở: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV BÒ SỮA VIỆT NAM – TRANG TRẠI BÒ SỮA BÌNH ĐỊNH
The establishment: VIETNAM DAIRY PRODUCTS JOINT STOCK COMPANY (VINAMILK) BRANCH - BINH DINH DAIRY FARM
Địa chỉ: THÔN NAM TƯỢNG 3, XÃ NHƠN TÂN, THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH
Address: NAM TUONG 3 HAMLET, NHON TAN COMMUNE, AN NHON TOWN OF BINH DINH PROVINCE

Được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với các bệnh: LỞ MỒM LONG MÓNG, LAO BÒ, SẢY THAI TRUYỀN NHIỄM VÀ TỤ HUYẾT TRÙNG
In recognition of the free status in regard to the following disease (s): FOOT AND MOUTH DISEASE, BOVINE TUBERCULOSIS, BRUCELLOSIS AND PASTEURELLOSIS.

Số (No.): **353/QĐ-TY-DT**
Giấy chứng nhận này có giá trị đến **10/8/2027**.
This certificate is valid to 10 August 2027.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022
Q. CỤC TRƯỞNG
Director General

CỤC THÚ Y

Nguyễn Văn Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT

CỤC THÚ Y VIỆT NAM
DEPARTMENT OF ANIMAL HEALTH OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

CERTIFICATE OF DISEASE FREE STATUS FOR ESTABLISHMENT/ZONE

CHỨNG NHẬN

THIS IS TO CERTIFY THAT

Cơ sở: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV BÒ SỮA VIỆT NAM - TRANG TRẠI BÒ SỮA ĐÀ LẠT (TRẠI 1)
The establishment: BRANCH OF VIETNAM DAIRY PRODUCTS JOINT STOCK COMPANY - DALAT DAIRY FARM (FARM No. 1)
Địa chỉ: THÔN LẠC TRƯỜNG, XÃ TU TRA, HUYỆN ĐƠN DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG
Address: LAC TRUONG HAMLET, TU TRA COMMUNE, DON DUONG DISTRICT OF LAM DONG PROVINCE

Được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với bệnh: LỞ MỒM LONG MÓNG, SẢY THAI TRUYỀN NHIỄM, XOẮN KHUẨN, TỤ HUYẾT TRÙNG VÀ LAO BÒ
In recognition of the free status in regard to the following disease (s): FOOT AND MOUTH DISEASE, BRUCELLOSIS, LEPTOSPIROSIS, PASTEURELLOSIS AND TUBERCULOSIS.

Số (No.): **189**/QĐ-TY-ATDB
Giấy chứng nhận này có giá trị đến 22/12/2027.
This certificate is valid to 22 December 2027.

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2023
CỤC TRƯỞNG
Director General

Nguyễn Văn Long

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC THÚ Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TY-DT

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh tại Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam - Trang trại bò sữa Đà Lạt (Trại 1)

CỤC TRƯỞNG CỤC THÚ Y

Căn cứ Quyết định số 1399/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thú y;

Căn cứ Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật;

Căn cứ văn bản số 11/05/CV-BSĐL/2023 ngày 31/5/2023 của Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam - Trang trại bò sữa Đà Lạt về việc thay đổi tên chủ cơ sở an toàn dịch bệnh trên Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số 5000268824-005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Dịch tễ thú y.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật đối với bệnh Lở mồm long móng, Sảy thai truyền nhiễm, Xoắn khuẩn, Tụ huyết trùng và Lao bò tại Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam - Trang trại bò sữa Đà Lạt (Trại 1); địa chỉ: Thôn Lạc Trường, xã Tu Tra, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Chủ cơ sở an toàn dịch bệnh tại Điều 1 của Quyết định này có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về thú y đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

Điều 3. Chi cục Thú y vùng V, Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản tỉnh Lâm Đồng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra cơ sở an toàn dịch bệnh tại Điều 1 của Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 682/QĐ-TY-DT ngày 22/12/2022 của Cục trưởng Cục Thú y; có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và có giá trị đến ngày 22/12/2027.

Điều 5. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Dịch tễ thú y, Chi cục trưởng Chi cục Thú y vùng V, Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản tỉnh Lâm Đồng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ cơ sở an toàn dịch bệnh tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- PCT Phan Quang Minh;
- Lưu: VT, DT.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Long

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC THÚ Y

Số: 459 /QĐ-TY-DT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh tại Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam - Trang trại bò sữa Hà Tĩnh

CỤC TRƯỞNG CỤC THÚ Y

Căn cứ Quyết định số 1399/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thú y;

Căn cứ Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

Xét hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh của Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam - Trang trại bò sữa Hà Tĩnh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Dịch tễ thú y.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh đối với bệnh Lở mồm long móng, Lao bò, Sảy thai truyền nhiễm, Xoắn khuẩn và Tụ huyết trùng trên bò tại Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam - Trang trại bò sữa Hà Tĩnh (Địa chỉ: Thôn Tây Nam, xã Sơn Lễ, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh).

Điều 2. Chủ cơ sở an toàn dịch bệnh tại Điều 1 của Quyết định này có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về thú y đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

Điều 3. Chi cục Thú y vùng III, Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Hà Tĩnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra cơ sở an toàn dịch bệnh tại Điều 1 của Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và có giá trị đến ngày 07/10/2027.

Điều 5. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Dịch tễ thú y, Chi cục trưởng Chi cục Thú y vùng III, Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Hà Tĩnh, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ cơ sở an toàn dịch bệnh tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Phòng TC;
- Lưu: VT, DT.

Q. CỤC TRƯỞNG

CỤC THÚ Y

Nguyễn Văn Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT
CỤC THÚ Y VIỆT NAM
DEPARTMENT OF ANIMAL HEALTH OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
CERTIFICATE OF DISEASE FREE STATUS FOR ESTABLISHMENT/ZONE

CHỨNG NHẬN
THIS IS TO CERTIFY THAT

Cơ sở: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV BÒ SỮA VIỆT NAM – TRANG TRẠI BÒ SỮA HÀ TĨNH
The establishment: VIETNAM DAIRY PRODUCTS JOINT STOCK COMPANY (VINAMILK) BRANCH – HA TINH DAIRY FARM
Địa chỉ: THÔN TÂY NAM, XÃ SƠN LỄ, HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH
Address: TAY NAM HAMLET, SON LE COMMUNE, HUONG SON DISTRICT OF HA TINH PROVINCE

Được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với bệnh: LỞ MỒM LONG MÓNG, LAO BÒ, SẢY THAI TRUYỀN NHIỄM, XOẮN KHUẨN VÀ TỤ HUYẾT TRÙNG
In recognition of the free status in regard to the following disease (s): FOOT AND MOUTH DISEASE, BOVINE TUBERCULOSIS, BRUCELLOSIS, LEPTOSPIROSIS AND PASTEURELLOSIS.

Số (No.): **459/QĐ-TY-DT**

Giấy chứng nhận này có giá trị đến: 07/10/2027
This certificate is valid to 7 October 2027

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2022
Q. CỤC TRƯỞNG
Director General

CỤC THÚ Y

Nguyễn Văn Long

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC THÚ Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **281**/QĐ-TY-DT

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật tại Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam - Trang trại bò sữa Nghệ An

CỤC TRƯỞNG CỤC THÚ Y

Căn cứ Quyết định số 1399/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thú y;

Căn cứ Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

Xét hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh của Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam - Trang trại bò sữa Nghệ An;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Dịch tễ thú y.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh đối với bệnh Lở mồm long móng, Lao bò, Sảy thai truyền nhiễm, Xoắn khuẩn và Tụ huyết trùng trên bò tại Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam - Trang trại bò sữa Nghệ An (Địa chỉ: Xóm Đông Thành, xã Đông Hiếu, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An).

Điều 2. Chủ cơ sở an toàn dịch bệnh tại Điều 1 của Quyết định này có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về thú y đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

Điều 3. Chi cục Thú y vùng III, Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Nghệ An trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra cơ sở an toàn dịch bệnh tại Điều 1 của Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và có giá trị đến ngày **23/6/2027**.

Điều 5. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Dịch tễ thú y, Chi cục trưởng Chi cục Thú y vùng III, Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Nghệ An, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ cơ sở an toàn dịch bệnh tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Lưu: VT, DT.

Q. CỤC TRƯỞNG

CỤC THÚ Y

Nguyễn Văn Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT

CỤC THÚ Y VIỆT NAM
DEPARTMENT OF ANIMAL HEALTH OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
CERTIFICATE OF DISEASE FREE STATUS FOR ESTABLISHMENT/ZONE

CHỨNG NHẬN
THIS IS TO CERTIFY THAT

Cơ sở: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV BÒ SỮA VIỆT NAM - TRANG TRẠI BÒ SỮA NGHỆ AN
The establishment: BRANCH OF VIETNAM DAIRY PRODUCTS JOINT STOCK COMPANY (VINAMILK) - NGHE AN DAIRY FARM
Địa chỉ: XÓM ĐÔNG THÀNH, XÃ ĐÔNG HIẾU, THỊ XÃ THÁI HÒA, TỈNH NGHỆ AN
Address: DONG THANH HAMLET, DONG HIEU COMMUNE, THAI HOA TOWN OF NGHE AN PROVINCE
Được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với bệnh: LỞ MỒM LONG MÓNG, LAO BÒ, SẢY THAI TRUYỀN NHIỄM, XOẮN KHUẨN VÀ TỤ HUYẾT TRÙNG
In recognition of the free status in regard to the following disease (s): FOOT AND MOUTH DISEASE, BOVINE TUBERCULOSIS, BRUCELLOSIS, LEPTOSPIROSIS AND PASTEURELLOSIS.

Số (No.): **281/QĐ-TY-DT**
Giấy chứng nhận này có giá trị đến: **23/6/2027**.
This certificate is valid to 23 June 2027.

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2022
Q. CỤC TRƯỞNG
Director General

CỤC THÚ Y

Nguyễn Văn Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT

CỤC THÚ Y VIỆT NAM
DEPARTMENT OF ANIMAL HEALTH OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
CERTIFICATE OF DISEASE FREE STATUS FOR ESTABLISHMENT/ZONE

CHỨNG NHẬN
THIS IS TO CERTIFY THAT

Cơ sở: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV BÒ SỮA VIỆT NAM - TRANG TRẠI BÒ SỮA NHƯ THANH
The establishment: BRANCH OF VIETNAM DAIRY PRODUCTS JOINT STOCK COMPANY (VINAMILK) - NHU THANH DAIRY FARM
Địa chỉ: THÔN PHÚ QUANG, XÃ PHÚ NHUẬN, HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA
Address: PHU QUANG HAMLET, PHU NHUAN COMMUNE, NHU THANH DISTRICT OF THANH HOA PROVINCE
Được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với bệnh: LỞ MỒM LONG MÓNG, LAO BÒ, SẢY THAI TRUYỀN NHIỄM, XOẮN KHUẨN VÀ TỤ HUYẾT TRÙNG
In recognition of the free status in regard to the following disease (s): FOOT AND MOUTH DISEASE, BOVINE TUBERCULOSIS, BRUCELLOSIS, LEPTOSPIROSIS AND PASTEURELLOSIS.

Số (No.): 244/QĐ-TY-DT
Giấy chứng nhận này có giá trị đến 09/7/2026.
This certificate is valid to 09 July 2026.

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2021
KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
Deputy Director General

Nguyễn Văn Long

Scanned with CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH QUẢNG NGÃI
CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
CHỨNG NHẬN

Cơ sở: **Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam – Trang trại bò sữa Vinamilk Quảng Ngãi.**

Địa chỉ: Thôn Phước Hòa, xã Đức Phú, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với bệnh: Lở mồm long móng, Sẩy thai truyền nhiễm, Tụ huyết trùng, Lao trên đối tượng bò sữa.

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 5 năm 2023

Số: 01 /QĐ-TY-ATDB
Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày 16/8/2026

KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Văn Thuận

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT

CỤC THÚ Y VIỆT NAM
DEPARTMENT OF ANIMAL HEALTH OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
CERTIFICATE OF DISEASE FREE STATUS FOR ESTABLISHMENT/ZONE

CHỨNG NHẬN
THIS IS TO CERTIFY THAT

Cơ sở: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV BÒ SỮA VIỆT NAM - TRANG TRẠI BÒ SỮA TÂY NINH
The establishment: BRANCH OF VIETNAM DAIRY PRODUCTS JOINT STOCK COMPANY (VINAMILK) - TAY NINH DAIRY FARM
Địa chỉ: ẤP LONG THỊNH, XÃ LONG KHÁNH, HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH
Address: LONG THINH HAMLET, LONG KHANH COMMUNE, BEN CAU DISTRICT OF TAY NINH PROVINCE

Được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với bệnh: LỞ MỒM LONG MÓNG, SẢY THAI TRUYỀN NHIỄM, LAO BÒ
In recognition of the free status in regard to the following disease (s): FOOT AND MOUTH DISEASE, BRUCELLOSIS, BOVINE TUBERCULOSIS.

Số (No.): **31**/TY-ATDB
Giấy chứng nhận này có giá trị đến 10/02/2028.
This certificate is valid to 10 February 2028.

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2023
CỤC TRƯỞNG
Director General

Nguyễn Văn Long

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC THÚ Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TY-DT

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh tại Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam - Trang trại bò sữa Tây Ninh

CỤC TRƯỞNG CỤC THÚ Y

Căn cứ Quyết định số 1399/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thú y;

Căn cứ Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

Xét hồ sơ đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh của Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam - Trang trại bò sữa Tây Ninh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Dịch tễ thú y.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh đối với bệnh Lở mồm long móng, Sảy thai truyền nhiễm và Lao bò tại Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam - Trang trại bò sữa Tây Ninh (địa chỉ: Ấp Long Thịnh, xã Long Khánh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh).

Điều 2. Chủ cơ sở an toàn dịch bệnh tại Điều 1 của Quyết định này có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về thú y đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

Điều 3. Chi cục Thú y vùng VI, Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Tây Ninh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra cơ sở an toàn dịch bệnh tại Điều 1 của Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và có giá trị đến ngày /02/2028.

Điều 5. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Dịch tễ thú y, Chi cục trưởng Chi cục Thú y vùng VI, Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Tây Ninh, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ cơ sở an toàn dịch bệnh tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Phòng Tài chính;
- Lưu: VT, DT.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT

CỤC THÚ Y VIỆT NAM
DEPARTMENT OF ANIMAL HEALTH OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
CERTIFICATE OF DISEASE FREE STATUS FOR ESTABLISHMENT/ZONE

CHỨNG NHẬN
THIS IS TO CERTIFY THAT

Cơ sở: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV BÒ SỮA VIỆT NAM – TRANG TRẠI BÒ SỮA THANH HÓA
The establishment: VIETNAM DAIRY PRODUCTS JOINT STOCK COMPANY (VINAMILK) BRANCH – THANH HOA DAIRY FARM
Địa chỉ: THÔN BÀN LAI, XÃ XUÂN PHÚ, HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA
Address: BAN LAI HAMLET, XUAN PHU COMMUNE, THO XUAN DISTRICT OF THANH HOA PROVINCE

Được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với bệnh: LỞ MỒM LONG MÓNG, LAO BÒ, SẢY THAI TRUYỀN NHIỄM, XOẮN KHUẨN VÀ TỤ HUYẾT TRÙNG
In recognition of the free status in regard to the following disease (s): FOOT AND MOUTH DISEASE, BOVINE TUBERCULOSIS, BRUCELLOSIS, LEPTOSPIROSIS AND PASTEURELLOSIS.

Số (No.): **461**/QĐ-TY-DT

Giấy chứng nhận này có giá trị đến: 07/10/2027.
This certificate is valid to 7 October 2027.

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2022
Q. CỤC TRƯỞNG
Director General

Nguyễn Văn Long

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC THÚ Y

Số: 461 /QĐ-TY-DT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh tại Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam - Trang trại bò sữa Thanh Hóa

CỤC TRƯỞNG CỤC THÚ Y

Căn cứ Quyết định số 1399/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thú y;

Căn cứ Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

Xét hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh của Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam - Trang trại bò sữa Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Dịch tễ thú y.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh đối với bệnh Lở mồm long móng, Lao bò, Sảy thai truyền nhiễm, Xoắn khuẩn và Tụ huyết trùng trên bò tại Chi nhánh Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam - Trang trại bò sữa Thanh Hóa (Địa chỉ: Thôn Bàn Lai, xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa).

Điều 2. Chủ cơ sở an toàn dịch bệnh tại Điều 1 của Quyết định này có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về thú y đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

Điều 3. Chi cục Thú y vùng III, Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Thanh Hóa trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra cơ sở an toàn dịch bệnh tại Điều 1 của Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và có giá trị đến ngày 07/10/2027.

Điều 5. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Dịch tễ thú y, Chi cục trưởng Chi cục Thú y vùng III, Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Thanh Hóa, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ cơ sở an toàn dịch bệnh tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Phòng Tài chính;
- Lưu: VT, DT.

Q. CỤC TRƯỞNG

CỤC THÚ Y

Nguyễn Văn Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT

CỤC THÚ Y VIỆT NAM
DEPARTMENT OF ANIMAL HEALTH OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

CERTIFICATE OF DISEASE FREE STATUS FOR ESTABLISHMENT/ZONE

CHỨNG NHẬN

THIS IS TO CERTIFY THAT

Cơ sở: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV BÒ SỮA VIỆT NAM - TRANG TRẠI BÒ SỮA TUYÊN QUANG
The establishment: VIETNAM DAIRY PRODUCTS JOINT STOCK COMPANY (VINAMILK) BRANCH - TUYEN QUANG DAIRY FARM
Địa chỉ: THÔN 26, XÃ KIM PHÚ, THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG
Address: HAMLET 26, KIM PHU COMMUNE, TUYEN QUANG CITY, TUYEN QUANG PROVINCE
Được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với bệnh: LỞ MỒM LONG MÓNG, LAO BÒ, SẢY THAI TRUYỀN NHIỄM VÀ TỤ HUYẾT TRÙNG
In recognition of the free status in regard to the following disease (s): FOOT AND MOUTH DISEASE, BOVINE TUBERCULOSIS, BRUCELLOSIS AND PASTEURELLOSIS

Số (No.): **47**/QĐ-TY-DT
Giấy chứng nhận này có giá trị đến: 16/02/2027.
This certificate is valid to 16 February 2027.

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2022
KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
Deputy Director General

CỤC THÚ Y

Nguyễn Văn Long

M.S.D.N:0109752537-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

VINABEEF

DELIVERY & STORAGE

VẬN CHUYỂN VÀ KHO BÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----*----**

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC DỊCH VỤ

Số: 0101/2026/HDDV/ABA-JVL

Hợp đồng Nguyên tắc dịch vụ này ("**Hợp Đồng**") được lập ngày **01 tháng 01 năm 2026** tại TP Hồ Chí Minh, Việt Nam giữa:

BÊN CUNG ỨNG DỊCH VỤ: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP THƯƠNG MẠI ABA

Địa chỉ trụ sở chính	: Lầu 4, 51 Trần Phú, Phường Chợ Quán, TP Hồ Chí Minh.
Điện thoại	: (028) 39208503
Tài khoản số	: 069 704 110 3194
Ngân hàng	: Ngân hàng TMCP Bản Việt - Hội sở, TP.HCM
Mã số thuế	: **0305472705**
Đại diện bởi	: Bà **TRẦN THỊ THU MAI**
Chức vụ	: **Tổng Giám Đốc**

(Theo giấy Ủy quyền số: 015/2026/ABA/GUQ, ký ngày 01/01/2026)

Sau đây gọi tắt là **"Bên A"**

Và

BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ: CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT

Địa chỉ	: Số 519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Thành phố Hà Nội.
Điện thoại	: 0243 8626769
Tài khoản số	: 060275098666
Ngân hàng	: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh trung tâm
Mã số thuế	: **0109752537**
Đại diện bởi	: Ông **INOUE KOJI**
Chức vụ	: **Giám đốc điều hành khối Sản xuất**

(Theo giấy Ủy quyền số: 05/BOD-UQ/2026, ký ngày 01/01/2026)

Sau đây gọi tắt là **"Bên B"**

(Tùy theo ngữ cảnh sử dụng, Bên Cung Ứng và Bên Sử dụng Dịch vụ sau đây gọi riêng là "***Bên***" và gọi chung là "***các Bên***").

NAY CÁC BÊN ĐỒNG Ý VỚI NỘI DUNG THỎA THUẬN VÀ ĐIỀU KIỆN NHƯ SAU:

ĐIỀU 1: HÀNG HÓA VÀ QUYỀN SỞ HỮU HÀNG HÓA

1.1 Hàng Hóa như được đề cập tại Hợp Đồng này sẽ có nghĩa là tất cả các chủng loại Hàng Hóa thuộc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness
----*----**

PRINCIPLE SERVICE CONTRACT

***No*: 0101/2026/HDDV/ABA-JVL**

This Principal Service Contract (the "**Contract**") is entered into on **1st January 2026** at Ho Chi Minh City, Vietnam by and between:

SERVICE PROVIDER: ABA BUSINESS SOLUTIONS CORPORATION

Head office	: 4th Floor, 51 Tran Phu, Cho Quan Ward, Ho Chi Minh City.
Tel	: (028) 39208503
Account No	: 069 704 110 3194
Bank	: Viet Capital Commercial Joint Stock Bank - Head Office
Tax code	: **0305472705**
Represented by	: Mrs. **TRẦN THỊ THU MAI**
Position	: **General Director**

According to Power of Attorney No: 015/2026 ABA GUQ, ký ngày 01/01/2026)

Hereinafter referred to as the **"Party A"**

And

SERVICE PURCHASER: JAPAN VIETNAM LIVESTOCK PARTY A LIMITED

Address	: No. 519 Minh Khai, Vinh Tuy Ward, Hanoi City.
Tel	: 0243 8626769
Account No	: 060275098666
Bank	: Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank – Head office
Tax code	: **0109752537**
Represented by	: **Mr. INOUE KOJI**

Position : **Executive Director of Production Unit**

(According to Power of Attorney No: 05 BOD-UQ 2026, ký ngày 01/01/2026)

Hereinafter referred to as **"Party B"**

(Where appropriate hereinafter individually referred to as a "***Party***" and collectively referred to as the "***Parties***").

THE PARTIES HEREBY AGREED WITH THE TERMS AND CONDITIONS AS FOLLOWING:

ARTICLE 1: GOODS AND TITLE TO GOODS

1.1 The Goods as referred to in this Contract shall mean all types of Goods in the possession of the Party B

quyền sở hữu của Bên B mà Bên A được Bên B ủy quyền lưu giữ và bảo quản tại kho của Bên A theo các điều kiện và điều khoản của Hợp Đồng này (**"Hàng Hóa"**).

1.2 Trường hợp Bên A tiếp nhận Hàng trên cơ sở nguyên trạng như được đóng gói niêm phong và không kèm chi tiết từng túi/khay sản phẩm, Bên A không có nghĩa vụ xác định chất lượng, số lượng trong từng túi/khay hoặc tình trạng của Hàng Hóa. Trong quá trình lưu kho Hàng Hóa theo điều kiện nhiệt độ yêu cầu của Bên B, Bên A không chịu trách nhiệm về sự thay đổi chất lượng, số lượng trong từng túi/khay. Bên B công nhận rằng Hàng Hóa đã được đóng gói và niêm phong tại thời điểm giao cho Bên A và do đó, Bên A không thể biết được giá trị của Hàng Hóa, cũng như không có trách nhiệm để kiểm tra Hàng Hóa. Để rõ ràng, rủi ro Hàng Hóa sẽ được chuyển cho Bên A trong suốt quá trình lưu kho.

1.3 Trường hợp Bên A nhận hàng theo thùng có danh sách chi tiết từng túi/khay sản phẩm theo phiếu yêu cầu nhập hàng hoặc được gửi qua Email. Nếu Bên B yêu cầu, Bên A có trách nhiệm kiểm tra số lượng nhập chi tiết theo danh sách và thông báo cho Bên B nếu có chênh lệch trong vòng 2 ngày làm việc. Bên A chịu trách nhiệm đảm bảo số lượng và chất lượng hàng hóa sau khi đã kiểm tra và nhập kho.

1.4 Hàng Hóa của Bên B sẽ được lưu trữ theo yêu cầu cụ thể theo Phiếu Yêu Cầu cung cấp Dịch vụ gửi cho Bên A. Bên A sẽ đảm bảo tại mọi thời điểm trong suốt thời hạn thực hiện Hợp đồng này, Hàng Hóa của Bên B sẽ được lưu trữ bảo quản tại khu vực riêng biệt trong nhà kho của Bên A. Bên A sẽ cung cấp cho Bên B đầy đủ các thông tin về khu vực mà Bên A sử dụng để bảo quản Hàng Hóa của Bên B (**"*Kho thuê*"**). Các thông tin về Kho, bao gồm nhưng không giới hạn về địa điểm, sơ đồ kho, sơ đồ lưu Hàng Hóa, các nội dung chi tiết được đính kèm theo Phụ lục Hợp đồng này. Kho bảo quản Hàng Hóa của Bên B được trang bị thiết bị đầy đủ và phù hợp với điều kiện bảo quản Hàng Hóa tương ứng với điều kiện mà Bên B yêu cầu.

1.5 Trong quá trình lưu kho tại Bên A, Hàng Hóa vẫn thuộc quyền sở hữu của Bên B. Bên B cam kết rằng Hàng Hóa là các loại mặt hàng được phép lưu kho và lưu hành tại Việt Nam theo luật pháp Việt Nam trong thời gian lưu kho. Bên B đảm bảo rằng Hàng Hóa đều hợp pháp về nguồn gốc và tình trạng pháp lý và đồng ý bồi thường cho Bên A đối với bất cứ khiếu nại nào của bất cứ bên thứ ba nào về nguồn gốc, quyền sở hữu đối với Hàng Hóa và bất cứ khiếu nại nào đến thương hiệu hoặc nhãn hiệu của Hàng Hóa.

ĐIỀU 2: DỊCH VỤ - CHỨNG TỪ XUẤT TRÌNH

which the Party A is authorized by the Party B to keep and store in the Party A's warehouse according to the conditions and terms of this Contract (**"Goods"**).

1.2 Party A's receipt of the Goods in accordance with the terms of this Contract shall be on an undamaged basis as packaged without detailed packing list of each product pack/tray, the Party A shall have no obligation to determine the quality, quantity in each case or condition of the Goods. During the storage of Goods according to temperature requirements of Party B, the Party A is not responsible for the change in quality and quantity in each box/carton. Party B acknowledges that the Goods have been packed and sealed at the time of delivery to Party A and as such, Party A cannot know the value, nor is it responsible for inspecting the Goods. For clarity, the risk of the Goods (excluding the quality of the Goods) is transferred to the Party A during storage.

1.3 In case Party A receives goods by box, there is a detailed list of each box according to the import request form or sent via Email. If Party B requests, Party A is responsible for checking the number of details entered according to the detail list and notifying Party B if there are any differences within 2 working days. Party A is responsible for ensuring the quantity and quality of goods after checking and warehousing.

1.4 The operation for Goods strorage service shall be provided to Party B upon the requirements detailed in the Request for providing Service. The Party A guatantees that at all times during the term of this Contract, the Goods of Party B shall be stored and preserved separated from the other areas within Warehouse of the Party A. Detailed information of the area used by the Party A to store the Goods will be submitted to the Party B ("Premises"). The information of Warehouse and Premises including without limitated to the location, warehouse diagram, Goods storage layout, details are attached to this Contract Appendix. The Party B's Premises will be furrnished adequately by the Party A to be able to store its Goods as requirements from Party B.

1.5 During the storage process at the Party A, the Goods remain in the possession of the Party B. The Party B undertakes that the Goods are the types of goods that are allowed to be stored and circulated in Vietnam according to the laws of Vietnam during the period of storage. Party B warrants that the Goods are lawful in origin and legal status and agrees to indemnify Party A against any claim by any third party as to the origin, title or ownership of the Goods, and any claims relating to the brand or trademark of the Goods.

ARTICLE 2: SERVICES - DOCUMENTS PROVIDED

Bên A theo đây chấp nhận cung cấp các dịch vụ bảo quản kho lạnh và các dịch vụ kèm theo yêu cầu của Bên B. Nội dung chi tiết về thông tin tên hàng hóa, nhiệt độ bảo quản hàng hóa và quy trình các bước của thủ tục xuất nhập kho sẽ được quy định tại Phụ Lục C "**Quy Trình Vận Hành Kho**".

2.1 Nhiệt độ bảo quản hàng mát: **0 - 3°C (±2) và hàng đông: -18°C (±3).** Nếu trong trường hợp nhiệt độ cao hơn quy định này thì nhân viên kho sẽ thông báo cho Bên B và thực hiện theo hướng dẫn của Bên B. Trong trường hợp này, Bên A sẽ không chịu trách nhiệm cho những tổn thất liên quan đến hư hỏng Hàng Hóa do nhiệt độ tăng cao trong quá trình vận chuyển. Nhân viên kho sẽ tiến hành lập biên bản và ký xác nhận với người vận chuyển hoặc đại diện của Bên B.

2.2 Để nhận diện, Bên B phải cung cấp cho Bên A bản danh sách các đại diện được ủy quyền (**"Giấy Ủy Quyền"**) được Bên B ghi đầy đủ và xác nhận hợp lệ theo mẫu được nêu tại Phụ Lục C, với điều kiện là bất kỳ việc hủy bỏ hoặc sửa đổi nào đối với danh sách này nếu có phải được thông báo kịp thời cho Bên A.

2.3 Mỗi lần Bên A nhập Hàng Hóa của Bên B vào kho của Bên A và xuất Hàng Hóa cho Bên B ra khỏi kho của Bên A chỉ theo lệnh từ người đại diện được ủy quyền của Bên B đã được đăng ký với Bên A.

ĐIỀU 3: QUY TRÌNH THỦ TỤC NHẬP VÀ XUẤT HÀNG HÓA

3.1 Khi giao Hàng Hóa vào kho của Bên A để lưu giữ, Bên B phải cung cấp cho Bên A một bảng kê Hàng Hóa (Packing List) hoặc Phiếu Yêu Cầu Nhập Hàng (**"Phiếu Nhập Hàng"**) có các chi tiết sau: chữ ký hợp lệ của Bên B, mô tả số lượng, trọng lượng, nhiệt độ trữ lạnh của từng loại sản phẩm riêng biệt cần được lưu kho, hoặc được gửi qua tin nhắn, qua Email.

3.2 Khi tiếp nhận Hàng Hóa để lưu giữ tại kho, Bên B sẽ được Bên A cấp biểu mẫu Phiếu Nhập Kho (**"Phiếu Nhập Kho"**) do Bên A ban hành. Phiếu Nhập Kho này là xác nhận hợp lệ của Bên A về việc Bên A tiếp nhận Hàng Hóa. Phiếu Nhập Kho sẽ bao gồm: (a) mô tả Hàng Hóa; (b) số lượng Hàng Hóa; (c) chữ ký của đại diện của các Bên; (d) ngày và giờ nhận Hàng Hóa để làm cơ sở tính phí ngoài giờ (nếu có). Một bản của Phiếu Nhập Kho sẽ được giao cho Bên B và một bản sẽ được giữ tại Bên A để lưu trữ và ghi sổ.

3.3 Khi yêu cầu xuất Hàng Hóa ra khỏi kho Bên A, Bên B phải cung cấp cho Bên A một Phiếu Yêu Cầu Xuất Hàng (**"Phiếu Xuất Hàng"**) có các chi tiết sau: (a) chữ ký hợp lệ của Bên B, (b) mô tả

Party A hereby accepts to provide cold storage services and services attached to the requirement of Party B. The details of information about name, the storage temperature of the goods and the regulations on the import and export process will be specified in Appendix C "**Warehouse Operation Procedure**".

2.1 Storage temperature for Chilled Goods: **0 - 3°C (±2) and Frozen Goods: -18°C (±3).** If the temperature is higher than this specified temperature, the warehouse staff will notify Party B and follow the instructions of Party B. In this case, Party A will not be liable for losses related to damage to the Goods due to high temperature during transportation. Warehouse staff will proceed to make the minutes and sign for confirmation with the carrier or Party B's representative.

2.2 For identification, the Party B must provide the Party A with a list of authorized representatives (the "**Authorization**") duly filled out and validated by the Party B in the form set out in Appendix C, subject to the following conditions any cancellation or modification to this list, if any, must be promptly notified to the Party A.

2.3 The Party A receives the Goods into the warehouse and releases the Goods to Party B from Party A's warehouse just follow orders from Party B's authorized representative registered with the Party A.

ARTICLE 3: PROCEDURES FOR IMPORT AND EXPORT OF GOODS

3.1. When delivering the Goods to the Party A's warehouse for storage, the Party B must provide the Party A with a Packing List or a Request Form (*"**Receipt of Goods**"*) with the following details: a valid signature of the Party B, description of quantity, weight, cold storage temperature of each individual product that needs to be stored, or sent via text message or email.

3.2. When receiving the Goods for storage at the warehouse, the Party B shall send a request for input (the "***Warehouse Receipt***") issued by the Party A. This Warehouse Receipt is the Party A's valid confirmation of the Party A's receipt of the Goods. The Warehouse Receipt shall include: (a) a description; (b) quantity; (c) signatures of representatives of the Parties; (d) the time of receipt of the Goods for the basis of overtime charges (if any). A copy of Warehouse Receipt will be provided for Party B and saved for tracking orders by Party A.

3.3. When requesting the release of Goods from warehouse, the Party B shall send a information of output requirements ("***Outbound Note***") to Party A containing the following details: (a) valid signature

- Ngoài giờ (trước 6:00 hoặc sau 17:00): x1.5
- Chủ Nhật: x2
- Ngày Lễ: x3

- **Ngày Lễ, Tết:** theo quy định Nhà nước và lịch nghỉ Lễ của ABA.

Phụ lục được lập thành hai (04) bản song ngữ Anh – Việt, nội dung tiếng Việt được ưu tiên áp dụng trong mọi trường hợp. Nội dung này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng nguyên tắc dịch vụ số **0101/2026/HDDV/ABA-JVL** ký ngày 01/01/2026.

ĐẠI DIỆN BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ
FOR AND ON BEHALF OF SERVICE SUPPLIER

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR

TRẦN THỊ THU MAI

- Ngoài giờ (trước 6:00 hoặc sau 17:00): x1.5
- Chủ Nhật: x2
- Ngày Lễ: x3
- Holiday, Tet: according to Government regulation and ABA's holiday.

This Appendix is made into four (04) bilingual originals in English and Vietnamese, the Vietnamese version shall prevail in all cases. This Appendix is an integral part of the Principal Service Contract No. **0101/2026/HDDV/ABA-JVL** signed on 01 Jan 2026.

ĐẠI DIỆN BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ
FOR AND ON BEHALF OF SERVICE USER

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH KHỐI SẢN XUẤT
EXECUTIVE DIRECTOR OF PRODUCTION UNIT

INOUE KOJI

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0305472705

Đăng ký lần đầu: ngày 26 tháng 01 năm 2008
Đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày 22 tháng 06 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP THƯƠNG MẠI A BA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: A BA BUSINESS SOLUTIONS CORPORATION

Tên công ty viết tắt: ABA CORP

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lầu 4, 51 Trần Phú, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: *02873069009* Fax:

Email: *thi@aba.com.vn* Website: *www.aba.com.vn*

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 152.481.570.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm năm mươi hai tỷ bốn trăm tám mươi mốt triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 15.248.157

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LƯƠNG QUANG THI Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: *15/10/1973* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *049073000190*

Ngày cấp: *30/05/2017* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *7.07 Lô B2 C/c 552-558 Cách Mạng Tháng 8, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *7.07 Lô B2 C/c 552-558 Cách Mạng Tháng 8, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

KT. TRƯỞNG PHÒNG
Phó Trưởng Phòng

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Cù Thành Đức

Certificate of Registration

Chứng nhận Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm của

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN CHUYÊN NGHIỆP ETC

Lô 39, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

cho lĩnh vực

Cung cấp dịch vụ kho mát và kho lạnh bảo quản thực phẩm

đã được đánh giá và chứng nhận bởi NQA phù hợp với các yêu cầu của

ISO 22000 : 2018

Chứng nhận này có hiệu lực khi công ty duy trì hệ thống quản lý An toàn Thực phẩm theo tiêu chuẩn trên và tuân thủ sự giám sát định kỳ của NQA.
Trong trường hợp có sự không nhất quán, chứng chỉ tiếng Anh sẽ được ưu tiên sử dụng

Số chứng chỉ: 126825
Ngày chứng nhận lần đầu: 01.12.2021
Hiệu lực chứng chỉ: 01.12.2024
Mã EAC: 29
Thực phẩm: G1

Giám đốc điều hành

NQA Việt Nam xác nhận bản dịch

GIÁM ĐỐC
Đặng Hằng Huyền

UKAS MANAGEMENT SYSTEMS
0015

Biểu tượng công nhận UKAS xuất hiện có nghĩa các hoạt động được chứng nhận ở trên thuộc phạm vi công nhận số 015 của NQA.
NQA là tên thương mại của Tổ chức chứng nhận NQA, số đăng ký 08361788. Trụ sở đăng ký: Warwick House, Houghton Hall Park, Houghton Regis, Dunstable, LU5 5ZX, UK.
Chứng nhận này thuộc sở hữu của NQA và phải được trả lại khi có yêu cầu.

SOURCE OF CATTLE SUPPLY
ĐƠN VỊ CHĂN NUÔI BÒ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN BÒ

Số: 50 /HĐNT/BSVN-JVL/2026

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2026, chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY TNHH MTV BÒ SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ : Số 10 Tân Trào, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Mã số thuế : 5000268824

Số tài khoản : 001079193001 tại Ngân hàng HSBC – CN Hồ Chí Minh

Người đại diện : **Ông ĐOÀN QUỐC KHÁNH**

Chức vụ : Giám đốc

Sau đây được gọi là "**Bên Bán**"

VÀ

BÊN B : CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT

Địa chỉ : Số 519, Đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Thành Phố Hà Nội

Mã số thuế : 0109752537

Số tài khoản : 689610899999 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank) – Chi nhánh Vĩnh Phúc

Người đại diện : **Ông YOICHI HARUMOTO**

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Sau đây được gọi là **"Bên Mua"**.

Bên Bán và Bên Mua sẽ được gọi riêng là "**Bên**" và gọi chung là "**Các Bên**" hoặc "**hai Bên**" tùy từng trường hợp.

Sau khi thỏa thuận, hai Bên đồng ý ký Hợp đồng Nguyên tắc ("***Hợp đồng***") liên quan đến

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

PRINCIPLE CONTRACT FOR PURCHASING

No: 50 /HĐNT/BSVN-JVL/2026

Today, on Jan 01 st, 2026, we are:

PARTY A : VIETNAM DAIRY COW ONE MEMBER COMPANY LIMITED

Address : No. 10 Tan Trao Str., Tan My Ward, Ho Chi Minh City.

Tax code : 5000268824

Back account : 001079193001 at the HSBC bank – Ho Chi Minh Branch

Representative : **Mr. ĐOÀN QUỐC KHÁNH**

Title : Director

Hereinafter referred to as the "**Seller**"

AND

PARTY B : JAPAN VIETNAM LIVESTOCK COMPANY LIMITED

Address : No. 519, Minh Khai Street, Vinh Tuy Ward, Hanoi city.

Tax code : 0109752537

Bank account no.: 689610899999 At the Vietnam Joint Stock Commercial Bank For Industry And Trade (Vietinbank) – Vinh Phuc Branch

Representative : **Mr. YOICHI HARUMOTO**

Position : General Director

Hereinafter referred to as the "**Buyer**".

Seller and Buyer shall be hereinafter referred to as "**Party**" respectively, and the "**Parties**" or "**both Parties**" collectively.

It is mutually agreed by the both Parties to enter into this Principle Contract ("***Contract***")

mục đích mua bán Bò cái với các điều kiện và điều khoản như sau.	with the terms and conditions of the purchase as follow:
ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG Bên Bán đồng ý chấp thuận bán cho Bên Mua số lượng bò với các đặc điểm sau: - Loại bò: Bò cái; - **Yêu cầu sức khỏe và tiêu chuẩn phòng chống dịch bệnh**: theo yêu cầu kỹ thuật như mô tả trong Phụ lục IV đính kèm.	**ARTICLE 1: OBJECTS OF THIS CONTRACT** The Seller hereto agrees to sell the quanity of cow to the Buyer with the detail as below: - Gender: Female; - **Health requirements and disease prevention standards**: according to the technical requirements as described in Annex IV attached
- Giá Bò Cái áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2026. Mọi điều chỉnh về giá (nếu có) sẽ được thảo luận, thống nhất bằng văn bản và ký kết phụ lục hợp đồng bổ sung; - Giá Bò Cái là giá giao tại kho của Bên Bán (Trang trại Thanh Hóa, Như Thanh, Tuyên Quang, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Bình Định, Đà lạt, Tây Ninh), chưa bao gồm chi phí vận chuyển và thuế giá trị gia tăng; - Các Bên đồng ý rằng mức thuế suất giá trị gia tăng (GTGT) sẽ phụ thuộc vào các quy định của pháp luật vào tùy từng thời điểm. Theo đó, Các Bên sẽ căn cứ theo mức thuế	Weighing Slip and Handover Report. - The unit price shall be applied from 01 January 2026 to 31 December 2026. Any price adjustment (if any) shall be discussed and mutually agreed upon in writing and recorded in a duly signed supplementary appendix/addendum. - The Cow Price is the price at Seller's warehouse (Thanh Hoa, Nhu Thanh, Tuyen Quang, Nghe An, Ha Tinh, Quang Ngai, Binh Dinh, Da Lat, Tay Ninh farms), excluding transportation costs and VAT; - The Parties agree that the value-added tax (VAT) rate mentioned above will depend on the applicable legal regulations at each point in time. Accordingly, the Parties will base the VAT rate on the legal regulations in effect at the time the VAT invoice is

- suất GTGT dựa trên các quy định của pháp luật vào thời điểm phát hành hóa đơn GTGT để làm cơ sở xác định mức thuế suất GTGT. - Bên Bán hỗ trợ vận chuyển bò lên phương tiện vận chuyển của Bên Mua tại cổng của từng trang trại của Bên Bán. - Chi phí kiểm dịch Bên Mua chi trả.	issued to determine the applicable VAT rate. - The Seller shall support to loading the cows to the Buyer's vehicle at the gate of each farm. - The Buyer shall bear the quarantine costs.
ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN 2.1 Việc giao nhận bò cái giữa Bên Bán và Bên Mua sẽ được thực hiện theo quy trình và hướng dẫn chi tiết tại **Phụ lục 3 – Hướng Dẫn Tương Tác Giao Dịch** đính kèm Hợp đồng này. Các nội dung bao gồm việc gửi danh sách bò, xác nhận số lượng, hỗ trợ xuất bò và bàn giao hồ sơ sẽ được thực hiện theo đúng quy định tại phụ lục. Bên Mua cam kết rằng-bắt buộc phải bố trí xe để vận chuyển chậm nhất là 07 ngày kể từ ngày Bên Bán đạt số lượng tối thiểu theo Phụ lục 5. Số lượng từng trại sẽ thay đổi theo thực tế phát sinh nhưng được nhỏ hơn số lượng tại Phụ lục 6. Các Bên cam kết phối hợp chặt chẽ để đảm bảo quá trình giao nhận diễn ra đúng kế hoạch và tuân thủ các thỏa thuận đã thống nhất. 2.2 Lịch trình vận chuyển do Bên Mua thông báo cho bên Bán qua thư điện tử của nhân sự phụ trách giao dịch như Phụ lục 3. Mọi hồ sơ chứng từ thông tin của con bò sẽ được Bên Bán giao cho Bên Mua trong vòng 05 (năm) ngày kể từ khi đại diện Các Bên hoàn tất ký xác nhận việc giao nhận. 2.3 Phương thức vận chuyển: Bên Mua phải thông báo cho Bên Bán bằng thư điện tử về lịch trình nhận hàng, thông tin xe vận chuyển và thông tin tài xế để Bên Bán hỗ trợ liên hệ đăng ký kiểm dịch. Trong trường hợp có thay đổi về thời gian nhận bò, Bên Mua phải thông báo cho Bên Bán ít nhất 02 (hai) ngày trước ngày nhận hàng dự kiến. Thời gian giao hàng: trong giờ hành chính từ 7:30 đến 17:30. Nếu Bên Mua có nhu cầu nhận hàng ngoài giờ, cần thông báo trước ít nhất 02 (hai) ngày để Bên Bán sắp xếp nhân sự phù hợp.	**ARTICLE 2: TERM AND REQUIREMENT OF DELIVERY** 2.1 The delivery method between the Parties shall be carried out in accordance with the procedures and guidelines set forth in **Appendix 3 – CONTACT PROCEDURE** attached to this Contract. The contents, including cattle list submission, quantity confirmation, dispatch support, and document handover, shall be executed as specified in the appendix. The Buyer agrees to arrange transportation within 7 days after the Seller meets the minimum quantity specified in Appendix V. The amount required for each farm may vary based on actual occurs but could be less than the quantity stated in Appendix 6. The Parties will work closely together to ensure that the delivery process proceeds as planned and complies with the agreed terms. 2.2 The delivery schedule shall be notified by Buyer to the Seller via email of the person in charge of the transaction as Appendix 3. All documents and information documents of the cow will be handed over by the Seller to the Buyer within 05 (five) days from the completion of the delivery. 2.3 Transportation term: The Buyer shall notify the Seller via email the delivery schedule, vehicle details, and driver information to assist in coordinating the quarantine registration. In case of any change to the delivery time, the Buyer must inform the Seller at least 02 (two) days in advance. Delivery time: during the office hours, from 7:30 AM to 5:30 PM. If the Buyer requests delivery outside of regular hours, they must notify the Seller at least 02 (two) days in advance to allow for appropriate staffing arrangements.

2.4 Tất cả số lượng bò được giao cho Bên Mua sẽ đảm bảo đúng theo chủng loại, chất lượng và số lượng theo danh sách mà Bên Mua đã chốt và theo thỏa thuận giữa Các Bên. Sau khi thực hiện xong quá trình giao nhận bò và suốt giai đoạn vận chuyển đến kho Bên Mua, quyền sở hữu và trách nhiệm rủi ro, mất mát xảy ra cho bò sẽ do Bên Mua chịu.	**2.4 All cattle delivered to the Buyer shall strictly conform to the agreed breed, quality, and quantity as finalized in the list and in accordance with the agreement between the Parties. Upon completion of the delivery process and throughout transportation to the Buyer's warehouse, ownership and all associated risks or losses related to the cattle shall be borne by the Buyer.**
ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC VÀ THỜI GIAN THANH TOÁN **3.1 Giá trị thanh toán:** Theo số lượng thực tế ghi nhận tại Biên bản bàn giao bò. **3.2 Đơn vị giao hàng, xuất hóa đơn** - Là các đơn vị trang trại thuộc Bên Bán; - Thông tin chi tiết về đơn vị, địa chỉ, mã số thuế được quy định tại Điều 1, Phụ lục 2 "**THÔNG TIN TRANG TRẠI**". **3.3 Thời hạn thanh toán:** - Bên Mua chuyển khoản thanh toán 100% giá trị Hóa đơn theo yêu cầu của Bên Bán trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc (không bao gồm thứ 7 và chủ nhật) kể từ ngày đơn vị trang trại thuộc Bên Bán xuất hóa đơn; - Việc thanh toán sẽ được thực hiện bằng tiền Việt Nam Đồng, và bằng hình thức chuyển khoản tới ngân hàng của Bên Bán. - Thông tin chuyển khoản: CÔNG TY TNHH MTV BÒ SỮA VIỆT NAM STK: 001079183001 – Ngân hàng HSBC – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh **3.4 Hồ sơ thanh toán:** - Bên Bán có trách nhiệm giao đầy đủ chứng từ thanh toán như sau: - Hóa đơn tài chính hợp lệ; - Phiếu cân kiêm Biên bản bàn giao bò.	**ARTICLE 3: TERM AND TIME OF PAYMENT** **3.1 Total value:** According to the actual quantity recorded in the Minutes of handover; **3.2 Unit in charge of delivery, invoice.** - The farms belonging to the Seller; - Detailed information about the unit, address, tax code is specified in Article 1, Annex 2 " **THE FARMS INFORMATION**". **3.3 Payment term:** - The Buyer transfers the payment of 100% of the invoice value at the request of Seller within 30 (thirty) working days (excluding Saturdays and Sundays) from the date issues by the farms belonging to the Seller; - Payment shall be made in Vietnam Dong, and by bank transfer to the Seller's bank account; - Bank Transfer Details: VIETNAM DAIRY COW ONE MEMBER COMPANY LIMITED Account Number: 001079183001 - HSBC Bank Vietnam - Ho Chi Minh City Branch **3.4 Payment document:** - The Seller shall give the Buyer these below documents when delivering; - A valid financial invoice; - Weighing slip cum Minute of handover of the cows.

3.5 Thông tin xuất hóa đơn: - Tên công ty: CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT - Địa chỉ: Số 519 đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, TP. Hà Nội, Việt Nam - Giấy phép ĐKKD số: 0109752537	**3.5 Invoicing information:** - Company name: JAPAN VIETNAM LIVESTOCK CO., LTD - Adrress: No. 519 Minh Khai Street, Vinh Tuy Ward, Ha Noi City, Vietnam - Enterprise Registration No.: 0109752537
ĐIỀU 4 : QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN **4.1 Quyền hạn và nghĩa vụ của Bên Bán:** A. Quyền hạn của Bên Bán : - Nhận thanh toán đầy đủ và đúng hạn giá trị Hợp đồng ; - Yêu cầu Bên Mua thanh toán đúng thời hạn và tiến độ theo quy định của Hợp đồng ; - Đơn phương chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp : (i) vi phạm lịch nhận hàng được nêu tại mục 2.3 Điều 2 của Hợp đồng này ; (ii) phát hiện Bên Mua không trung thực trong việc giao nhận tài sản (iii) vi phạm được nêu ở mục 4.2 Điều 4 của Hợp đồng này ; - Được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không bồi thường bất kỳ khoản chi phí nào nếu Bên Bán phát hiện Bên Mua vi phạm hoặc không thực hiện đúng những cam kết trong Hợp đồng này ; - Từ chối nhận lại bò khi đã ra phiếu cân và ra khỏi cổng trang trại. - Các quyền lợi khác theo quy định Hợp đồng này. **B. Trách nhiệm của Bên Bán:** - Đảm bảo bò thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên Bán, không bị tranh chấp và việc chuyển nhượng cho Bên Mua không vi phạm pháp luật, không xâm phạm quyền và lợi ích của bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức là bên thứ ba nào khác. Bên Bán hoàn toàn chịu trách nhiệm liên quan đến việc khiếu kiện, khiếu nại phát sinh (nếu có) liên quan đến quyền sở hữu đối với bò; - Cung cấp bò theo đúng số lượng, chất lượng, thời hạn và địa điểm được quy định trong	**ARTICLE 4 : RIGHTS AND OBLIGATIONS OF THE PARTIES** **4.1 Rights and obligations of the Seller :** A. Rights of the Seller: - Receive fully and on time payment according to the agreed Contract; - Request Buyer to pay on time and schedule specified in the Contract; - Unilaterally terminate the Contract in the following cases: (i) breach of the delivery schedule specified in section 2.3, Article 2 of this Contract; (ii) detecting that Buyer is dishonest in the delivery and receipt of property (iii) breaches mentioned in section 4.2, Article 4 of this Contract; - Have the right to unilaterally terminate the Contract without compensation for any costs if Seller detects that Buyer breaches or fails to comply with the commitments in this Contract; - Do not accept the return of cows once the weighing slip has been issued and they have left the farm gate. - Other rights according to the Contract and relevant laws. **B. Obligations of the Seller** - Ensure the cow is legally owned by Seller, is not disputed and the transfer to Buyer does not violate the law or infringe upon the rights and interests of any individual or organization as other third party. Seller is fully responsible for any lawsuits and complaints arising (if any) related to the ownership of cows; - To provide the cows according to the correct quantity, quality, time and location specified in the Contract, and email confirmations of the personnel in charge.

. Hợp Đồng và những xác nhận qua email của nhân sự phụ trách, cam kết tuân thủ theo các nội dung tại Phụ lục của Hợp đồng này;	committing to comply with Annexes of this Contract;
- Trong trường hợp xảy ra nhầm lẫn trong quá trình giao nhận bò, trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký Biên bản bàn giao bò, Bên Bán gửi thông báo cho Bên Mua về việc nhầm lẫn, hai Bên sẽ thảo luận và xác nhận thông tin và giá trị của con bò giao nhận nhầm bằng văn bản;	- In the event of a mistake during the delivery and receipt of cows, within 10 days from the date of signing the cows handover minutes, the Seller will notify the Buyer of the confusion , both Parties shall discuss and confirm the information and value of the mistakenly delivered cattle in writing;
- Cung cấp cho Bên Mua đầy đủ các hồ sơ, thông tin liên quan đến số bò cung cấp và các hồ sơ về nguồn gốc chất lượng trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ thời điểm Bên Mua yêu cầu;	- To provide the Buyer with all documents and information related to the number of the purchase cows and provide all the records on quality origin of the cow within 03 (three) days from the time the Buyer requests;
- Hỗ trợ Bên Mua trong quá trình lựa chọn, vận chuyển bò và làm thủ tục kiểm dịch tại trang trại của Bên Bán;	- To support the Buyer in the process of selecting, transporting cows and quarantine procedures at the Seller's farm;
- Các trách nhiệm (nghĩa vụ) khác theo quy định của Hợp đồng và pháp luật có liên quan.	- Other responsibilities (obligations) according to the provisions of the Contract and relevant laws.
4.2 Quyền hạn và nghĩa vụ của Bên Mua:	4.2 Rights and obligations of the Buyer :
A. Quyền hạn của Bên Mua :	**A. Rights of the Buyer:**
- Nhận bò theo đúng qui định trong Hợp đồng, số lượng và thời gian theo quy định tại thông báo;	- Receive the cows according to the provisions of the Contract, the quantity and the time specified in the notice;
- Bố trí nhân sự chịu trách nhiệm trong quá trình vận chuyển bò, đảm bảo thực hiện theo đúng thời gian, địa điểm đã thỏa thuận.	- To arrange personnel responsible for the cow transportation process, ensuring implementation according to the agreed time and location.
- Thông báo cho Bên Bán nếu có sự thay đổi liên quan đến thông tin xuất hóa đơn VAT.	- Promtly send the notification to the Seller if there are changes related to VAT invoice information.
- Yêu cầu Bên Bán thực hiện đúng các quy định của Hợp Đồng về số lượng, tiêu chuẩn, chất lượng và các điều khoản khác;	- Require the Seller to strictly comply with the provisions of the Contract regarding quantity, standards, quality and other terms;
- Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng và pháp luật có liên quan.	- Fulfill other rights according to the provisions of the Contract and relevant laws.
B. Trách nhiệm của Bên Mua :	**B. Obligations of the Buyer:**
- Bên Mua cung cấp những thông tin một cách trung thực những cam kết được nêu trong Điều 3 của Hợp đồng này;	- Provides truthful information about the commitments stated in Article 3 of this Contract;

-. Bên Mua phải tuân thủ những cam kết đã được nêu tại Điều 3 của Hợp đồng này; - Thanh toán giá trị Hợp đồng cho Bên Bán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Hợp đồng này ; - Nhận toàn bộ số lượng bò như đã thống nhất với Bên Bán qua email, không được đổi trả, lựa chọn, từ chối nhận bò vì bất cứ lý do gì. Trong trường hợp xảy ra nhầm lẫn trong quá trình giao nhận bò, trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký Biên bản bàn giao bò, Bên Mua gửi thông báo cho Bên Bán về việc nhầm lẫn, hai Bên sẽ thảo luận và xác nhận thông tin và giá trị của con bò giao nhận nhầm bằng văn bản; - Trường hợp Bên Mua không thể bắt đúng ngày hoặc hủy đơn hàng, Bên Mua phải thông báo trước cho Bên Bán muộn nhất mười hai (12) ngày sau ngày đặt hàng. Rủi ro trong thời gian gửi lại chăm sóc tại trang trại cũng như các chi phí chênh lệch phát sinh (nếu có) sẽ do Bên Mua chịu. Bên Bán sẽ gửi bảng kê kèm biên bản ghi nhận chi phí cho Bên Mua làm căn cứ thanh toán. - Tuân thủ quy định về chống xung đột lợi ích và đạo đức kinh doanh của Bên Bán đính kèm tại Phụ lục 1 "**CHỐNG XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ QUY TẮC ĐẠO ĐỨC KINH DOANH**" của Hợp đồng này ; - Các trách nhiệm (nghĩa vụ) khác theo quy định của Hợp đồng và pháp luật có liên quan ; - Chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm liên quan đến bò được mua ngay khi ký Biên bản bàn giao bò.	- Comply with the commitments stated in Article 3 of this Contract; - Pay the Contract value to Seller in full and on time as prescribed in this Contract; - Receive the entire quantity of cows as agreed with Seller via email, without the option to return, choose, refuse to receive cows for any reason. In the event of any confusion during the cowsdelivery process, within 10 days from the date of signing the cows handover minutes, the Buyer will notify the Seller of the confusion, and both Parties will discuss and confirm the information and value of the mistakenly delivered cow in writing; - In case the Buyer fails to collect the cows on time or cancels the order, they must inform the Seller as latest as twelve (12) days after the order date. Any risks during the waiting period at the farms, and any cost differences arising (if any) shall be borne by the Buyer. The Seller shall issue a cost breakdown and cost records for payment settlement by the Buyer. - Comply with Seller's regulations on anti-conflict of interest and business ethics attached Annex 1 "**CONFLICT OF INTEREST PREVENTION AND CODE OF BUSINESS ETHICS**" to this Contract; - Fulfill other responsibilities (obligations) according to the provisions of the Contract and relevant laws; - Take full responsibility for the cow purchased immediately upon signing the Minute of handover.
ĐIỀU 5 : XỬ LÝ VI PHẠM HỢP ĐỒNG **5.1 Vi phạm Hợp đồng :** **Một Bên sẽ được xem là vi phạm Hợp đồng trong các trường hợp sau :** - Có hành vi gian dối trong việc phối hợp cân hàng hóa hoặc không hợp tác trong việc giao nhận hàng hóa, có hành động cản trở Bên còn lại thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của mình ; - Trường hợp việc giao hàng diễn ra không đảm bảo đúng số lượng, chất lượng, chủng loại	**ARTICLE 5: COMPENSATION VIOLATES THE CONTRACT** **5.1 Violates of Contract:** **A Party is considered in violation of Contract in the following cases:** - Fraudulent acts in coordinating the weighing of goods or failing to cooperate in the delivery and receipt of goods, taking actions to prevent the other Party from performing its obligations and responsibilities. - Any fault in delivering of quantity, quality not in accordance with the agreed, resulting

bò theo thỏa thuận dẫn tới thiệt hại thực tế cho Bên Mua thì Bên Bán có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại tương đương giá trị thực tế được xác nhận bởi Các Bên ;	actual damage to the Buyer, the Seller is obliged to compensate for damage equivalent to the value confirmed by the Parties.
- Bên Mua không chấp hành nội quy của Bên Bán khi đến nhận hàng và Bên Mua phải đền bù cho Bên Bán tất cả những tổn thất phát sinh do Bên Mua gây ra vì không chấp hành nội quy theo quy định ;	- Any fault in complying with internal regulation at the Seller's farm, the Buyer must compensate the Seller for all losses caused by the Buyer for its failure to comply with the regulations as prescribed;
- Bên Mua không đến nhận bò đúng lịch theo thông báo của Bên Bán tại Điều 2 hoặc Bên Bán không giao bò theo đúng lịch theo thông báo của Bên Bán. Việc vi phạm của một Bên trong trường hợp này sẽ được Bên còn lại lập thành văn bản và Bên vi phạm phải bồi thường lại cho Bên kia những thiệt hại/tổn thất phát sinh theo Báo cáo thiệt hại/tổn thất ;	- The Buyer might not come to receive the cows on time as notified to the Seller in accordance with Article 2 or the Seller does not deliver the cow on schedule as notified by the Seller. The breach of a Party, in this case, shall be made in writing by the other the Seller and the violating Party must indemnify the other Party for damages/losses arising under the Damage/Loss Report;
- Tất cả các trường hợp ngoại lệ khác chỉ được bỏ qua khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên bị vi phạm.	- All other exceptions shall be waived only with the written consent of the aggrieved Party.
5.2 Hợp đồng sẽ chấm dứt hiệu lực theo quy định tại các trường hợp sau đây :	**5.2 The Contract will terminate in accordance with the following cases:**
- Hợp đồng đã được hoàn thành và Các Bên hoàn tất nghĩa vụ của mình ;	- The Contract complete and the Parties fullfil their obligations;
- Khi một bên không tuân thủ nghĩa vụ của mình, bên còn lại có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Bên bị ảnh hưởng phải gửi văn bản thông báo về hành vi vi phạm và yêu cầu khắc phục trong thời hạn **07 (bảy) ngày** kể từ ngày xác nhận vi phạm. Bên vi phạm phải phản hồi thông báo trong thời hạn **24 (hai mươi tư) giờ** kể từ khi nhận được thông báo. Nếu bên vi phạm không khắc phục vi phạm trong thời hạn **10 (mười) ngày** kể từ ngày nhận được thông báo, bên bị ảnh hưởng có quyền chấm dứt hợp đồng. Quyền chấm dứt hợp đồng không phụ thuộc vào việc có hay không việc xảy ra thiệt hại liên quan đến vi phạm.	- When one party fails to comply with its obligations, the other party has the right to unilaterally terminate the contract. The affected party must send a written notice of the breach and request remediation within **07 (seven) days** from the date the breach is confirmed. The breaching party must respond to the notice within **24 (twenty-four)** hours from the time of receiving the notice. If the breaching party fails or does not remedy the breach within **10 (ten) days** from the date of receiving the notice, the affected party has the right to terminate the contract. The right to terminate the contract is not dependent on whether damages arise from the breach.
- Được thỏa thuận bởi Các Bên bằng văn bản thống nhất về thời điểm và điều kiện chấm dứt Hợp đồng.	- According to the agreement of the Parties on the time and conditions for termination of the Contract.
5.3 Trong bất kì trường hợp nào, ngày chấm dứt Hợp đồng thì tất cả các khoản thanh toán quy định tại Hợp đồng này sẽ lập tức đến hạn, và phải được thanh toán trong thời gian tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày chấm dứt hiệu lực Hợp đồng.	**5.3** In any event, on the date of termination of the Contract, all payments specified in this Contract shall be immediately due, and must be paid within a maximum period of 30 (thirty) days from the effective date of termination the Contract.

ĐIỀU 6 : BẢO MẬT THÔNG TIN	ARTICLE 6 : CONFIDENTIALITY
6.1 Trong thời hạn của Hợp đồng, mỗi Bên phải giữ bí mật tuyệt đối và sẽ không tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba nào Hợp đồng này, mối quan hệ được tạo ra bởi Hợp đồng này và bất kỳ thông tin nào mà Bên kia nhận được và/hoặc liên quan đến các bên khác (***"Thông Tin Bảo Mật"***) trừ khi được Bên đó đồng ý hoặc theo yêu cầu của pháp luật và quy định hiện hành ;	**6.1** During the term of the Contract, either Party shall keep strictly confidential and shall not disclose to any third party this Contract, the relationship created by this Contract, and any information received by the other Party and/or relating to other parties (the ***"Confidential Information"***), unless otherwise agreed by the Party or required by applicable laws and regulations ;
6.2 Mỗi Bên không được sử dụng Thông Tin Bảo Mật được cung cấp bởi và/hoặc liên quan đến Bên kia cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này ;	**6.2** Each Party shall not use the Confidential Information provided by and/or relating to the other Party for any purpose other than the purpose of performing its obligations in accordance with this Contract ;
6.3 Hình thức và nội dung của bất kỳ thông báo công khai nào liên quan đến Hợp Đồng này hoặc bất kỳ khía cạnh nào của Hợp Đồng phải được Các Bên đồng ý bằng văn bản trước khi thông báo đó được thực hiện.	**6.3** The form and contents of any public announcement regarding this Contract or any aspects thereof shall be agreed in writing by Parties prior to such announcement being made.
ĐIỀU 7 : SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG	**ARTICLE 7 : FORCE MAJEURE EVENT**
7.1 Sự Kiện Bất Khả Kháng bao gồm chiến tranh, đình công, bạo loạn, phá hoại, hỏa hoạn, động đất và bất kỳ sự kiện nào không lường trước được và không thể kiểm soát được, dẫn đến việc Các Bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình mặc dù đã có những nỗ lực hợp lý. Bất Khả Kháng cũng bao gồm các quy định của Chính phủ hạn chế hoặc cấm các lĩnh vực liên quan khiến một trong Các Bên không có khả năng thực hiện Hợp đồng này;	**7.1** Force Majeure Event includes wars, strikes, riots, vandals, fires, earthquakes and any events that are unforeseeable and uncontrollable, leading Parties can not perform their obligations, despite reasonable efforts. Force Majeure also includes provisions of the Government restricting or prohibiting related areas, which make one of Parties incapable of implementing this Contract ;
7.2 Không Bên nào chịu trách nhiệm về bất kỳ sự chậm trễ hoặc không thực hiện nghĩa vụ nào trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra bởi các Sự Kiện Bất Khả Kháng.	**7.2** Neither Party is liable for any delay or failure to perform its obligations which is directly or indirectly caused by Force Majeure Event.
ĐIỀU 8 : GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	**ARTICLE 8 : DISPUTE SETTLEMENT**
8.1 Hợp đồng này được điều chỉnh và hiểu theo quy định của pháp luật Việt Nam;	**8.1** This Contract is governed by and construed in accordance with the laws of Vietnam;
8.2 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Các Bên thường xuyên thông báo cho nhau các vấn đề liên quan đến Hợp đồng. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp, Các Bên sẽ tham gia đàm phán để giải quyết. Trong trường hợp không thể thương lượng, tranh chấp sẽ được đưa ra tòa án có thẩm quyền tại tỉnh/thành phố nơi Bên Mua đặt trụ sở để xét xử.	**8.2** During the performance of the Contract, the Parties regularly notify each other of issues related to the Contract. In the event of a dispute, the Parties shall join negotiations to resolve it. In the event that negotiation cannot be set, the dispute shall be brought to the competent court in the province/city which place the head office of the Buyer for

	trial.
ĐIỀU 9 : QUYỀN KHOẢN CHUNG **9.1** Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên thường xuyên thông báo cho nhau biết những vấn đề liên quan đến Hợp đồng. Trong trường hợp có xảy ra tranh chấp, Các Bên sẽ cùng nhau thương lượng giải quyết. Nếu không tự thương lượng được, tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án cấp có thẩm quyền tại tỉnh/thành phố xét xử ; **9.2** Mọi sửa đổi, bổ sung liên quan đến nội dung của Hợp đồng đều phải được lập thành Phụ lục với đầy đủ chữ ký của đại diện hợp pháp của Các Bên. Các Phụ lục (nếu có) là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng ; **9.3** Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026 và kéo dài đến hết ngày 31/12/2026 hoặc cho đến khi Các Bên hoàn thành toàn bộ các trách nhiệm và nghĩa vụ liên quan. Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản gốc song ngữ Anh – Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản. Trường hợp có mâu thuẫn giữa tiếng Anh và tiếng Việt thì tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng. **ĐỂ LÀM BẰNG CHỨNG, Các Bên đã cùng ký kết vào ngày ghi ở trang đầu tiên của Hợp đồng này.**	**ARTICLE 9 : GENERAL TERMS** **9.1** During the performance of the Contract, the Parties regularly notify each other of issues related to the Contract. In the event of a dispute, the Parties will join negotiations to resolve it. If the negotiation can not be set, the dispute will be brought to the competent court in the province/city for trial ; **9.2** All amendments and supplements related to the contents of the Contract must be made in an Appendix with full signatures of the legal representatives of the Parties. The appendices (if any) are an integral part of the Contract ; **9.3** This Contract takes effect from Jan 01st, 2026 and until the end of December 31st, 2026 or last until the Parties fulfill their related responsibilities and obligations. The Contract is made in 02 (two) bilinguage English and Vietnamese originals with the same legal validity, each Party keeps 01 (one) original. In case of conflict between English and Vietnamese, Vietnamese shall prevail. **TO WITNESS, the Parties have signed together on the date stated on the first page of this Contract.**
Đại diện Bên Bán **Seller's Representative** CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BÒ SỮA VIỆT NAM **ĐOÀN QUỐC KHÁNH** **Giám Đốc/ Director**	**Đại diện Bên Mua** **Buyer's Representative** CÔNG TY TNHH CHĂN NUÔI VIỆT NHẬT **YOICHI HARUMOTO** **Tổng Giám Đốc/ General Director**

PHỤ LỤC 1 CHỐNG XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ QUY TẮC ĐẠO ĐỨC KINH DOANH	ANNEX 1 : CONFLICT OF INTEREST PREVENTION AND CODE OF BUSINESS ETHICS
Căn cứ Hợp đồng Nguyên tắc số _____/HĐNT/BSVN-JVL/2026, Các Bên xác nhận Chống Xung đột Lợi ích và Quy tắc Đạo đức trong Kinh doanh như sau :	Pursuant to Principle Contract No. _____/HĐNT/BSVN-JVL/2026, The Parties confirm the Conflict of Interest Prevention and Code of Business Ethics as follows :
Phụ lục này được Các Bên xác lập nhằm đưa ra và cam kết tuân thủ các nguyên tắc về chống xung đột lợi ích và thực hiện các quy tắc đạo đức kinh doanh trong mối quan hệ giao dịch giữa Các Bên và cam kết cùng hành xử một cách minh bạch, chính trực, tuân thủ pháp luật và có trách nhiệm. Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng Nguyên tắc số _____/HĐNT/BSVN-JVL/2026 ký ngày ____/____/2026	This Annex is established by the Parties in order to set out and commit to comply with the principles of conflict of interest prevention and implement the code of business ethics in the transaction relationship between the Parties and commit to behaving in a transparent, honest, law-abiding and responsible manner. This Annex is an integral part of Principle Contract No _____/HĐNT/BSVN-JVL/2026 signed on _____, 2026

Điều 1: Quy định về chống xung đột lợi ích	**Article 1: Regulations on Prevention of conflicts of Interest**
Bên Bán cam kết:	**The Seller commits to:**
1.1 Không đặt vấn đề hoặc có bất kỳ hành vi cho, tặng tiền, tương đương tiền, quà hoặc cung cấp bất kỳ lợi ích nào khác, bao gồm nhưng không giới hạn: các bữa ăn, du lịch, giải trí … cho nhân viên của Bên Mua, mà bằng một cách trực tiếp hoặc gián tiếp để ảnh hưởng đến các quyết định, việc thực hiện giao dịch hoặc tạo các lợi thế không chính đáng:	**1.1** Do not raise issues or have any acts of giving money, cash equivalents, gifts or providing any other benefits, including but not limited to: meals, travel, entertainment ... to employees of the Buyer, by directly or indirectly to influence decisions, perform transactions or create improper advantages:
- Các bữa ăn, dịch vụ giải trí … nếu được tổ chức cho mục đích xã giao thì chỉ được thực hiện với tần suất và chi phí hợp lý;	- Any meals, entertainment services, etc., organized for social purposes, shall only be carried out with reasonable frequency and cost;
- Trong trường hợp, Bên Bán mời nhân viên của Bên Mua tham gia sự kiện, hội nghị, tham quan, triển lãm, … thì phải thông báo chính thức đến Bên Mua bằng văn bản.	- In case, the Seller invites employees of the Buyer to participate in events, conferences, tours, exhibitions, ... it must officially notify the Buyer in writing.
1.2 Cam kết cung cấp thông tin cho Bên Mua một cách đầy đủ, trung thực về các biểu hiện xung đột lợi ích theo yêu cầu từ Bên Mua hoặc khi Bên Bán nhận thấy dấu hiệu phát sinh:	**1.2** Commit to providing information to the Buyer completely and truthfully on the manifestations of conflicts of interest as requested by the Buyer or when the Seller
- Bên Bán có sự vốn góp hoặc được quản lý, điều hành bởi nhân viên của Bên Mua và/hoặc	

thành viên gia đình trực hệ của họ; - Bên Bán nhận được các yêu cầu, đòi hỏi về lợi ích không chính đáng từ phía nhân viên của Bên Mua. Trong các trường hợp này, Bên Bán thông báo ngay cho Bộ phận Kiểm soát Nội bộ của Bên Mua theo địa chỉ email: internalcontrol@vinabeef.com. **Bên Mua cam kết:** 1.3 Bên Mua và các nhân viên của mình cam kết tôn trọng nguyên tắc đối xử bình đẳng, minh bạch, không thiên vị mang tính cá nhân với Bên Bán và các đơn vị tương tự ở cùng điều kiện cạnh tranh. Giao dịch với Bên Bán dựa trên nguyên tắc công bằng, minh bạch và hài hòa lợi ích. Nhân viên của Bên Mua cam kết không thực hiện đòi hỏi Bên Bán bất kỳ giá trị lợi ích nào cho bản thân hoặc người thân của mình.	notices signs of arising, such as: - The Seller having a capital contribution or being managed and operated by employees of the Buyer and/or their immediate family members; - The Seller receiving requests and demands for improper benefits from the Buyer's employees. In the above-mentioned cases, the Seller should promptly contact the Internal Control Department of the Buyer at the email: internalcontrol@vinabeef.com . **The Buyer commits to:** 1.3 The Buyer and its employees are committed to respecting the principles of equal treatment, transparency, and no personal bias with the Seller and the other suppliers under the same conditions of competition. Transactions with the Seller are based on the principles of fairness, transparency and harmonization of interests. All the employees of the Buyer shall undertake not to make any demands on the Seller for any benefit value for themselves or their relatives.
Điều 2: Quy tắc đạo đức kinh doanh **Các Bên cam kết rằng:** 2.1 Tuân thủ tất cả các quy định pháp luật trong mọi hoạt động. 2.2 Cạnh tranh lành mạnh, không hối lộ, tham nhũng để hưởng những lợi thế, lợi ích không chính đáng. 2.3 Cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo đúng tiêu chuẩn chất lượng, điều kiện an toàn theo pháp luật và công bố chất lượng sản phẩm. 2.4 Người lao động được ký kết Hợp Đồng lao động và được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật. 2.5 Không phân biệt đối xử với các nhân viên, tôn trọng nhân quyền, cam kết không thực hiện các hành vi lao động cưỡng bức, không sử dụng lao động trẻ em. 2.6 Duy trì môi trường làm việc an toàn và đảm bảo sức khỏe cho nhân viên. Hoạt động trong	**Article 2: Code of Business Ethics** **The Parties commit to:** 2.1 Comply with all legal regulations in all activities. 2.2 Engage in healthy competition, refrain from bribery, corruption to enjoy improper advantages and benefits. 2.3 Provide the Goods and services in accordance with quality standards, safety conditions as prescribed by law and announce product quality. 2.4 The employee is entitled to sign the labor Contract and enjoy the benefits as prescribed by law. 2.5 Do not discriminate against employees, respect human rights, commit not to perform acts of forced labor, do not use child labor. 2.6 Maintain a safe working environment and ensure the health of employees. Operate with

sự cam kết đảm bảo về môi trường, phát triển bền vững và có trách nhiệm với Các Bên liên quan.	a commitment to ensuring the environment, sustainable development and responsibilities with stakeholders.
Điều 3: Quy định chung 3.1 Các Bên, cùng với các nhân viên của mình, cam kết thực hiện theo các cam kết về chống xung đột lợi ích và hành xử theo các quy tắc đạo đức kinh doanh. 3.2 Trong trường hợp một Bên vi phạm cam kết nêu tại Phụ lục này, Bên còn lại có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng và/hoặc là cơ sở để Bên còn lại xem xét duy trì mối quan hệ thương mại trong tương lai	**Article 3: General Provisions** 3.1 The Parties,along with their employees, undertake to comply with the commitments on the prevention of conflicts of interest and conduct themselves in accordance with the code of business ethics. 3.2 In the event that one Party violates the commitment stated in this Annex. the other Party has the right to unilaterally terminate the Contract and/or serve as a basis to consider maintaining the commercial relationship in the future.

PHỤ LỤC 2 THÔNG TIN CHI NHÁNH TRANG TRẠI VÀ TRỤ SỞ CHÍNH Căn cứ Hợp đồng Nguyên tắc số _____/HĐNT/BSVN-JVL/2026, Bên Bán cung cấp thông tin các đơn vị trang trại thuộc Bên Bán như sau :	ANNEX 2 THE UNIT OF FARMS INFORMATION AND HEAD OFFICE Pursuant to Principle Contract No. _____/HĐNT/BSVN-JVL/2026, The Seller shall provides information about the farm units belonging to the Seller as follows::
Điều 1: Đơn vị giao hàng, xuất hóa đơn.	**Article 1: Unit in charge of delivery, invoice.**
1.1 Trang trại Tuyên Quang :	**1.1 Tuyen Quang farm:**
- Đơn vị: CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN BÒ SỮA VIỆT NAM: TRANG TRẠI BÒ SỮA TUYÊN QUANG.	- Unit : BRANCH OF VIETNAM DAIRY COW ONE MEMBER COMPANY LIMITED: TUYEN QUANG DAIRY COW FARM
- Địa chỉ: Thôn 26, phường Mỹ Lâm, tỉnh Tuyên Quang.	- Addess : No.26 Hamlet, My Lam Ward, Tuyen Quang Province
- Mã số thuế: 5000268824-001.	- Tax code : 5000268824-001
1.2 Trang trại Quảng Ngãi :	**1.2 Quang Ngai farm:**
- Đơn vị: CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN BÒ SỮA VIỆT NAM: TRANG TRẠI BÒ SỮA QUẢNG NGÃI.	- Unit : BRANCH OF VIETNAM DAIRY COW ONE MEMBER COMPANY LIMITED: QUANG NGAI DAIRY COW FARM
- Địa chỉ: Thôn Phước Hòa, Xã Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.	- Addess: Phuoc Hoa Hamlet, Mo Duc Commune, Quang Ngai Province.
- Mã số thuế: 5000268824-012.	- Tax code: 5000268824-012
1.3 Trang trại Bình Định :	**1.3 Binh Dinh farm:**
- Đơn vị: CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN BÒ SỮA VIỆT NAM: TRANG TRẠI BÒ SỮA BÌNH ĐỊNH.	- Unit : BRANCH OF VIETNAM DAIRY COW ONE MEMBER COMPANY LIMITED: BINH DINH DAIRY COW FARM
- Địa chỉ: Thôn Nam Tượng 3, Xã An Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai	- Addess: Nam Tuong 3 Hamlet, An Nhon Tay Commune, Gia Lai Province
- Mã số thuế: 5000268824-002.	- Tax code: 5000268824-002
1.4 Trang trại Nghệ An:	**1.4 Nghe An farm:**
- Đơn vị: CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN BÒ	- Unit : BRANCH OF VIETNAM DAIRY COW ONE MEMBER COMPANY

. SỮA VIỆT NAM: TRANG TRẠI BÒ SỮA NGHỆ AN.	LIMITED: NGHE AN DAIRY COW FARM
- Địa chỉ: Xóm Đông Thành, Xã Đông Hiếu, tỉnh Nghệ An	- Addess: Dong Thanh Hamlet, Dong Hieu Commune, Nghe An Province
- Mã số thuế: 5000268824-003.	- Tax code: 5000268824-003
1.5 Trang trại Hà Tĩnh:	**1.5 Ha Tinh farm:**
- Đơn vị: CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN BÒ SỮA VIỆT NAM: TRANG TRẠI BÒ SỮA HÀ TĨNH	- Unit : BRANCH OF VIETNAM DAIRY COW ONE MEMBER COMPANY LIMITED: HA TINH DAIRY COW FARM
- Địa chỉ: Thôn Tây Nam, Xã Sơn Tiến, tỉnh Hà Tĩnh.	- Addess: Tay Nam Hamlet, Son Tien Commune, Ha Tinh Province
- Mã số thuế: 5000268824-007	- Tax code: 5000268824-007.
1.6 Trang trại Thanh Hóa:	**1.6 Thanh Hoa farm:**
- Đơn vị: CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN BÒ SỮA VIỆT NAM: TRANG TRẠI BÒ SỮA THANH HÓA	- Unit : BRANCH OF VIETNAM DAIRY COW ONE MEMBER COMPANY LIMITED: THANH HOA DAIRY COW FARM
- Địa chỉ: Thôn Bản Lai, Xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa.	- Addess: Ban Lai Hamlet, Sao Vang Commune, Thanh Hoa Province
- Mã số thuế: 5000268824-004.	- Tax code: 5000268824-004.
1.7 Trang trại Như Thanh – Thanh Hóa:	**1.7 Nhu Thanh – Thanh Hoa farm:**
- Đơn vị: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BÒ SỮA VIỆT NAM: TRANG TRẠI BÒ SỮA NHƯ THANH – THANH HÓA	- Unit : BRANCH OF VIETNAM DAIRY COW ONE MEMBER COMPANY LIMITED: NHU THANH – THANH HOA DAIRY COW FARM
- Địa chỉ: Thôn Phú Quang, Xã Mậu Lâm, tỉnh Thanh Hóa.	- Addess: Phu Quang Hamlet, Mau Lam Commune, Thanh Hoa Province
- Mã số thuế: 5000268824-009.	- Tax code: 5000268824-009.
1.8 Trang trại Đà Lạt:	**1.8 Da Lat farm:**
- Đơn vị: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BÒ SỮA VIỆT NAM: TRANG TRẠI BÒ SỮA ĐÀ LẠT.	- Unit : BRANCH OF VIETNAM DAIRY COW ONE MEMBER COMPANY LIMITED: DA LAT DAIRY COW FARM
- Địa chỉ : Thôn Lạc Trường, Xã Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.	- Addess : Lac Truong Hamlet, Don Duong Commune, Lam Dong Province
- Mã số thuế: 5000268824-005.	- Tax code : 5000268824-005.
1.9 Trang trại Tây Ninh :	**1.9 Tay Ninh farm :**

- **Đơn vị : CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN BÒ SỮA VIỆT NAM: TRANG TRẠI BÒ SỮA TÂY NINH.** - Địa chỉ : Tổ 60, Ấp Long Thịnh, Xã Long Thuận, tỉnh Tây Ninh. - **Mã số thuế: 5000268824-008** **1.10 Trụ sở chính:** - Tên : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN BÒ SỮA VIỆT NAM - Địa chỉ : Số 10 Tân Trảo, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh. - Mã số thuế: 5000268824.	- **Unit : BRANCH OF VIETNAM DAIRY COW ONE MEMBER COMPANY LIMITED: TAY NINH DAIRY COW FARM** - Addess: Group 60, Long Thinh Hamlet, Long Thuận Commune, Tay Ninh Province - **Tax code : 5000268824-008** **1.11 Head Office:** - Name : VIETNAM DIARY ONE COW MEMBER LIMITED. - Address : 10 Tan Trao, Tan My Ward, Ho Chi Minh city. - Tax code: 5000268824.

PHỤ LỤC 3 HƯỚNG DẪN TƯƠNG TÁC GIAO DỊCH	ANNEX III THE CONTACT PROCEDURE
1. Hằng ngày vào lúc 14h00 (không bao gồm thứ Bảy, Chủ Nhật, ngày lễ), Bên Bán gửi cho Bên Mua "Danh Sách Bò Cái" từ các trang trại (bao gồm: số lượng, số tai, chu kỳ, tháng tuổi, tình trạng, thông tin thải trừ,…) qua các email dưới đây: Hoàng Hồng Nhung: nhung.hh@vinabeef.com Vũ Hương Giang: giang.vh@vinabeef.com Bạch Tuyết Trinh: trinh.bt@vinabeef.com Bên Mua (đại diện: Hoàng Hồng Nhung – nhung.hh@vinabeef.com) xác nhận đơn hàng chậm nhất vào lúc 18:00 cùng ngày nhận được Danh sách Bò Cái do Bên Bán cung cấp. Việc xác nhận đơn hàng phải được thực hiện qua email và bao gồm: (i) danh sách số tai bò được lựa chọn mua, và (ii) ngày dự kiến nhận hàng cụ thể. Ngày dự kiến nhận hàng không được vượt quá hai (02) tuần kể từ ngày xác nhận mua. Trường hợp Bên Mua đề xuất ngày nhận hàng sau thời hạn nêu trên, Bên Bán có quyền từ chối đơn hàng và được toàn quyền bán số bò này cho bên khác mà không cần thêm bất kỳ sự chấp thuận nào từ Bên Mua.	1. Every day at 14h00 (Saturdays, Sundays, public holidays excluded), the Seller shall send to the Buyer the List of Cows (including: quantity, ID, lactation, age in month, health status, withdrawal information,…) via the email addresses below: Hoàng Hồng Nhung: nhung.hh@vinabeef.com Vũ Hương Giang: giang.vh@vinabeef.com Bạch Tuyết Trinh: trinh.bt@vinabeef.com The Buyer (rep.: Hoàng Hồng Nhung – nhung.hh@vinabeef.com) shall confirm the order no later than 18:00 on the same day of receiving the List of Cows from the Seller. The order confirmation must be made via email and shall include: (i) the list of ID numbers, and (ii) the expected delivery date. The expected delivery date must not exceed two (02) weeks from the date of order confirmation. If the Buyer proposes a delivery date beyond this period, the Seller reserves the right to reject the order and shall be entitled to sell the cows to another party without requiring any further consent from the Buyer.
2. Trang trại thuộc Bên Bán có trách nhiệm chăm sóc toàn bộ cá thể bò theo danh sách mà Bên Mua đã chốt (không tiêm vaccine trong thời gian này). Nếu có bất kỳ chuyển biến gì về sức khỏe bò, Bên Bán phải lập tức thông báo cho Bên Mua để thảo luận phương án bắt bò thay thế hoặc giảm số lượng bắt. Bên Mua phản hồi lại trang trại trong vòng một (01) ngày làm việc. Trường hợp không nhận được phản hồi trang trại sẽ chủ động xử lý tránh rủi ro cho trại, đồng thời thông báo kết quả xử lý cho Bên Mua. Trường hợp Bên Mua không thể bắt đúng ngày hoặc hủy đơn hàng, Bên Mua phải chi trả chi phí cho Bên Bán theo mục 4.2B tại Điều 4 của Hợp đồng.	2. The Seller's farms shall be responsible for the care of all cows in the confirmed order (no vaccinations shall be done during this period). If there is any change in the cattle's health condition, the Seller must immediately inform the Buyer to discuss the option of substitution or reduction in the confirmed quantity. The Buyer must respond to the farm within one (01) working day. If no response is received within this timeframe, the farms shall take appropriate action to mitigate risk and inform the Buyer of the outcome. In case the Buyer fails to collect the cows on time or cancels the order, If the Buyer cannot pick up on the scheduled date or cancels the order, they must compensate the Seller for the costs outlined in Section 4.2B of Article 4 of the Contract.

- Hai (02) ngày trước khi Bên Mua tiến hành bắt bò tại Trang trại Bên Bán, Bên Bán hỗ trợ Bên Mua tiến hành kiểm tra lại tình trạng sức khỏe bò bê. Trường hợp Bên Mua đánh giá bò bê không đáp ứng đủ điều kiện vận chuyển, hai Bên tiến hành lập biên bản và trang trại Bên Bán tiến hành thanh lý các cá thể bò bê này. Phần chi phí chênh lệch giữa giá thanh lý và giá bán ban đầu sẽ do Bên Mua chịu, căn cứ theo Biên bản và bảng kê chi phí kèm theo.	- Two (02) days prior to the scheduled collection date, the Seller shall facilitate a health check of the selected cows in coordination with the Buyer. If the Buyer deems any individual animal unfit for transport, both Parties shall sign a written record and the farm shall proceed with the liquidation of such animals. The Buyer shall bear any cost difference between the original selling price and the liquidation value, based on the written record and attached cost breakdown.
3. Trang trại Bên Bán sẽ hỗ trợ liên hệ kiểm dịch và Bên Mua chịu phí kiểm dịch khi xuất hàng.	3. The Seller's farms shall support contacting the veterinary inspector and the Buyer shall bear the veterinary inspection cost at the time of shipment.
4. <u>Ghi Chú</u>:	4. <u>Note:</u>
Đối với Trang trại thử nghiệm: Tây Ninh, Quảng Ngãi. Danh sách bên Bán gởi đảm bảo đã được xác nhận bởi nhân viên độc lập chọn lựa trại Trại.	For the trial farms in Tay Ninh and Quang Ngai. The list provided by the Seller has been verified by independent staff who selected the farms.

PHỤ LỤC 4 TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT BÒ CÁI XUẤT BÁN	ANNEX IV TECHNICAL REQUIREMENTS FOR FEMALE CATTLE
I. YÊU CẦU CHUNG	I. GENERAL REQUIREMENTS
Bò cái chỉ được coi là đủ điều kiện để giao dịch khi tất cả tiêu chí bên dưới được thỏa mãn: - **Ngoại hình:** ✓ Trọng lượng lớn hơn 500 kg. ✓ Tháng tuổi: nhỏ hơn hoặc bằng 110 tháng tuổi. - **Tình trạng sức khỏe tổng quát:** ✓ KHÔNG thở khó. ✓ Nhiệt độ cơ thể: 39.5° – 41°C. ✓ KHÔNG bị thương. ✓ Bò tự đi và đi chuyển bình thường.	Female cattle shall be deemed eligible for transaction only when all of the following criteria are satisfied: - **Body weight (BW):** ✓ Weigh: over than 500 kg. ✓ Month Age: Less than or equal to 110 months - **Health condition requirements:** ✓ **NO** hard breath. ✓ Body temperature 39.5° – 41°C. ✓ **NO** injuries. ✓ The cow is capable of walking independently and moving in a normal manner.
II. ĐIỀU KIỆN ĐẶC BIỆT JVL có thể từ chối mua Bò cái từ một trang trại nếu trang trại đó đang bùng phát dịch bệnh như viêm da nổi cục, lở mồm long móng, tụ huyết trùng hoặc các bệnh nghiêm trọng khác do cơ quan thú y địa phương công bố.	II. SPECIAL CONDITION JVL may refuse to buy cows from a farm that is experiencing an outbreak of diseases like bovine nodular dermatitis, foot-and-mouth disease, hemorrhagic septicemia, or any other serious diseases designated by local veterinary authorities.

PHỤ LỤC 5	ANNEX V
SỐ LƯỢNG BÒ FC XUẤT BÁN TỪNG TRẠI TRÊN TỪNG CHUYẾN	LIST OF FEMALE CATTLE FOR MONTHLY SHIPMENT AT EACH FARM
Ngày ..... tháng ..... năm	Dated on ..... month ..... year .....
Số lượng bò cái sẽ được Hiếu Hải mua tối thiểu theo từng trại trên từng chuyến trong năm 2026 được thể hiện tại bảng dưới đây, áp dụng trong trường hợp đàn bò của trại đạt các tiêu chí lựa chọn đã thỏa thuận:	The minimum quantity of cattle to be purchased from each farm per shipment in 2026 is set out in the table below, applicable only in the event that the farm's cattle meet the agreed selection criteria.

Trang trại Farms	Số lượng tối thiểu/chuyến MOQ of Heads/shipment

UBND TỈNH VĨNH PHÚC
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI

Số: 26/001/2025/ĐKCN

Tên cơ sở chăn nuôi: TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Địa chỉ trụ sở: Số 519, đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ trang trại: Thôn Yên Bình, xã Minh Quang, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

Số điện thoại: 02438626763; Email: vilico@vilico.vn

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0100104443, cấp ngày 16/11/2023.

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện chăn nuôi.

Gia súc: Bò thịt, bò ngoại, giống HF và các giống bò khác; Số lượng: 10.000 con.

Vĩnh Phúc, ngày 08 tháng 5 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC

Lương Văn Long